

## **CHUYÊN ĐỀ 1:**

### **QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC XÁC MINH, GIẢI QUYẾT VỤ CHÁY CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH**

#### **I. Các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn**

1. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;
2. Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025);
3. Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024;
4. Luật Giám định tư pháp năm 2020;
5. Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015;
6. Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 88/2025/QH15;
7. Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 về Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng ngày 28/03/2012;
8. Nghị định số [157/2020/NĐ-CP](#) ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [85/2013/NĐ-CP](#) ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.
9. Nghị định số 250/2025/NĐ-CP ngày 22/9/2025 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự.
10. Thông tư số 30/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số [30/2018/NĐ-CP](#) ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Nghị định số [97/2019/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [30/2018/NĐ-CP](#) ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự.
11. Thông tư số 49/2017/TT-BCA ngày 26/10/2017 quy định chi tiết chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự; thành phần, số người

thực hiện nhiệm vụ khi giám định đối với trường hợp khám nghiệm tử thi, mổ tử thi và khai quật tử thi;

12. Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2018 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/11/2021, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/1/2022)

13. Thông tư số 11/2025/TT-BCA ngày 27/02/2025 của Bộ Công an quy định về tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra; phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; thẩm quyền điều tra hình sự trong CAND.

14. Thông tư số 28/2020/TT-BCA ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của lực lượng Công an nhân dân (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 129/2021/TT-BCA ngày 31/12/2021, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/2/2022).

15. Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

16. Thông tư số 37/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ Công an quy định về nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân.

17. Thông tư số 128/2025/TT-BCA ngày 19/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2021/TT-BCA ngày 08/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự.

18. Thông tư số 36/2022/TT-BCA ngày 96/10/2022 của Bộ Công an quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và cấp, thu hồi Giấy chứng nhận Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra trong Công an nhân dân.

19. Hướng dẫn số 02/HDLN-BCA-VKSNDTC ngày 31/01/2024 của Bộ Công an - Viện kiểm sát Nhân dân tối cao về việc Phối hợp thực hiện thủ tục trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân.

20. Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐTP ngày 24/4/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 313 của Bộ luật hình sự.

21. Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018 hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

22. Thông tư số 109/2025/TT-BCA ngày 20/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công trách nhiệm, quan hệ, quy trình xác minh, giải quyết vụ cháy, giải quyết vụ cháy trong Công an nhân dân.

23. Thông tư số 98/2024/TT-BCA ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình khám nghiệm hiện trường trong tố tụng hình sự của lực lượng CAND.

24. Thông tư số 81/2021/TT-BCA ngày 26/7/2021 của Bộ Công an quy định về phân công trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong công tác khám nghiệm hiện trường của lực lượng Công an nhân dân.

25. Công văn số 542/BCA- C07 ngày 20/02/2025 của Bộ Công an về việc hướng dẫn phân công, phân cấp thực hiện công tác PCCC và CNCH.

26. Công văn số 611/C07- P1 ngày 13/03/2025 của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ về việc thực hiện hướng dẫn của Bộ Công an về mô hình tổ chức mới

27. Hướng dẫn số 3948/BCA-X01 ngày 29/8/2025 về việc hướng dẫn tiêu chí triển khai một số Đội, Tổ thuộc PC07.

## **II. Thẩm quyền của Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH:**

### **1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra:**

1.1. Một số khái niệm, giải thích từ ngữ:

Điều 4 BLTTHS quy định:

- Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng gồm: Cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra.

- Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng gồm: Người tiến hành tố tụng và người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

- Nguồn tin về tội phạm gồm tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của Cơ quan, tổ chức, cá nhân, lời khai của người phạm tội tự thú và thông tin về tội phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện.

- Dẫn giải là việc cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế người làm chứng, người bị tố giác hoặc bị kiến nghị khởi tố đến địa điểm tiến hành điều tra, truy tố, xét xử hoặc người bị hại từ chối.

1.2. Cơ quan và người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra:

\* Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra:

- Điều 35 Luật Tố tụng Hình sự quy định:

"1. Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gồm:

....

e) Các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;"

- Điều 9 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự:

"6. Các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động Điều tra gồm có Cục Quản lý xuất nhập cảnh; các cục nghiệp vụ an ninh ở Bộ Công an; Phòng Quản lý xuất nhập cảnh; các phòng nghiệp vụ an ninh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Công an cấp tỉnh) và Đội An ninh ở Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Công an cấp huyện); Cục Cảnh sát giao thông; **Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Phòng Cảnh sát giao thông; **Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**; Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Trại giam."

Điều 10 Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động Điều tra:

Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động Điều tra khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm hoặc phát hiện hành vi phạm tội đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì tiến hành các hoạt động kiểm tra, xác minh và Điều tra theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật TCCQĐTHTS.

\* Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra:

- Khoản 2 Điều 35 Luật Tố tụng Hình sự quy định người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra: Cục trưởng, Phó Cục trưởng, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân.

Điểm e khoản 3 Điều 1 Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025, quy định: Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của các cơ quan khác trong Công an nhân dân gồm Cục trưởng, Phó Cục trưởng, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân, Giám thị, Phó Giám thị Trại giam theo quy định của [Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự](#)”.

1.3. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của các cơ quan khác của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động Điều tra:

Điều 40 Bộ luật tố tụng hình sự:

\* Cấp trưởng có nhiệm vụ, quyền hạn sau (Khoản 1 Điều 40):

- Trực tiếp tổ chức và chỉ đạo các hoạt động khởi tố, điều tra vụ án hình sự;
- Quyết định phân công hoặc thay đổi cấp phó, cán bộ điều tra trong việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự;
- Kiểm tra các hoạt động thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự của cấp phó và cán bộ điều tra;
- Quyết định thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của cấp phó, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Khi cấp trưởng vắng mặt, một cấp phó được uỷ quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cấp trưởng và chịu trách nhiệm trước cấp trưởng về nhiệm vụ được uỷ quyền.

\* Khi tiến hành tố tụng hình sự, cấp trưởng, cấp phó có nhiệm vụ, quyền hạn:

- Thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật từ những người có liên quan để kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm.
- Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; quyết định khởi tố, không khởi tố, thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án;
- Trực tiếp tổ chức và chỉ đạo khám nghiệm hiện trường;

- Quyết định khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án;

- Triệu tập và lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người làm chứng, bị hại, đương sự.

\* Cán bộ điều tra có nhiệm vụ, quyền hạn:

- Lập hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, lấy lời khai của những người liên quan để kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm;

- Lập hồ sơ vụ án hình sự;

- Lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người làm chứng, bị hại, đương sự;

- Tiến hành khám nghiệm hiện trường; thi hành lệnh khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án;

- Giao, gửi các lệnh, quyết định và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

## **2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thẩm quyền của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH và Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp tỉnh:**

### **2.1. Thẩm quyền điều tra:**

Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại các điều (Điều 19 Thông tư số 11/2025/TT- BCA):

(1) Điều **305**: Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ;

(2) Điều **307**: Tội vi phạm quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ;

(3) Điều **311**: Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc;

(4) Điều **312** : Tội vi phạm quy định về quản lý chất cháy, chất độc;

(5) Điều **313** : Tội vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy

Thì Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015: Ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan

trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

### **2.1. Thẩm quyền tiếp nhận nguồn tin về tội phạm:**

- Thông tư 28/2020/TT-BCA ngày 26/3/2020 quy định:

Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh phải bố trí cán bộ trực ban theo quy định của Bộ Công an để kịp thời tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm. Việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm theo thẩm quyền điều tra của mình. Việc tiếp nhận phải được ghi vào sổ trực ban và phải tiến hành phân loại để xác định thẩm quyền giải quyết trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi tiếp nhận. Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết thì thực hiện theo quy định Thông tư 28/2020/TT-BCA. Ngoài ra đối với việc xác minh, giải quyết vụ cháy của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH thì thực hiện theo Thông tư 109/2025/TT-BCA.

- Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh thực hiện theo Điều 40 Bộ Luật TTHS.

\* Yêu cầu nghiệp vụ, nhiệm vụ, quyền hạn của Cán bộ điều tra Cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra (Khoản 3,4 Bộ luật TTHS; Khoản 2 Điều 59 Luật TCCQĐTHS):

Khi tiến hành điều tra vụ án, Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phân công người thuộc cơ quan, đơn vị làm Cán bộ Điều tra giúp mình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn Điều tra theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật TCCQĐTHS. Cán bộ Điều tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của [Bộ luật tố tụng hình sự](#) và Luật TCCQĐTHS.

Theo Điều 10 Thông tư 36/2022/TT-BCA thì "Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, phân công làm cán bộ điều tra

Cán bộ đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn sau được xem xét bổ nhiệm làm cán bộ điều tra thuộc Cơ quan điều tra hoặc được phân công làm cán bộ điều tra thuộc Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra:

1. Có trình độ đại học an ninh, đại học cảnh sát hoặc cử nhân luật trở lên;
2. Có thời gian làm công tác pháp luật từ 01 năm trở lên.

Như vậy, cán bộ tốt nghiệp đại học PCCC không đủ điều kiện để được phân công làm cán bộ điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH (vai trò của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong CAND).

Tuy nhiên, tại Điều 3 Thông tư 109/2025/TT-BCA đã bổ sung cán bộ tốt nghiệp đại học PCCC đủ điều kiện để được phân công làm cán bộ điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH (vai trò của cán bộ điều tra thuộc Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong CAND) .

Nội dung này hoàn toàn mới so với Thông tư số 88/2024/TT-BCA. Cụ thể Điều 3 quy định:

"Khoản 1: Cán bộ được phân công làm Cán bộ điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có trình độ Đại học An ninh nhân dân, Đại học Cảnh sát nhân dân, Đại học Phòng cháy và chữa cháy trở lên; cử nhân luật trở lên được bồi dưỡng nghiệp vụ Công an theo quy định;

b) Có thời gian thực hiện công tác pháp luật từ 01 năm trở lên;

c) Đã được tập huấn nghiệp vụ xác minh, giải quyết vụ cháy.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Cán bộ Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bảo đảm yêu cầu quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này được phân công thụ lý xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính."

Trong phạm vi trách nhiệm của mình, cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của Cơ quan Cảnh sát PCCC phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình. Cấp trưởng, cấp phó không được ủy quyền cho cán bộ điều tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Cán bộ điều tra của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh được quy định tại Khoản 3 Điều 40 Bộ luật TTHS.

"a) Lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; lấy lời khai của những người có liên quan để kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm;

b) Lập hồ sơ vụ án hình sự;

c) Lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người làm chứng, bị hại, đương sự;

d) Tiến hành khám nghiệm hiện trường; thi hành lệnh khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án;

đ) Giao, gửi các lệnh, quyết định và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này"





## CHUYÊN ĐỀ 2

### Quy định trình tự tiếp nhận, xác minh, giải quyết vụ cháy của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH

#### I. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TẠI HIỆN TRƯỜNG

##### 1. Trách nhiệm của các lực lượng thực hiện nhiệm vụ tại hiện trường (Điều 11 Thông tư 109/2025/TT-BCA)

1. Sau khi tiếp nhận tin báo cháy, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thông báo cho Công an cấp xã hoặc Đoàn Công an nơi xảy ra cháy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan.

2. Đội chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khu vực hoặc Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông quản lý địa bàn nơi xảy ra cháy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ tại hiện trường vụ cháy theo quy định tại khoản 1 điều 6, khoản 1 điều 7 và điểm d khoản 1 điều 9 Thông tư này.

3. Cấp trưởng các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này phân công các lực lượng thuộc thẩm quyền quản lý phối hợp thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

##### 2. Xác định sơ bộ thiệt hại về người và tài sản, đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy (Điều 12 Thông tư 109)

1. Đội chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khu vực hoặc Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông quản lý địa bàn nơi xảy ra cháy chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản, đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy, thành phần gồm:

a) Chỉ huy Đội, cán bộ thuộc Đội chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khu vực hoặc Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông; cán bộ thuộc Tổ xác minh, giải quyết vụ cháy được phân công;

b) Đại diện Công an cấp xã, Điều tra viên tại Công an cấp xã quản lý địa bàn nơi xảy ra cháy; đại diện Đoàn Công an quản lý địa bàn nơi xảy ra vụ cháy; Điều tra viên của Cơ quan Cảnh sát điều tra được phân công;

c) Đại diện UBND cấp xã nơi xảy ra vụ cháy;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức, cơ sở; đại diện hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông, chủ sở hữu hợp pháp của tài sản bị thiệt hại hoặc người đại diện hợp pháp (nếu có);

đ) Người chứng kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có kiến thức chuyên môn (nếu có).

2. Nội dung xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản

- a) Số người bị chết, người bị thương;
- b) Thiệt hại về tài sản (tổng giá trị nhà, công trình và các tài sản gắn liền với nhà, công trình, phương tiện giao thông, vật tư, thiết bị và hàng hóa, tài sản khác bị thiệt hại do cháy khi đủ căn cứ chứng minh, xác định giá trị).

c) Dấu hiệu tội phạm theo quy định của pháp luật hình sự.

3. Phương pháp, thủ tục xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản.

Chỉ huy đơn vị chủ trì phân công thành phần tham gia thực hiện các nhiệm vụ:

a) Lấy lời khai người bị hại, thu thập tài liệu có liên quan đến tài sản bị thiệt hại do cháy (nếu có);

b) Đánh giá, xác định sơ bộ thiệt hại theo các nội dung theo quy định tại khoản 2 điều này.

4. Xác định thủ tục, thẩm quyền xác minh, giải quyết vụ cháy theo quy định tại các điều 3, 6, 7 và 9 Thông tư này.

5. Việc xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản, đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy phải lập Biên bản theo mẫu số 01 của Thông tư này. Trường hợp các thành phần tham gia có ý kiến khác nhau thì đơn vị chủ trì quyết định kết quả xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản.

### **3. Chuyển giao hồ sơ, tài liệu**

1. Căn cứ kết quả xác định tại khoản 4 điều 12 Thông tư này, đơn vị chủ trì xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản chuyển giao hồ sơ, tài liệu ban đầu cho đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy, cụ thể:

a) Công an cấp xã, Đồn Công an xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 2 điều 6 Thông tư này;

b) Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh xác minh, giải quyết vụ cháy theo quy định tại khoản 3, khoản 6 điều 7 Thông tư này;

c) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh xác minh, giải quyết vụ cháy theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 9 Thông tư này.

2. Cán bộ thuộc cơ quan, đơn vị thụ lý xác minh, giải quyết vụ cháy quy định tại khoản 1 Điều này tham gia xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản thực hiện tiếp nhận hồ sơ, tài liệu do đơn vị chủ trì chuyển giao. Việc chuyển giao, tiếp nhận hồ sơ tài liệu phải lập biên bản theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này

3. Trường hợp vụ cháy do Bộ trưởng Bộ Công an, Giám đốc Công an cấp

tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh trực tiếp phân công đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết thì Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyển giao hồ sơ, tài liệu cho đơn vị được phân công.

## **II. CÔNG TÁC XÁC MINH, GIẢI QUYẾT VỤ CHÁY THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH**

### **1. Một số biểu mẫu dùng trong xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính (Điều 5 Thông tư số 109/2025/TT-BCA):**

- Biên bản xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản, đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy (Mẫu số 01);
- Biên bản chuyển giao hồ sơ, tài liệu ban đầu (Mẫu số 02);
- Biên bản ghi nhận hiện trường vụ cháy (Mẫu số 03);
- Sơ đồ hiện trường vụ cháy (Mẫu số 04);
- Biên bản ghi lời khai trong xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính (Mẫu số 05);
- Kế hoạch xác minh, giải quyết vụ cháy (Mẫu số 06);
- Báo cáo kết quả khám nghiệm hiện trường vụ cháy (Mẫu số 07);
- Báo cáo, đề xuất giải quyết vụ cháy (Mẫu số 08);
- Quyết định phân công cán bộ xác minh, giải quyết vụ cháy (Mẫu số 09);
- Thông báo kết quả xác minh, giải quyết vụ cháy (Mẫu số 11);
- Văn bản cung cấp tài liệu (Mẫu số 12);
- Sổ theo dõi giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính (Mẫu số 13);
- Thống kê kết quả xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính (Mẫu số 14);

### **2. Điều kiện để xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính (Điều 3 Thông tư 109)**

"1. Vụ cháy được xác minh, giải quyết theo thủ tục hành chính khi có đủ các điều kiện: vụ cháy đã được dập tắt; không có người chết hoặc bị thương và qua xác định sơ bộ thiệt hại về tài sản dưới 100.000.000 đồng, không có dấu hiệu tội phạm.

2. Vụ cháy không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 thì xác minh, giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự."

### **3. Thẩm quyền xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính:**

a) Công an xã, phường, đặc khu (gọi chung là Công an cấp xã), Đoàn Công an (*khoản 2 Điều 6 Thông tư 109*):

Chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính đối với vụ cháy không thuộc cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn quản lý theo sự phân công của Giám đốc Công an cấp tỉnh.

b) Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực; Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông (*điểm b khoản 6 Điều 7 Thông tư 109*):

Chủ trì xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản; xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính tại địa bàn quản lý trừ vụ cháy do Tổ xác minh, giải quyết vụ cháy của PC07 thụ lý theo phân công của Trưởng phòng PC07.

c) Tổ xác minh, giải quyết vụ cháy tại Đội Công tác phòng cháy thuộc PC07 (*điểm 1 khoản 6 Điều 7 Thông tư 109*):

Chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông khi có sự phân công của Trưởng phòng PC07.

**4. Thời hạn xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính (*Điều 16 Thông tư 109*):**

- Thời hạn xác minh, giải quyết vụ cháy là 15 ngày làm việc kể từ ngày phân công giải quyết, trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian xác minh thì thời hạn xác minh, giải quyết không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày phân công giải quyết.

- Khi xác minh, giải quyết phải ghi vào sổ theo dõi giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính (Mẫu số 13, Thông tư 109).

- Trường hợp vụ cháy có dấu hiệu vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thì thời hạn giải quyết được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

**5. Hồ sơ xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính (*Khoản 1 Điều 27 Thông tư 109*):**

a) Biên bản xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản, đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy; biên bản chuyển giao hồ sơ, tài liệu ban đầu;

b) Sơ đồ hiện trường vụ cháy; biên bản ghi nhận hiện trường vụ cháy; bản ảnh;

c) Biên bản ghi lời khai trong xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính;

d) Báo cáo đề xuất giải quyết vụ cháy; thông báo kết quả xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính;

đ) Quyết định phân công xác minh, giải quyết vụ cháy (mẫu 09);

e) Đề nghị trung cầu giám định/định giá tài sản;

g) Bản sao Biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có), các tài liệu khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có liên quan (nếu có);

h) Báo cáo, bản tường trình, cam kết không khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp và tự khắc phục hậu quả của đại diện cơ sở, hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông, chủ sở hữu hợp pháp của tài sản bị thiệt hại (nếu có).

k) Thống kê tài liệu có trong hồ sơ; biên bản bàn giao hồ sơ và tài liệu khác có liên quan (nếu có);

### **III. CÔNG TÁC XÁC MINH, GIẢI QUYẾT VỤ CHÁY THEO TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TỐ GIÁC, TIN BÁO VỀ TỘI PHẠM CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH**

#### **A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **1. Khái niệm, nguyên tắc và một số quy định chung**

###### **\* Một số khái niệm**

Điều 144 Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định:

- *Tố giác về tội phạm* là việc cá nhân phát hiện và tố cáo hành vi có dấu hiệu tội phạm với cơ quan có thẩm quyền.

- *Tin báo về tội phạm* là thông tin về vụ việc có dấu hiệu tội phạm do cơ quan, tổ chức, cá nhân thông báo với cơ quan có thẩm quyền hoặc thông tin về tội phạm trên phương tiện thông tin đại chúng.

Tố giác, tin báo về tội phạm có thể bằng lời hoặc bằng văn bản.

- *Kiến nghị khởi tố* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiến nghị bằng văn bản và gửi kèm theo chứng cứ, tài liệu liên quan cho cơ quan điều tra, viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét, xử lý vụ việc có dấu hiệu tội phạm.

###### **\* Mục đích, yêu cầu của hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm**

Một là, hoạt động kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm nhằm làm rõ có tội phạm xảy ra hay không, để khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự.

Có dấu hiệu của tội phạm hay không?... (*tội phạm là gì? Các dấu hiệu của tội phạm*).

*Hai là*, việc tiến hành các hoạt động thu thập tài liệu, chứng cứ phải khẩn trương, khách quan và bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Là một giai đoạn độc lập của quá trình tố tụng hình sự, có mối quan hệ hữu cơ với giai đoạn điều tra tiếp theo.

*Ba là*, áp dụng những biện pháp phù hợp để ngăn chặn, giảm thiểu hậu quả do tội phạm gây ra, bảo đảm các yêu cầu điều tra ban đầu.

**\* Nguyên tắc tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm** (Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2017)

- *Nguyên tắc 1*: Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- *Nguyên tắc 2*: Mọi tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố phải được tiếp nhận đầy đủ, giải quyết kịp thời theo trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và quy định tại Thông tư liên tịch này.

- *Nguyên tắc 3*: Chỉ những cơ quan và người có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố mới được tiến hành giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

- *Nguyên tắc 4*: Trong quá trình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, người có thẩm quyền phải nghiêm chỉnh thực hiện quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về hành vi, quyết định của mình. Người làm trái pháp luật trong tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- *Nguyên tắc 5*: Cơ quan tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố về việc giữ bí mật việc tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của họ, người thân thích của họ khi bị đe dọa.

**\* Trách nhiệm tiếp nhận và thẩm quyền giải quyết**

- *Trách nhiệm tiếp nhận*

Khoản 1 Điều 145 BLTTHS quy định: Mọi tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố phải được tiếp nhận đầy đủ, giải quyết kịp thời. Cơ quan, tổ chức có

trách nhiệm tiếp nhận không được từ chối tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Khoản 2 Điều 145 BLTTHS và khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 01/2017 quy định: Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố gồm: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát (*tố giác, tin báo và kiến nghị khởi tố*); Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Cơ quan, tổ chức khác (*Các cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 145 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 gồm: Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an, Trạm Công an; Tòa án các cấp; Cơ quan báo chí và các cơ quan, tổ chức khác*) tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm.

- *Thẩm quyền giải quyết*

Khoản 3 Điều 145 BLTTHS và Điều 5, Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2017 quy định ***Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra (chỉ giải quyết tin báo, tố giác).***

## **2. Tổ chức việc tiếp nhận, phân loại, xử lý nguồn tin về tội phạm.**

### **\* Tổ chức việc tiếp nhận**

(1) Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2017 và Điều 4 Thông tư số 28/2020 quy định: Cơ quan điều tra của Công an nhân dân phải tổ chức trực ban hình sự 24/24 giờ; Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Công an cấp xã, Đoàn Công an phải bố trí cán bộ trực ban để kịp thời tiếp nhận nguồn tin về tội phạm.

(2) Khoản 5 Điều 4 Thông tư 28/2020 quy định: Cán bộ làm công tác trực ban hình sự hoặc được phân công tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm *chỉ tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm*, kiến nghị khởi tố, không tiếp nhận các thông tin do cá nhân hoặc đại diện cơ quan, tổ chức trực tiếp đến phản ánh, đến gửi đơn hoặc các hình thức văn bản khác có nội dung liên quan đến lĩnh vực hành chính, dân sự không thuộc thẩm quyền giải quyết của lực lượng Công an nhân dân, mà tiến hành lập biên bản hướng dẫn công dân gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (*trừ trường hợp đơn, thư được gửi qua đường bưu điện, giao liên*).

### **\* Các hình thức tiếp nhận nguồn tin về tội phạm**

(1) *Trực tiếp tiếp nhận nguồn tin (Điều 5 Thông tư số 28/2020)*

- Trường hợp cá nhân trực tiếp đến tố giác về tội phạm hoặc đại diện cơ quan, tổ chức trực tiếp đến báo tin về tội phạm thì cán bộ tiếp nhận phải lập “*Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm*” theo mẫu số 01 (*ban hành kèm theo Thông tư số 128/2025/TT-BCA ngày 19/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự*), có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tố giác,

báo tin và hướng dẫn họ viết đơn trình báo (có thể ghi âm, ghi hình có âm thanh khi thấy cần thiết).

Đơn do cán bộ hướng dẫn viết phải thể hiện được thông tin của người tố giác, báo tin; thời gian, địa điểm, nội dung, diễn biến vụ việc; các tình tiết khác có liên quan và lý do vì sao họ biết về tố giác, báo tin; đề nghị của họ .v.v.

Trường hợp người tố giác, báo tin từ chối cung cấp thông tin cá nhân thì vẫn phải tiến hành tiếp nhận theo trình tự, thủ tục và ghi rõ lý do từ chối vào biên bản.

- Trường hợp cá nhân, đại diện cơ quan, tổ chức trực tiếp đến gửi tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố bằng văn bản thì cán bộ tiếp nhận cũng phải lập “Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm” theo mẫu số 01 (ban hành kèm theo Thông tư số 128/2025/TT-BCA).

- Trường hợp người dưới 18 tuổi, người nước ngoài, người dân tộc ít người trực tiếp đến tố giác, báo tin về tội phạm

+ Đối với trường hợp người dưới 18 tuổi trực tiếp đến tố giác, báo tin về tội phạm thì cán bộ tiếp nhận phải lập biên bản tiếp nhận theo quy định (tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 28/2020), trong quá trình làm việc cán bộ tiếp nhận cần chú ý khai thác thông tin về nhân thân, lai lịch, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp của người dưới 18 tuổi và liên lạc mời họ nhanh chóng đến trụ sở làm việc để giám hộ. Trong trường hợp người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp không đến kịp thì mời người chứng kiến hoặc ghi âm, ghi hình có âm thanh (việc ghi âm, ghi hình được ghi rõ vào biên bản và bảo quản theo quy định). Đồng thời khi lấy lời khai cần chú ý đến thái độ, biểu hiện tâm lý của họ để kịp thời có những tác động tích cực nhằm đảm bảo hiệu quả, sau đó báo cáo lãnh đạo, chỉ huy để xử lý;

+ Đối với người nước ngoài, người dân tộc ít người trực tiếp đến tố giác, báo tin về tội phạm không nói, viết được ngôn ngữ tiếng Việt thì cán bộ tiếp nhận, căn cứ vào khả năng ngôn ngữ của mình để tiếp nhận hoặc kịp thời báo cáo lãnh đạo, chỉ huy để phương án xử lý.

## (2) Tiếp nhận qua điện thoại

Trường hợp tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm qua điện thoại thì cán bộ tiếp nhận phải ghi chép vào sổ tiếp nhận đầy đủ các thông tin sau:

a) Thời gian tiếp nhận thông tin, họ tên cán bộ tiếp nhận; họ tên, địa chỉ, số điện thoại, số chứng minh nhân dân (hoặc căn cước công dân), ngày, tháng, năm, đơn vị cấp của người tố giác, báo tin;

b) Thời gian, địa điểm xảy ra vụ việc;

c) Tóm tắt nội dung, diễn biến vụ việc;

d) Các thông tin khác có liên quan (nếu có) như: họ tên, địa chỉ, đặc điểm nhận dạng của đối tượng, người làm chứng, bị hại, hướng bỏ trốn của đối tượng, công cụ, phương tiện phạm tội, hậu quả thiệt hại, những việc đã làm tại hiện trường khi phát hiện vụ việc ...;

e) Lý do người tố giác, báo tin biết được vụ việc đó, những ai cùng biết vụ việc đó;

Trường hợp người tố giác, báo tin từ chối cung cấp thông tin cá nhân thì cán bộ tiếp nhận vẫn phải tiến hành tiếp nhận và ghi rõ lý do từ chối;

Sau đó cán bộ tiếp nhận viết thành văn bản báo cáo lãnh đạo, chỉ huy để xử lý.

*(3) Tiếp nhận nguồn tin phản ánh qua phương tiện thông tin đại chúng, qua hòm thư điện tử, báo nói, báo hình*

a) Đối với thông tin về vụ việc có dấu hiệu tội phạm phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng thì cán bộ được phân công phải tiếp nhận bằng cách sao chụp, ghi chép hoặc in bài viết ra giấy báo cáo lãnh đạo, chỉ huy để xử lý; đối với tin báo về tội phạm đã xác định được dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan, đơn vị nào thì cơ quan, đơn vị đó ghi nhận và giải quyết;

b) Đối với thông tin về vụ việc có dấu hiệu tội phạm phản ánh trên báo nói, báo hình thì cán bộ tiếp nhận viết thành văn bản báo cáo lãnh đạo, chỉ huy để xử lý;

c) Tiếp nhận thông tin về vụ việc có dấu hiệu tội phạm qua hòm thư điện tử thì cán bộ tiếp nhận có trách nhiệm in thư ra giấy hoặc viết nội dung đó thành văn bản báo cáo lãnh đạo, chỉ huy để xử lý.

*(4) Tiếp nhận đơn, thư có nội dung liên quan đến tội phạm được gửi qua đường bưu điện, giao liên, thì ngay sau khi tiếp nhận, cán bộ tiếp nhận phải tiến hành phân loại và báo cáo lãnh đạo, chỉ huy để xử lý hoặc chuyển đến bộ phận, đơn vị có chức năng tiếp nhận, phân loại, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố để tiến hành phân loại, xử lý theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư số 28/2020.*

Đối với đơn, thư hoặc các hình thức văn bản khác, không ghi rõ tên tuổi, địa chỉ, không có chữ ký trực tiếp hoặc điểm chỉ của người tố giác, báo tin hoặc của người gửi đơn, thư nhưng có nội dung rõ ràng về người có hành vi vi phạm pháp luật, có tài liệu, chứng cứ cụ thể về hành vi vi phạm pháp luật và có cơ sở để kiểm tra, xác minh, thì cán bộ tiếp nhận vẫn tiến hành tiếp nhận, phân loại, xử lý theo quy định.

*Lưu ý: Tất cả các trường hợp tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, cán bộ tiếp nhận phải ghi vào “Sổ theo dõi tiếp nhận, phân loại nguồn tin*

về tội phạm” theo mẫu số 294 (ban hành theo Thông tư số 128/2025), và phải có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ đồ vật, tài liệu có liên quan không để hư hỏng thất lạc, không làm thay đổi hình thức, nội dung văn bản tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; đóng dấu đến, ghi rõ số, ngày, tháng, năm tiếp nhận và nhập vào phần mềm cơ sở dữ liệu (nếu có) để quản lý, theo dõi. Sau khi hoàn thiện thủ tục tiếp nhận thì đơn vị tiếp nhận, cán bộ tiếp nhận tiến hành phân loại, xử lý theo trình tự, thủ tục quy định tại Mục 2 Chương II Thông tư số 28/2020.

**\* Tiếp nhận, xử lý đối với tố giác, tin báo về hành vi phạm tội đang diễn ra, hành vi phạm tội diễn ra vừa kết thúc thì bị phát hiện: (Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 28/2020).**

“1. Khi tiếp nhận tố giác, tin báo về hành vi phạm tội đang diễn ra hoặc hành vi phạm tội diễn ra vừa kết thúc thì bị phát hiện trên địa bàn mình hoặc trên địa bàn giáp ranh thì cán bộ tiếp nhận tiến hành lập biên bản hoặc ghi chép vào sổ tiếp nhận và kịp thời báo cáo lãnh đạo, chỉ huy đơn vị mình.

...b) Trường hợp cơ quan tiếp nhận là cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân thì phải thông báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền, hoặc cơ quan Công an nơi gần nhất biết để kịp thời xử lý và tổ chức phối hợp nếu cần thiết;

- Các biện pháp cấp bách tại hiện trường: (khoản 1 Điều 6 Thông tư 28)

(1) Ngăn chặn ngay hành vi phạm tội đang xảy ra hoặc có thể tiếp tục xảy ra; bắt người phạm tội quả tang hoặc truy bắt đối tượng thực hiện hành vi phạm tội theo dấu vết nóng; ngăn chặn việc tiêu hủy tài liệu, chứng cứ, tẩu tán tang vật và những hậu quả khác có thể xảy ra; đánh dấu các vị trí của hiện trường và cấp cứu người bị nạn (đánh dấu vị trí của người bị nạn trước khi tổ chức cấp cứu); ghi lời khai ngay của những người có liên quan đến vụ việc phạm tội đang trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng; cứu tài sản;

(2) Tổ chức bảo vệ hiện trường;

(3) Ổn định tình hình, an ninh trật tự trong khu vực và trên địa bàn; ổn định tinh thần cho nạn nhân và thân nhân nạn nhân;

(4) Lấy lời khai người làm chứng, bị hại, đối tượng bị bắt giữ, người liên quan, người đại diện hợp pháp của bị hại (trường hợp bị hại là trẻ em, người đang bị bệnh hiểm nghèo, có nhược điểm về thể chất, tâm thần,...), người đại diện hợp pháp hoặc người được ủy quyền của cơ quan, tổ chức bị thiệt hại...;

(5) Khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi (nếu có); thu giữ các đồ vật, tài liệu, chứng cứ nghi liên quan đến vụ việc phạm tội tại hiện trường.

*\* Đối với tố giác, tin báo về hành vi phạm tội đang diễn ra hoặc hành vi phạm tội diễn ra vừa kết thúc thì bị phát hiện xảy ra ở địa bàn giáp ranh, nếu xác định không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì Cơ quan điều tra sau khi tiến hành xong các biện pháp cấp bách tại hiện trường, có trách nhiệm chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm, kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan đã tiếp nhận và kết quả thực hiện các biện pháp tại hiện trường cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để giải quyết trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi có căn cứ xác định. Trong trường hợp không thể chuyển ngay thì phải thông báo bằng hình thức liên lạc nhanh nhất cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền biết.*

***\* Một số vấn đề cần chú ý khi tiếp nhận***

- Trường hợp phạm tội quả tang thì lập biên bản phạm tội quả tang theo luật định. Trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ vụ việc do các đơn vị, lực lượng khác chuyển đến thì lập biên bản giao nhận hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Khi tiếp nhận, cán bộ tiếp nhận tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố phải chú ý lắng nghe, có thái độ lịch sự, tác phong chỉnh tề, có thái độ khách quan công bằng.

- Chú ý tới nhân cách, diễn biến tâm lý, trình độ văn hóa, địa vị xã hội của người có tố giác, báo tin về tội phạm.

- Khi tiếp nhận tố giác, tin báo có kèm theo đối tượng phạm pháp, vật chứng thì phải lập biên bản tiếp nhận hoặc bàn giao theo luật định.

- Khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm cơ quan, cán bộ tiếp nhận phải khai thác mọi hiểu biết của người tố giác, báo tin về tội phạm để làm cơ sở tiến hành những biện pháp cấp bách và những biện pháp kiểm tra, xác minh tiếp theo nhằm làm sáng tỏ nội dung vụ việc.

***\* Phân loại, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm***

Phân loại, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động giải quyết TGTBTP (*quy định cụ thể tại Khoản 5 Điều 8 Thông tư liên tịch số 01/2017 và Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 28/2020*):

- Thời gian phân loại: Không quá 24 giờ kể từ khi tiếp nhận.

+ Nếu tố giác, tin báo về tội phạm thuộc thẩm quyền thì giải quyết theo quy định.

+ Nếu có căn cứ xác định tố giác, tin báo về tội phạm không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì chuyển ngay đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi có căn cứ xác định. Trong trường hợp không thể chuyển ngay thì phải thông báo bằng hình thức liên lạc nhanh nhất cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền biết.

*Xác định thẩm quyền giải quyết:* Việc xác định thẩm quyền giải quyết được căn cứ theo khoản 3 Điều 145 (*Thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm*) và Điều 163

(*Thẩm quyền điều tra*) Bộ luật Tố tụng hình sự để phân loại, xử lý nguồn tin về tội phạm, bảo đảm việc giải quyết đúng thẩm quyền.

- “Điều 25. *Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra:*

2. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại các điều 305 (*Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ*), 307 (*Tội vi phạm quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ*), 311 (*Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc*), 312 (*Tội vi phạm quy định về quản lý chất cháy, chất độc*) và 313 (*Tội vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy*) của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) thì Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại **Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự** năm 2015 đối với các tội phạm này”.

- *Chuyển nguồn tin về tội phạm (Điều 11 Thông tư số 28/2020)*: Việc chuyển nguồn tin về tội phạm không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình (*kể cả nguồn tin về tội phạm đã phân công giải quyết nhưng sau đó lại xác định không thuộc thẩm quyền*) thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân sử dụng biểu mẫu số 3 (*Phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm ban hành kèm theo Thông tư số 128/2025/TT-BCA*) chuyển đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết.

- *Thông báo về việc tiếp nhận (khoản 1 Điều 17 Thông tư số 28/2020)*: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân phải thông báo bằng văn bản về kết quả tiếp nhận cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố (*trừ trường hợp người tố giác, báo tin từ chối cung cấp thông tin cá nhân*) biết.

- *Xử lý đơn nặc danh*: Đối với đơn hoặc các hình thức văn bản khác, không ghi rõ tên, địa chỉ, không có chữ ký trực tiếp hoặc điền chỉ của người gửi nhưng nội dung đơn phản ánh về hành vi phạm tội, có tài liệu, chứng cứ cụ thể thì phải tiếp nhận để giải quyết tin báo, tố giác tội phạm hoặc trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp nghiệp vụ để kiểm tra, xác minh (*Ví dụ: hành vi liên quan đến tội phạm về ma túy...*).

### 3. Giải quyết nguồn tin về tội phạm

**\* Phân công giải quyết:** (Điều 12 Thông tư số 28/2020, Điều 9 và Điều 11 Thông tư liên tịch số 01/2017, Khoản 1 và khoản 2 Điều 147 Bộ luật TTHS)

- Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm thuộc thẩm quyền giải quyết, cấp trưởng Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quy định tại khoản 2 Điều 35 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trực tiếp chỉ đạo việc thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, phân công cán bộ điều tra thuộc quyền hoặc ra Quyết định phân công cấp phó trong việc thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát có thẩm quyền.

Đối với tố giác, tin báo về tội phạm sau khi tiếp nhận đã rõ về dấu hiệu của tội phạm, đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự thì cấp trưởng ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không phải ra Quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. Trong thời hạn 07 ngày phải chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

- Trường hợp nhận được đề nghị tiến hành một số hoạt động xác minh, giải quyết nguồn tin về tội phạm của cơ quan có thẩm quyền điều tra khác mà xét thấy hoạt động xác minh, giải quyết có tính chất phức tạp, kéo dài thì cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải ra Quyết định phân công người có thẩm quyền tiến hành các hoạt động xác minh, giải quyết nguồn tin về tội phạm (thời gian tiến hành các hoạt động xác minh, giải quyết căn cứ theo thời gian ghi trong công văn đề nghị của cơ quan có thẩm quyền đề nghị).

**\* Thời hạn giải quyết:** (Điều 12 Thông tư số 28/2020, Điều 9 và Điều 11 Thông tư liên tịch số 01/2017, Khoản 1 và khoản 2 Điều 147 Bộ luật TTHS)

- Thời hạn giải quyết không quá 20 ngày, kể từ ngày tiếp nhận.

Đối với những tố giác, tin báo về tội phạm có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài nhưng không quá 02 tháng, kể từ ngày tiếp nhận.

- *Gia hạn thời hạn:* Trường hợp chưa thể kết thúc việc kiểm tra, xác minh thì Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng (được phân công hoặc được ủy quyền) Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh nhưng không quá 02 tháng kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra xác minh.

+ Chậm nhất là 05 ngày trước khi hết thời hạn kiểm tra, xác minh, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải có văn bản đề nghị Viện kiểm sát có thẩm quyền gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh.

+ Thời hạn giải quyết tiếp trong trường hợp Viện kiểm sát hủy bỏ Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm của cơ quan đang thụ lý, giải quyết là không quá 01 tháng, kể từ ngày cơ quan đang thụ lý nhận được quyết định hủy bỏ.

+ Thời hạn giải quyết tiếp trong trường hợp cơ quan đang thụ lý, giải quyết nguồn tin tội phạm ra Quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố là không quá 01 tháng, kể từ ngày ra quyết định phục hồi.

**\* Lập kế hoạch kiểm tra, xác minh (Điều 13 Thông tư số 28/2020)**

Khi được phân công tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, Cán bộ điều tra được phân công thụ lý chính thuộc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra, xác minh báo cáo lãnh đạo, chỉ huy phụ trách để trình Cấp trưởng hoặc Cấp phó cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân được phân công (hoặc được ủy quyền) phê duyệt trước khi thực hiện. Nội dung kế hoạch gồm:

(1) Mục đích, yêu cầu của việc kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố;

(2) Tóm tắt nội dung sự việc; đánh giá những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được; những việc đã làm; những việc chưa làm;

(3) Nội dung tiến hành

+ Xác định cụ thể các nội dung cần kiểm tra, xác minh để làm rõ; những tài liệu, chứng cứ cần phải thu thập, cách bảo quản vật chứng; việc gì cần làm trước, việc gì làm sau để đạt được hiệu quả cao nhất;

+ Xác định các biện pháp có thể áp dụng trong quá trình kiểm tra, xác minh: có thể tiến hành các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật nếu xét thấy cần thiết;

+ Xác định các biện pháp bảo vệ người tố giác, báo tin, người làm chứng, bị hại, người tham gia tố tụng khác và người thân thích của họ theo quy định của pháp luật (khi có yêu cầu hoặc nếu xét thấy cần thiết);

(4) Thời gian tiến hành: cần xác định, đề xuất cụ thể thời gian tiến hành kiểm tra, xác minh nhằm đảm bảo thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật;

(5) Tổ chức thực hiện: cần phân công nhiệm vụ cụ thể cho Cán bộ điều tra được phân công để thực hiện; đề xuất phương tiện sử dụng, kinh phí hỗ trợ; chế độ báo cáo khi có vấn đề đột xuất xảy ra trong quá trình thực hiện.

Cán bộ điều tra được phân công chỉ được tiến hành các nội dung kiểm tra, xác minh theo Kế hoạch đã được phê duyệt. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu phát sinh vấn đề mới cần phải tiến hành các biện pháp kiểm tra, xác minh không có trong Kế hoạch đã được phê duyệt thì Cán bộ điều tra được phân công thụ lý chính phải báo cáo, đề xuất bằng văn bản với lãnh đạo, chỉ huy phụ trách cho ý kiến trước khi trình Cấp trưởng hoặc Cấp phó cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra được phân công (*hoặc được ủy quyền*) để xin ý kiến chỉ đạo; trường hợp cấp bách không thể báo cáo ngay bằng văn bản thì tùy theo điều kiện, hoàn cảnh cụ thể có thể báo cáo bằng các hình thức liên lạc nhanh nhất với lãnh đạo, chỉ huy để xin ý kiến chỉ đạo, sau đó phải báo cáo lại bằng văn bản để lưu hồ sơ.

Cấp trưởng hoặc Cấp phó cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra được phân công (*hoặc được ủy quyền*) giải quyết phải thường xuyên kiểm tra, theo dõi tiến độ, kết quả giải quyết của Cán bộ điều tra trong quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm; Cán bộ điều tra được phân công phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về kết quả kiểm tra, xác minh của mình.

**\* Báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm (Điều 15 Thông tư số 28/2020)**

Chậm nhất là 07 ngày trước khi hết thời hạn giải quyết hoặc khi kết thúc việc kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm thì Cán bộ điều tra được phân công thụ lý chính phải có báo cáo kết thúc việc xác minh bằng văn bản báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp cho ý kiến trước khi trình Cấp trưởng hoặc Cấp phó của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân được phân công (*hoặc được ủy quyền*). Báo cáo kết thúc việc xác minh phải nêu rõ kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và đề xuất cụ thể về việc: khởi tố vụ án hình sự; không khởi tố vụ án hình sự; tạm đình chỉ việc xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh (*việc gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư liên tịch số 01/2017*).

**\* Kết thúc việc giải quyết nguồn tin về tội phạm (Điều 16 Thông tư số 28/2020)**

Khi kết thúc việc kiểm tra, xác minh hoặc hết thời hạn kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền thụ lý, giải quyết phải ra một trong các quyết định sau: Quyết định khởi tố vụ án hình sự; quyết định không khởi tố vụ

án hình sự; quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm quy định tại các Điều 148,155,157,158 BLTTHS.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh cán bộ điều tra được phân công thụ lý chính có trách nhiệm

+ Trường hợp xác định có dấu hiệu tội phạm, có căn cứ khởi tố vụ án hình sự thì dự thảo Quyết định khởi tố vụ án hình sự kèm theo Bản báo cáo kết thúc việc xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, cùng hồ sơ, tài liệu liên quan báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp cho ý kiến trước khi trình Cấp trưởng hoặc Cấp phó cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân được phân công (hoặc được ủy quyền) duyệt, ký ban hành. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân phải gửi Quyết định đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố.

+ Trường hợp xác định không có dấu hiệu tội phạm hoặc tội phạm quy định tại khoản 1 các Điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của Bộ luật hình sự mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố thì dự thảo Quyết định không khởi tố vụ án hình sự kèm theo Bản báo cáo kết thúc việc xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, cùng hồ sơ, tài liệu liên quan báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp cho ý kiến trước khi trình Cấp trưởng hoặc Cấp phó cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân được phân công (hoặc được ủy quyền) duyệt, ký ban hành. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân phải gửi Quyết định đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát có thẩm quyền.

+ Tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm

a) Trường hợp hết thời hạn giải quyết nguồn tin về tội phạm nhưng chưa đủ căn cứ để ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, mà có căn cứ để tạm đình chỉ việc giải quyết theo quy định tại khoản 1, Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì dự thảo Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm kèm theo Bản báo cáo kết thúc việc xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, cùng hồ sơ, tài liệu báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp cho ý kiến trước khi trình Cấp trưởng hoặc Cấp phó của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân được phân công (hoặc được ủy quyền) duyệt, ký;

b) Trường hợp hết thời hạn giải quyết nguồn tin về tội phạm nhưng chưa đủ căn cứ để ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, mà cũng không có những căn cứ để tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm như quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp đề đề xuất Cấp trưởng hoặc Cấp phó cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân được phân công (*hoặc được ủy quyền*) trao đổi với Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền để thống nhất quan điểm giải quyết. Việc trao đổi phải được cụ thể bằng văn bản. Văn bản này có nội dung thể hiện rõ kết quả việc kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm; việc đánh giá các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được; những vấn đề gây cản trở cho việc làm sáng tỏ nội dung vụ việc nhưng không thuộc các trường hợp pháp luật quy định là căn cứ để ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; đường lối giải quyết (quan điểm Tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm). Sau khi Viện kiểm sát có văn bản trao đổi thống nhất với đường lối giải quyết thì dự thảo Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp cho ý kiến trước khi trình Cấp trưởng hoặc Cấp phó cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân được phân công (*hoặc được ủy quyền*) duyệt, ký;

Nếu Viện kiểm sát không đồng ý và đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh, giải quyết tiếp thì cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân đang tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm phải thực hiện yêu cầu kiểm tra, xác minh của Viện kiểm sát;

Nếu Viện kiểm sát không đồng ý và không có yêu cầu kiểm tra, xác minh thì cán bộ điều tra thụ lý chính phải báo cáo lãnh đạo, chỉ huy đề đề xuất Cấp trưởng hoặc Cấp phó cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân được phân công (*hoặc được ủy quyền*) đang tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, có văn bản đề nghị Viện kiểm sát tiến hành họp hai ngành tư pháp để thống nhất quan điểm, trong trường hợp không thể thống nhất thì báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của hai ngành tư pháp cấp trên;

c) Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân phải gửi Quyết định tạm đình chỉ đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát;

d) Khi lý do tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm không còn, Cán bộ điều tra được phân công thụ lý chính phải có báo cáo nêu rõ căn cứ phục

hồi việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trình Cấp trưởng hoặc Cấp phó cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân được phân công (*hoặc được ủy quyền*) ra Quyết định phục hồi giải quyết nguồn tin về tội phạm theo quy định tại Điều 149, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và đề xuất kế hoạch giải quyết tiếp theo. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra Quyết định phục hồi giải quyết nguồn tin về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải gửi quyết định phục hồi cho Viện kiểm sát có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố (*trừ trường hợp người tố giác, báo tin từ chối cung cấp thông tin cá nhân*) biết.

**\* Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm (Điều 17 Thông tư số 28/2020)**

+ Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày kết thúc việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền giải quyết có trách nhiệm thông báo cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố biết kết quả giải quyết vụ việc.

+ Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền giải quyết có trách nhiệm gửi Quyết định tạm đình chỉ kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát và gửi Quyết định tạm đình chỉ đó cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố biết.

+ Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra Quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải gửi quyết định phục hồi cho Viện kiểm sát có thẩm quyền và cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố biết.

**\* Giải quyết khiếu nại, tố cáo, yêu cầu, đề nghị trong giải quyết nguồn tin về tội phạm (Điều 19 Thông tư số 28/2020)**

+ Khi người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố và người bị hại có yêu cầu, đề nghị về những vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ việc thì Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát trong phạm vi trách nhiệm của mình giải quyết yêu cầu, đề nghị đó và báo cho họ biết kết quả. Trường hợp không chấp nhận yêu cầu, đề nghị thì phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

+ Trường hợp không đồng ý với kết quả giải quyết của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc Viện kiểm sát thì người tham gia tố tụng có quyền khiếu nại.

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định tại Chương XXXIII của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-VKSNDTC-TATC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 05/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc phối hợp thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khiếu nại, tố cáo.

## **B. TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT TỐ GIÁC, TIN BÁO VỀ VỤ CHÁY**

### **1. Tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm đối với vụ cháy (Điều 17 Thông tư 109)**

(1) Cán bộ tiếp nhận hồ sơ của Tổ xác minh, giải quyết vụ cháy thuộc Đội công tác phòng cháy chuyên hồ sơ, tài liệu đến cán bộ trực ban của Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ để thực hiện tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm theo quy định.

(2). Việc phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và quy định tại các điều 17 , 18 , 19 , 20 , 21,22 và 23 Thông tư số 109/2025/TT-BCA;

Cấp trưởng Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phân công cấp phó, cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và quy định tại điều 3 Thông tư số 109;

(3). Cán bộ điều tra được phân công thụ lý xác minh, giải quyết vụ cháy phải xây dựng kế hoạch kiểm tra, xác minh vụ cháy theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

### **2. Khám nghiệm hiện trường vụ cháy (Điều 18 Thông tư 109)**

Hoạt động xác minh, giải quyết vụ cháy thường bắt đầu từ các hoạt động tại hiện trường, trong đó có nhiệm vụ khám nghiệm hiện trường vụ cháy. Vụ cháy xảy ra khác biệt các vụ việc khác bởi việc tìm kiếm các chứng cứ chứng minh gặp nhiều khó khăn. Do vậy, những gì trên hiện trường thu thập được đều hết sức có ý nghĩa đối với hoạt động xác minh, giải quyết. Do đó các cơ quan có mặt tại hiện trường cần phối hợp công việc cụ thể, tránh chông chéo làm mất thời điểm vàng trong việc xác minh, làm rõ vụ cháy.

Khi tiếp nhận thông tin vụ cháy cấp trưởng cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các lực lượng thuộc quyền quản lý thực hiện các nhiệm vụ tại hiện trường.

Việc khám nghiệm hiện trường vụ cháy thực hiện theo quy định tại Điều 40 và Điều 201 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại Điều 18 Thông tư số 109.

## "1. Những việc làm trước khi khám nghiệm hiện trường

a) Tiếp nhận, nắm tình hình công tác bảo vệ hiện trường và thu thập thông tin về vụ cháy thông qua người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

b) Cơ quan chủ trì thông báo thành phần tham gia khám nghiệm hiện trường gồm:

Lực lượng tiến hành: Điều tra viên, Kiểm sát viên, lực lượng kỹ thuật hình sự; cán bộ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được phân công;

Lực lượng tham gia trong trường hợp cần thiết: Đại diện chính quyền cấp xã, Công an cấp xã, Đoàn Công an nơi xảy ra vụ cháy; cá nhân, tổ chức có liên quan đến việc khám nghiệm hiện trường, người có chuyên môn phù hợp, đại diện cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, chủ phương tiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

c) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên tham gia khám nghiệm hiện trường; lựa chọn phương pháp, chiến thuật khám nghiệm; chuẩn bị các phương tiện, thiết bị kỹ thuật, công cụ phục vụ khám nghiệm hiện trường;

d) Xác định phạm vi, đánh giá mức độ an toàn của hiện trường;

đ) Có biện pháp xử lý kịp thời để bảo đảm tính nguyên vẹn đối với dấu vết, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử có nguy cơ bị phá hủy, thay đổi (nếu có).

## 2. Tiến hành khám nghiệm hiện trường

a) Quan sát toàn bộ khu vực xảy ra cháy; xác định vị trí hiện trường, xác định vật chuẩn (điểm làm mốc); xác định vị trí nạn nhân, điểm mốc để định vị vị trí dấu vết, đồ vật, tài liệu, phương tiện liên quan đến vụ cháy ở hiện trường (nếu có); đánh dấu vị trí và đánh số thứ tự của tất cả các nạn nhân, dấu vết, đồ vật, tài liệu, phương tiện có liên quan đến vụ cháy;

b) Chụp ảnh hiện trường chung, hiện trường từng phần, ảnh chi tiết hiện trường; việc chụp ảnh đặc tả dấu vết, đồ vật phải đặt thước tỷ lệ; ảnh chụp hiện trường phải được lập thành Bản ảnh hiện trường và sắp xếp theo thứ tự, có chú thích từng ảnh; ghi hình hiện trường trong trường hợp cần thiết;

c) Đo và vẽ sơ đồ hiện trường: Sử dụng thống nhất ký hiệu, đơn vị đo; phân chú dẫn phải thể hiện tỷ lệ vẽ, dấu vết, ký hiệu trên sơ đồ hiện trường; có thể sử dụng các phần mềm đồ họa để vẽ sơ đồ hiện trường;

d) Phát hiện, ghi nhận, thu lượm, bảo quản dấu vết, đồ vật, tài liệu, phương tiện tại hiện trường; thu mẫu so sánh (nếu có).

## 3. Đóng gói, niêm phong mẫu vật, bên ngoài các bao gói phải ghi tên vụ

việc, loại dấu vết, vị trí, ngày, tháng, năm thu và có chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành phần tham gia theo quy định pháp luật.

4. Lập Biên bản khám nghiệm hiện trường, vẽ Sơ đồ hiện trường theo quy định. Nội dung biên bản khám nghiệm hiện trường phải ghi thời gian bắt đầu và kết thúc việc khám nghiệm, địa điểm, thành phần tham gia khám nghiệm; tình trạng hiện trường trước khi khám nghiệm, điều kiện thời tiết, ánh sáng khi tiến hành khám nghiệm, quá trình khám nghiệm, cụ thể: mô tả vị trí hiện trường, đặc điểm hiện trường (phương hướng, quang cảnh, cấu trúc, vị trí của hiện trường và khu vực trung tâm hiện trường); mô tả từng phần hiện trường; mô tả vị trí, đặc điểm (về loại, hình dáng, kích thước, chiều hướng, trạng thái, màu sắc) của nạn nhân (nếu có), dấu vết, đồ vật, phương tiện phát hiện được tại hiện trường và mối quan hệ với các dấu vết, đồ vật, phương tiện khác ở hiện trường theo số thứ tự đã đánh dấu; ghi cụ thể số lượng dấu vết, đồ vật, phương tiện đã phát hiện, thu thập, cách thức bảo quản và các mẫu so sánh.

5. Đánh giá sơ bộ những dấu vết, đồ vật, phương tiện đã phát hiện, thu thập được, nhận định sơ bộ về thời điểm xảy ra cháy, điểm xuất phát cháy và vùng cháy đầu tiên; hơp rút kinh nghiệm; thông qua biên bản khám nghiệm hiện trường, các thành phần tham gia ký xác nhận vào biên bản khám nghiệm, sơ đồ hiện trường. Người chủ trì khám nghiệm quyết định việc kết thúc hay tiếp tục bảo vệ hiện trường.

6. Sau khi khám nghiệm hiện trường, cán bộ được phân công xác minh, giải quyết vụ cháy phải báo cáo kết quả khám nghiệm hiện trường vụ cháy theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này."

### **3. Phân công, giải quyết và xây dựng kế hoạch kiểm tra, xác minh vụ cháy theo tố giác, tin báo về tội phạm**

(1) Thời hạn phân công, giải quyết và xây dựng kế hoạch kiểm tra, xác minh vụ cháy thực hiện theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Thông tư số 28/2020/TT-BCA ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của lực lượng Công an nhân dân (*sau đây viết gọn là Thông tư số 28/2020/TT-BCA*). Cấp trưởng cơ quan cảnh sát PCCC và CNCH ra quyết định phân công cấp phó, cán bộ điều tra theo biểu mẫu số 09 và 10 được ban hành theo Thông tư số 128/2025/TT-BCA.

(2) Cán bộ điều tra thuộc cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được phân công xác minh, giải quyết vụ cháy phải xây dựng kế hoạch kiểm tra, xác minh vụ cháy theo Mẫu số 05 ban hành theo Thông tư 109/2025/TT-BCA.

Sau khi hoàn thiện thủ tục tiếp nhận và phân công cấp phó, cán bộ điều tra xác minh, giải quyết vụ cháy phải ra thông báo tiếp nhận nguồn tin về tội phạm theo biểu mẫu số 02 ban hành theo Thông tư 128/2025/TT-BCA gửi Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền và cơ quan, tổ chức, cá nhân báo tin về vụ cháy.

#### **4. Thu thập và xử lý tài liệu liên quan đến vụ cháy (Điều 19 Thông tư số 109)**

Căn cứ tính chất, đặc điểm của vụ cháy, đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy thu thập, bổ sung tài liệu có liên quan cụ thể như sau:

1. Thu thập tài liệu liên quan đến: hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, cơ quan chuyên môn về xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã; hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của cơ sở; tài liệu liên quan khác (nếu có).
2. Thu thập hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ cháy: Sơ đồ, bản vẽ, các tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, vận hành; nhiệm vụ của những người liên quan, hệ thống sổ sách, hóa đơn, chứng từ, tài liệu kiểm kê, kiểm tra.
3. Thu thập các thông tin, tài liệu khác phục vụ việc xác định hành vi phạm tội của các đối tượng có liên quan đến vụ cháy.

#### **5. Trưng cầu giám định và yêu cầu định giá tài sản của Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH (Điều 20 Thông tư số 109)**

Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong Công an nhân dân không có thẩm quyền ra Quyết định trưng cầu giám định và yêu cầu định giá tài sản. Quá trình xác minh, giải quyết vụ cháy xét thấy cần thiết phải tiến hành trưng cầu giám định và định giá tài sản thì thực hiện theo Hướng dẫn số 02/HDLN-BCA-VKSNDTC ngày 31/01/2024 của Bộ Công an - Viện kiểm sát Nhân dân tối cao về việc Phối hợp thực hiện thủ tục trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân. Cụ thể:

"a) Khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 205 hoặc Điều 215 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân đang thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm có văn bản đề nghị Cơ quan điều tra của Công an nhân dân cùng cấp tiến hành trưng cầu giám định hoặc yêu cầu định giá tài sản để làm căn cứ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm;

b) Cơ quan điều tra của Công an nhân dân khi nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm kiểm tra các căn cứ, tài liệu, đồ vật, mẫu vật... Trường hợp đủ điều kiện để

ban hành Quyết định trưng cầu giám định, văn bản yêu cầu định giá tài sản thì người có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Cơ quan điều tra ký, ban hành Quyết định trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản. Trường hợp chưa đủ điều kiện để ban hành Quyết định trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, Cơ quan điều tra trao đổi, đề nghị Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp các thông tin, tài liệu. Trường hợp Cơ quan điều tra xét thấy không cần thiết phải tiến hành trưng cầu giám định hoặc yêu cầu định giá tài sản thì thông báo bằng văn bản cho Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và Viện kiểm sát cùng cấp biết;

c) Cơ quan điều tra có trách nhiệm gửi Quyết định trưng cầu giám định, hồ sơ, đối tượng trưng cầu giám định cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định; gửi văn bản yêu cầu định giá tài sản, hồ sơ, đối tượng yêu cầu định giá tài sản cho Hội đồng định giá tài sản được yêu cầu;

d) Sau khi nhận được Kết luận giám định, Kết luận định giá tài sản, Cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo và chuyển cho Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra để phục vụ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm;

e) Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành văn bản đề nghị Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản thì Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân phải gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp với Cơ quan điều tra được đề nghị;

f) Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra Quyết định trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, Cơ quan điều tra phải gửi Quyết định, yêu cầu đó cho Viện kiểm sát cùng cấp và Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đã có văn bản đề nghị;

g) Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được Kết luận giám định, Kết luận định giá tài sản, Cơ quan điều tra phải thông báo bằng văn bản và chuyển Kết luận đó cho Viện kiểm sát cùng cấp và Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đã có văn bản đề nghị."

\* Các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định (*Điều 206 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*) theo thẩm quyền của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH gồm:

- Tình trạng tâm thần của người làm chứng hoặc bị hại khi có sự nghi ngờ về khả năng nhận thức, khả năng khai báo đúng đắn về những tình tiết của vụ án;
- Vật liệu nổ, chất cháy, tiền giả, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ;

## **6. Lấy lời khai của đại diện cơ sở, hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông**

**bị cháy, người làm chứng và người có liên quan khác trong vụ cháy (Điều 21 Thông tư số 109)**

Lấy lời khai là một biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự được người cán bộ điều tra tiến hành nhằm thu thập chứng cứ từ lời trình bày của từng đối tượng điều tra cụ thể.

Lấy lời khai là biện pháp điều tra được tiến hành bằng cách cán bộ lấy lời khai gặp trực tiếp người có liên quan để hỏi về những vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án, vụ việc mà người đó biết được. Hoạt động lấy lời khai là hoạt động điều tra không thể thiếu được trong công tác xác minh, giải quyết vụ cháy. Tùy vào đối tượng của hoạt động lấy lời khai để cán bộ điều tra dự kiến địa điểm làm việc, nội dung cần đạt được, cách thức làm việc.

Việc hỏi và khai báo được thể hiện trong biên bản lấy lời khai theo Mẫu số 140 ban hành kèm theo Thông tư số 128/2025/TT-BCA.

Lấy lời khai gồm các đối tượng sau:

- Người người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ việc

- Người làm chứng;

Điều 20 Thông tư 109/2025/TT-BCA quy định:

"1. Nội dung lấy lời khai của đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ hoặc quản lý hợp pháp của cơ sở, phương tiện giao thông bị cháy: Thông tin vụ cháy và quá trình tổ chức các hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; những tình tiết có liên quan trước, trong và sau khi cháy; hậu quả thiệt hại của vụ cháy.

Đối với đại diện cơ sở, hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông bị cháy thì nội dung lấy lời khai phải có thống kê, ước tính thiệt hại về người, tài sản. Nếu có tài liệu chứng minh tài sản bị thiệt hại thì đề nghị giao nộp và lập biên bản giao nhận theo quy định của pháp luật.

2. Lấy lời khai người làm chứng cần xác định năng lực hành vi, mối quan hệ với cơ sở, hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông bị cháy và người có liên quan các tình tiết được chứng kiến, được biết; lý do người làm chứng biết được các tình tiết.

Đối với người làm chứng dưới 18 tuổi, khi lấy lời khai phải thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

3. Trường hợp lấy lời khai của người nước ngoài, người câm, người điếc liên quan đến vụ cháy, khi lấy lời khai phải yêu cầu người phiên dịch, người dịch thuật theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và các quy định pháp luật

liên quan.

4. Cán bộ điều tra được phân công lấy lời khai phải lập Biên bản ghi lời khai theo quy định."

### **7. Báo cáo kết quả xác minh, giải quyết vụ cháy theo tố giác, tin báo về tội phạm (Điều 22 Thông tư số 109)**

1. Chậm nhất là 07 ngày trước khi hết thời hạn giải quyết hoặc khi kết thúc việc kiểm tra, xác minh vụ cháy, Cán bộ điều tra được phân công thụ lý chính phải có báo cáo kết thúc việc xác minh hoặc đề xuất gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh bằng văn bản báo cáo chỉ huy trực tiếp cho ý kiến trước khi trình cấp trưởng, cấp phó (được phân công hoặc uỷ quyền) Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Nội dung báo cáo phải nêu rõ kết quả giải quyết vụ cháy và đề xuất cụ thể về việc: Khởi tố vụ án hình sự; không khởi tố vụ án hình sự; tạm đình chỉ việc xác minh giải quyết vụ cháy.

Trường hợp cần gia hạn thời hạn xác minh, giải quyết vụ cháy thì báo cáo đề xuất cấp trưởng hoặc cấp phó được phân công ban hành văn bản đề nghị gia hạn thời hạn giải quyết nguồn tin về tội phạm theo biểu mẫu số 17 Thông tư 128/2025/TT-BCA gửi Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền trước khi hết thời hạn 5 ngày.

2. Cấp trưởng, cấp phó Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được phân công hoặc được uỷ quyền đánh giá kết quả xác minh, giải quyết vụ cháy của Cán bộ điều tra được phân công thụ lý chính, xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm để thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư 109/2025/TT-BCA.

### **8. Ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định không khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định tạm đình chỉ, Quyết định phục hồi và thời hạn tiếp tục giải quyết vụ cháy; tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Trên cơ sở kết quả thu thập thông tin, xác minh vụ cháy thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, cấp trưởng, cấp phó (được phân công hoặc uỷ quyền) cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cùng cán bộ được phân công thụ lý chính đánh giá kết quả xác minh vụ cháy, căn cứ xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm và thực hiện các nội dung sau:

1. Vụ cháy có dấu hiệu tội phạm

a) Cấp trưởng, cấp phó (được phân công hoặc uỷ quyền) Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ra Quyết định Khởi tố vụ án hình sự;

b) Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Cơ

quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải gửi Quyết định đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyển Quyết định khởi tố vụ án hình sự kèm theo tài liệu liên quan đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền. Khi chuyển phải lập Biên bản giao nhận hồ sơ (trường hợp có đồ vật, tài liệu, vật chứng thì phải lập Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng) theo quy định.

## 2. Vụ cháy không có dấu hiệu tội phạm

a) Cấp trưởng, cấp phó (được phân công hoặc uỷ quyền) Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ra Quyết định Không khởi tố vụ án hình sự; Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải gửi Quyết định đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát có thẩm quyền.

b) Sau khi hoàn thành việc xác minh, giải quyết vụ cháy, Cán bộ điều tra được phân công hoàn chỉnh hồ sơ, báo cáo người có thẩm quyền kết thúc việc xác minh, giải quyết vụ cháy; thực hiện chế độ thông kê, báo cáo theo quy định;

c) Thực hiện hoặc báo cáo người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với vụ có dấu hiệu vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Việc ra Quyết định tạm đình chỉ, Quyết định phục hồi và thời hạn tiếp tục giải quyết vụ cháy thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

4. Vụ cháy do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thụ lý có dấu hiệu tội phạm và có nhiều tình tiết phức tạp thì phối hợp với cơ quan Cảnh sát điều tra báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh quyết định phân công Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tiếp tục thực hiện theo thẩm quyền hoặc chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp nhận xác minh, thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

5. Cấp trưởng hoặc cấp phó chỉ đạo thực hiện tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo trình tự quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

**9. Hồ sơ xác minh, giải quyết vụ cháy; hồ sơ, tài liệu cung cấp cho đối tượng mua bản hiểm cháy, nổ bắt buộc hoặc doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm (khoản 2 Điều 27 Thông tư số 109)**

a) Biên bản xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản và đơn vị chủ trì xác

minh, giải quyết vụ cháy; biên bản chuyển giao hồ sơ, tài liệu ban đầu; biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm;

b) Quyết định phân công cấp phó, Cán bộ điều tra thụ lý điều tra giải quyết vụ cháy; thông báo tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; kế hoạch xác minh, giải quyết vụ cháy;

c) Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường, báo cáo kết quả khám nghiệm hiện trường;

d) Biên bản ghi lời khai của đại diện cơ sở, hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông bị cháy, người làm chứng và người có liên quan;

đ) Báo cáo đề xuất giải quyết vụ cháy; báo cáo kết thúc giải quyết nguồn tin về tội phạm;

e) Quyết định không khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm;

g) Quyết định hủy bỏ Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm (nếu có);

h) Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm;

i) Văn bản đề nghị trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, quyết định trưng cầu giám định, văn bản yêu cầu định giá tài sản; kết luận giám định, kết luận định giá tài sản; thông báo kết luận giám định, thông báo kết quả định giá tài sản; tài liệu chứng minh nguồn gốc tài sản, các tài liệu về thỏa thuận bồi thường thiệt hại, dữ liệu ghi hình (nếu có);

k) Các tài liệu của Viện Kiểm sát liên quan đến vụ cháy;

l) Thống kê tài liệu có trong hồ sơ và các tài liệu khác có liên quan đến vụ cháy (nếu có);

m) Các tài liệu khác (nếu có).

2. Hồ sơ, tài liệu cung cấp cho đối tượng mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc hoặc doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm khi có đề nghị

Việc cung cấp tài liệu cho doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, đối tượng mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư 109 và kèm theo những tài liệu sau:

a) Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin tội phạm hoặc thông báo kết quả xác minh, giải quyết vụ cháy;

b) Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy (gần nhất).

**10. Công tác chuyển giao hồ sơ (Điều 26 Thông tư số 109)**

## 1. Công tác chuyển giao hồ sơ

a) Vụ cháy do Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ra Quyết định khởi tố vụ án thì chuyển Quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

b) Vụ cháy do Cơ quan điều tra ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, Quyết định hủy bỏ Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định đình chỉ điều tra hoặc Quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa, cứu nạn, cứu hộ thì theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

c) Khi chuyển giao hồ sơ phải thực hiện đúng theo quy định, hướng dẫn của Bộ Công an về công tác hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

**CHUYÊN ĐỀ 4**  
**LẤY LỜI KHAI NGƯỜI NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN; TRỪNG CẦU**  
**GIÁM ĐỊNH, YÊU CẦU ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN VÀ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG**  
**THU THẬP ĐỒ VẬT, TÀI LIỆU, VẬT CHỨNG TRONG VỤ CHÁY**

**1. Lấy lời khai người làm chứng**

***1.1. Nhận thức chung về lấy lời khai người làm chứng***

Lấy lời khai người làm chứng trong điều tra vụ án, vụ việc cháy nổ là biện pháp điều tra nhằm thu thập chứng cứ từ lời khai của người làm chứng. Việc lấy lời khai người làm chứng được quy định tại các điều 185, 186 và 187 của BLTTHS năm 2015. Đối với lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH, lấy lời khai người làm chứng được quy định tại các Điều 9 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự 2015.

Lấy lời khai người làm chứng là biện pháp điều tra được tiến hành bằng cách cán bộ lấy lời khai gặp trực tiếp người làm chứng để hỏi về những vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án, vụ việc hình sự mà người làm chứng biết được. Việc hỏi và khai báo được thể hiện trong biên bản lấy lời khai.

Lấy lời khai người làm chứng là một biện pháp điều tra phổ biến, cần được tiến hành một cách nhanh chóng, vì lời khai của người làm chứng thường là cơ sở để tiến hành những biện pháp cấp bách như khám nghiệm hiện trường, truy bắt thủ phạm theo dấu vết nóng, khám xét... Chính vì vậy, ngay sau khi nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, Cán bộ lấy lời khai cần phải khẩn trương xác định lấy lời khai của những người làm chứng nào để thu thập được những thông tin, tài liệu có ý nghĩa. Để bảo đảm khách quan trong quá trình lấy lời khai người làm chứng, nếu vụ án, vụ việc có nhiều người làm chứng thì phải lấy lời khai riêng từng người và không để cho họ tiếp xúc, trao đổi với nhau trong thời gian lấy lời khai. Người có thẩm quyền phải triệu tập người làm chứng vào các thời điểm khác nhau hoặc trường hợp cần thiết phải triệu tập tất cả người làm chứng đến cùng một lúc thì phải tách riêng từng người làm chứng, mỗi người làm chứng do một Cán bộ lấy lời khai khác nhau thực hiện việc lấy lời khai. Không được cho người làm chứng nghe, xem được lời khai của nhau hoặc trao đổi với nhau trong lúc lấy lời khai. Cán bộ lấy lời khai tổng hợp lời khai của những người làm chứng thành hệ thống

những tài liệu, chứng cứ (chỉ rõ trong hệ thống đó, những lời khai nào là phù hợp với nhau, những lời khai nào là mâu thuẫn với nhau) để định hướng hoạt động điều tra, làm rõ sự thật của vụ án, vụ việc.

### ***1.2. Xác định người làm chứng***

Người làm chứng là người biết được những tình tiết có liên quan đến nguồn tin về tội phạm, vụ án, vụ việc xảy ra, được cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập đến để lấy lời khai theo đúng thủ tục pháp luật.

Như vậy, người làm chứng phải có đủ hai điều kiện sau đây:

Điều kiện thứ nhất: Biết các tình tiết liên quan đến vụ án, vụ việc đang xác minh.

Điều kiện thứ hai: Được triệu tập đến để làm chứng.

Trong hoạt động xác minh, giải quyết nguồn tin về tội phạm thông thường việc xác định người làm chứng trong những trường hợp sau:

a) Người biết về những tình tiết liên quan đến vụ án, vụ việc tự nguyện đến khai báo việc mình đã biết được (trực tiếp hoặc gián tiếp).

b) Xuất phát từ thời gian, hiện trường vụ án, vụ việc, Cán bộ lấy lời khai có thể xác định người làm chứng trong số những người mà vào khoảng thời gian xảy ra vụ án, vụ việc, vụ việc thường có mặt tại hiện trường, ở gần hiện trường hoặc dọc 2 bên đường đến và đi khỏi hiện trường...

c) Xác định người làm chứng thông qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, vụ việc, lấy lời khai của người bị hại và những người làm chứng khác, qua hỏi cung bị can, qua tiến hành các biện pháp nghiệp vụ.

### ***1.3. Một số đặc điểm tâm lý khai báo của người làm chứng***

a) Người làm chứng là người không có mối quan hệ nhân quả với vụ án, vụ việc xảy ra, họ biết được những tình tiết của vụ án, vụ việc một cách tình cờ ngẫu nhiên hoặc do ý thức cảnh giác với những hành vi phạm tội xảy ra và chú ý phát hiện theo dõi. Khác với bị can hoặc nguyên đơn, bị đơn dân sự, người làm chứng có trách nhiệm và nghĩa vụ khai báo những tình tiết của vụ án, vụ việc xảy ra mà người làm chứng biết được nên đa số người làm chứng khai báo đầy đủ, chính xác, khách quan về những tình tiết mà mình biết được. Đây là người làm chứng có động cơ khai báo đúng đắn, động cơ này phù hợp với nghĩa vụ của người làm chứng và trong thực tiễn hoạt động điều tra nó xảy ra phổ biến. Tuy nhiên, cũng có những người mặc dù biết về các tình tiết của vụ án, vụ việc nhưng không muốn làm người

làm chứng, không muốn khai báo về những tình tiết mà mình biết được vì nhiều lý do. Yếu tố tâm lý này thường cản trở hành động khai báo của người làm chứng, gây khó khăn cho việc thu thập lời khai của người làm chứng một cách đầy đủ, chính xác, khách quan về tình tiết của vụ án, vụ việc mà người làm chứng biết được. Người làm chứng có thể từ chối khai báo, khai báo không đầy đủ hoặc khai báo gian dối.

b) Trong một số trường hợp, động cơ khai báo của người làm chứng chịu sự tác động bởi mối quan hệ cá nhân của người làm chứng với bị hại hoặc người bị tình nghi, người bị buộc tội. Nếu người làm chứng có mối quan hệ với người bị tình nghi, người bị buộc tội thì xu hướng chung là họ sẽ khai báo theo hướng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bớt xén những tình tiết tăng nặng của người bị tình nghi, người bị buộc tội, thậm chí cố tình chứng minh sự vô can của những đối tượng này đối với vụ án, vụ việc đang được điều tra. Ngược lại, nếu người làm chứng có những ác cảm với người bị tình nghi, người bị buộc tội hoặc có quan hệ với bị hại thì họ thường khai theo hướng tăng nặng thêm trách nhiệm hình sự, thêm thắt những tình tiết tăng nặng, thổi phồng hành vi phạm tội. Trong những trường hợp này, Cán bộ lấy lời khai cần tính toán, cân nhắc lựa chọn thời gian lấy lời khai để người làm chứng không có khả năng trao đổi với những người khác về những tình tiết của vụ án, vụ việc mà người làm chứng đã biết được. Thực tế cho thấy, trong nhiều trường hợp người làm chứng đã thay đổi lời khai do bị tác động, mua chuộc, đe dọa. Cán bộ lấy lời khai phải có biện pháp phù hợp, cần thiết để bảo đảm người làm chứng khai báo trung thực, khách quan.

c) Quan điểm, quan niệm của người làm chứng về hành vi phạm tội cũng tác động đến quá trình khai báo của người làm chứng. Nếu người làm chứng nhận thức cần phải lên án những hành vi phạm tội vì nó trái pháp luật, trái với chuẩn mực đạo đức thì họ sẽ chú ý hơn trong quá trình khai báo và lời khai của người làm chứng trong những trường hợp này thường chính xác, đầy đủ và khách quan. Nếu người làm chứng là người thường xuyên vi phạm pháp luật hoặc bao che, dung túng hành vi phạm tội thì họ thường có tâm lý né tránh khai báo, khai báo làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội, thậm chí cố tình chứng minh sự vô can của những đối tượng này đối với vụ án, vụ việc đang được điều tra.

d) Trạng thái tâm lý của người làm chứng trong quá trình khai báo đóng vai trò quan trọng đến tính đầy đủ, chính xác, khách quan của lời khai. Nếu người làm chứng trong trạng thái tâm lý sẵn sàng, bình tĩnh, thoải mái, trí tuệ, minh mẫn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình khai báo về những tình tiết của vụ án, vụ việc

mà người làm chứng biết. Ngược lại, nếu người làm chứng có tâm lý hồi hộp, lo lắng, thậm chí bức tức, khó chịu khi được mời làm chứng bởi những lý do khác nhau thì những trạng thái tâm lý này sẽ tác động tiêu cực đến quá trình khai báo, làm cho những tin tức tài liệu mà người làm chứng cung cấp thiếu lôgic, đầy đủ và mức độ tin cậy thấp.

Những đặc điểm tâm lý của người làm chứng trong quá trình khai báo nêu trên cần được Cán bộ lấy lời khai chú ý phát hiện, theo dõi, làm rõ trong quá trình lấy lời khai, trên cơ sở đó có biện pháp lấy lời khai phù hợp, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, khách quan trong việc khai báo của người làm chứng.

#### ***1.4. Triệu tập người làm chứng***

a) Cán bộ lấy lời khai có thể gặp người làm chứng ngay tại hiện trường vụ án, vụ việc, nơi ở hoặc nơi học tập, làm việc của người làm chứng. Trường hợp lấy lời khai người làm chứng tại trụ sở, cán bộ điều tra phải gửi giấy triệu tập người làm chứng đến lấy lời khai. Giấy triệu tập có thể do cấp trưởng, cấp phó cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ký. Tùy từng đối tượng cụ thể mà Cấp trưởng các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định việc phân công ký giấy triệu tập hoặc thực hiện thống nhất. Ví dụ: đối với người làm chứng là người có nhân thân đặc biệt như những người có chức sắc trong tôn giáo; người có danh tiếng trong xã hội hoặc trong các dân tộc ít người; người là nhân sĩ, tri thức, văn nghệ sĩ có uy tín lớn trong nước và trên thế giới... thì cán bộ được phân công điều tra cần nhắc đề xuất Cấp trưởng hoặc cấp phó của các Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ký giấy triệu tập hoặc giấy mời đến trụ sở để lấy lời khai hoặc có thể lấy lời khai tại nơi ở, nơi làm việc. Giấy triệu tập này là biểu mẫu TTHS và chỉ được sử dụng trong hoạt động TTHS. Việc sử dụng giấy triệu tập phải bảo đảm đúng mục đích, đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Trong trường hợp triệu tập người làm chứng để lấy lời khai, giấy triệu tập phải ghi rõ họ tên, chỗ ở hoặc nơi làm việc, học tập của người làm chứng; giờ, ngày, tháng, năm và địa điểm có mặt; mục đích và nội dung làm việc, thời gian làm việc; gặp ai và trách nhiệm về việc vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan.

b) Giấy triệu tập được giao trực tiếp cho người làm chứng. Trường hợp không giao trực tiếp thì có thể thông qua chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người làm chứng cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người làm chứng làm việc, học tập. Trong mọi trường hợp, việc giao giấy triệu tập phải được ký nhận. Chính quyền xã,

phường, thị trấn nơi người làm chứng cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người làm chứng làm việc, học tập có trách nhiệm tạo điều kiện cho người làm chứng thực hiện nghĩa vụ có mặt theo nội dung ghi trong giấy triệu tập.

c) Trường hợp người làm chứng là người dưới 18 tuổi thì không được giao giấy triệu tập trực tiếp cho họ mà phải giao cho cha, mẹ hoặc người đại diện hợp pháp khác của họ. Người được giao giấy triệu tập có trách nhiệm ký nhận.

d) Việc giao giấy triệu tập người làm chứng theo ủy thác tư pháp của nước ngoài được thực hiện theo quy định về việc giao giấy triệu tập như trên và Luật TTTP.

đ) Trường hợp cần thiết, KSV có thể triệu tập người làm chứng để lấy lời khai. Điểm cần lưu ý là chỉ trong trường hợp cần thiết thì KSV mới được triệu tập người làm chứng. Trường hợp cần thiết có thể là trường hợp KSV cho rằng việc lấy lời khai của Cán bộ lấy lời khai trước đó không khách quan; trường hợp KSV cần củng cố chứng cứ để phục vụ việc truy tố... Việc KSV triệu tập người làm chứng được thực hiện theo quy định nêu trên.

\* Lưu ý: Tùy từng trường hợp cụ thể, cán bộ điều tra cần cân nhắc, lựa chọn một trong những hình thức đưa giấy triệu tập nêu trên phù hợp để tạo ra những yếu tố thuận lợi nhất cho việc thiết lập sự tiếp xúc tâm lý giữa Cán bộ lấy lời khai và người làm chứng, giữ được bí mật việc triệu tập để lấy lời khai đối với những người khác trong vụ án, vụ việc, bảo đảm việc lấy lời khai đúng vào thời gian và địa điểm dự định. Khi triệu tập người làm chứng, Cán bộ lấy lời khai cần quan tâm đến việc giải quyết những khó khăn của người làm chứng về phương tiện giao thông để đi lại trong thời gian lấy lời khai, tạo điều kiện tốt nhất để giảm thiểu việc ảnh hưởng đến công việc của người làm chứng, thực hiện quy định về chi phí đối với người làm chứng theo quy định của pháp luật.

### ***1.5. Trình tự, thủ tục***

a) Về địa điểm lấy lời khai, việc lấy lời khai người làm chứng có thể được thực hiện tại nơi tiến hành điều tra, nơi cư trú, nơi làm việc, nơi học tập của người làm chứng. Nơi tiến hành điều tra có thể được hiểu là trụ sở của cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra, hiện trường hoặc nơi mà Cán bộ lấy lời khai đang tiến hành các hoạt động điều tra.

Nơi cư trú được hiểu là nơi mà người làm chứng đang ở tại thời điểm lấy lời khai, không chỉ là nơi mà người làm chứng đang tạm trú, thường trú; trong trường hợp cần thiết có thể lấy lời khai người làm chứng ở những địa điểm mà người làm

chứng đang có mặt, ví dụ: trường hợp người làm chứng đang điều trị bệnh trong bệnh viện thì Cán bộ lấy lời khai có thể tiến hành lấy lời khai người làm chứng trong bệnh viện; nếu người làm chứng đang bị tạm giữ, tạm giam thì lấy lời khai trong nhà tạm giữ, trại tạm giam...

Nơi làm việc được hiểu là nơi mà người làm chứng đang thực hiện các công việc thường ngày theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc lao động nhằm phục vụ nhu cầu cá nhân.

Nơi học tập được hiểu là nơi học sinh, sinh viên, học viên đang học tập.

b) Trước khi lấy lời khai, cán bộ lấy lời khai, phải kiểm tra bảo đảm người có mặt đúng là người làm chứng theo giấy triệu tập, sau đó giải thích cho người làm chứng biết quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định tại Điều 66 của BLTTHS năm 2015. Việc giải thích quyền, nghĩa vụ của người làm chứng phải ghi vào biên bản.

c) Trước khi hỏi về nội dung vụ án, vụ việc, Cán bộ lấy lời khai phải hỏi về mối quan hệ giữa người làm chứng với bị can, đối tượng hiềm nghi, bị hại và những tình tiết khác về nhân thân của người làm chứng. Cán bộ lấy lời khai yêu cầu người làm chứng trình bày hoặc tự viết một cách trung thực và tự nguyện những gì họ biết về vụ án, vụ việc, sau đó mới đặt câu hỏi.

d) Trường hợp xét thấy việc lấy lời khai của Cán bộ lấy lời khai không khách quan hoặc có vi phạm pháp luật hoặc xét cần làm rõ chứng cứ, tài liệu để xác định làm căn cứ ra quyết định Khởi tố vụ án thì KSV có thể lấy lời khai người làm chứng hoặc tham gia cùng Cán bộ được phân công xác minh, giải quyết vụ cháy.

đ) Việc lấy lời khai người làm chứng phải lập biên bản. Biên bản ghi lời khai của người làm chứng được lập theo quy định tại Điều 178 BLTTHS năm 2015. Việc lấy lời khai người làm chứng có thể được ghi âm, ghi hình có âm thanh.

### ***1.6. Lựa chọn thời điểm lấy lời khai***

Sự ghi nhớ những thông tin người làm chứng về những tình tiết của vụ án, vụ việc có thể có chủ định và không có chủ định. Sự ghi nhớ có chủ định xảy ra trong những trường hợp người làm chứng tập trung chú ý để ghi nhớ những gì tri giác được nhằm khai báo với cơ quan chức năng về hành vi phạm tội. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, phần lớn những trường hợp xảy ra là người làm chứng ghi nhớ không có chủ định nên những thông tin mà người làm chứng tri giác được thường nhanh quên, thời gian càng kéo dài thì việc khai báo của người làm chứng càng thiếu chính xác và đầy đủ hơn. Vì vậy, về nguyên tắc chung, việc lấy lời khai của người

làm chứng càng sớm thì giá trị lời khai càng cao, nếu để lâu, chậm; trễ trong việc lấy lời khai sẽ làm giảm tính chính xác, đầy đủ trong lời khai.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp như người làm chứng bị tác động mạnh bởi hành vi phạm tội dẫn đến trạng thái tâm lý hoảng loạn, khiếp sợ thì việc lấy lời khai ngay thường ít có hiệu quả. Trong những trường hợp này, thời điểm lấy lời khai thuận lợi nhất là ngay sau khi người làm chứng ổn định lại tâm lý, thời gian ổn định lại tâm lý có thể từ một đến hai ngày. Tùy từng trường hợp cụ thể mà Cán bộ lấy lời khai cần cân nhắc thời điểm lấy lời khai cho phù hợp, đạt hiệu quả cao nhất.

### ***1.7. Thiết lập sự tiếp xúc tâm lý với người làm chứng***

a) Trước khi lấy lời khai, Cán bộ lấy lời khai cần thiết lập sự tiếp xúc tâm lý với người làm chứng để tạo ra mối quan hệ tốt đẹp, để người làm chứng không muốn trốn tránh tiếp xúc với Cán bộ lấy lời khai mà mong muốn khai báo đúng sự thật, có thái độ giúp đỡ Cán bộ lấy lời khai. Việc thiết lập sự tiếp xúc tâm lý cơ bản phụ thuộc vào Cán bộ lấy lời khai. Sự tiếp xúc tâm lý giữa Cán bộ lấy lời khai và người làm chứng phụ thuộc ngay ở hình thức gặp người làm chứng đến để lấy lời khai. Tùy từng tình huống cụ thể mà Cán bộ lấy lời khai lựa chọn việc triệu tập người làm chứng đến trụ sở để lấy lời khai hay Cán bộ lấy lời khai đến tận nơi ở, nơi làm việc, nơi nghỉ ngơi của người làm chứng để lấy lời khai, không làm mất thời gian chờ đợi, đi lại của người làm chứng, không gây khó khăn hay cản trở công việc của người làm chứng. Trường hợp Cán bộ lấy lời khai triệu tập người làm chứng, nếu Cán bộ lấy lời khai đưa giấy triệu tập đến tận tay, hướng dẫn cụ thể, tỉ mỉ cho người làm chứng địa chỉ trụ sở, địa điểm lấy lời khai, cách xuất trình giấy tờ để vào trụ sở. Khi người làm chứng đến địa điểm lấy lời khai được Cán bộ lấy lời khai đón tiếp đúng giờ và bước vào lấy lời khai ngay thì đó là những yếu tố thuận lợi cho việc thiết lập sự tiếp xúc tâm lý giữa Cán bộ lấy lời khai và người làm chứng. Ngược lại, khi đưa giấy triệu tập cho người làm chứng, Cán bộ lấy lời khai không hướng dẫn cụ thể dẫn đến người làm chứng mất nhiều thời gian mới tìm thấy địa điểm, khi đến địa điểm lấy lời khai lại mất nhiều thời gian chờ đợi thì chính những điều này sẽ cản trở quá trình thiết lập sự tiếp xúc tâm lý giữa Cán bộ lấy lời khai và người làm chứng.

b) Yếu tố về tư thế, tác phong của Cán bộ lấy lời khai cũng có tác động lớn đến sự tiếp xúc tâm lý với người làm chứng. Cán bộ lấy lời khai phải mặc trang phục gọn gàng, lịch sự, chỉnh tề. Tùy theo tình huống cụ thể và căn cứ vào đặc điểm của người làm chứng, Cán bộ lấy lời khai có thể mặc trang phục theo quy

định của Ngành hoặc quần áo thường. Nếu ở trụ sở cơ quan, Cán bộ lấy lời khai mặc trang phục theo quy định, thái độ lịch sự, nhã nhặn, tôn trọng người làm chứng; không được có cử chỉ, lời nói biểu hiện sự nghi ngờ, coi thường người làm chứng. Cán bộ lấy lời khai cần tế nhị, tận tâm và làm chủ được mình trong mọi tình huống, kiềm chế được những xúc động.

c) Yếu tố không kém phần quan trọng để thiết lập sự tiếp xúc tâm lý giữa Cán bộ lấy lời khai và người làm chứng là Cán bộ lấy lời khai cần tạo ra điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để lấy lời khai như địa điểm lấy lời khai phải gọn gàng, ngăn nắp, trang nghiêm, yên tĩnh, không có nhiều người qua người lại, đủ ánh sáng và hình thức giao tiếp song phương giữa Cán bộ lấy lời khai và người làm chứng.

d) Việc người làm chứng đến địa điểm lấy lời khai theo giấy triệu tập thể hiện thái độ chấp hành pháp luật của cá nhân, nên ngay khi gặp người làm chứng, Cán bộ lấy lời khai cần nhanh chóng tự giới thiệu mình và yêu cầu người làm chứng có trách nhiệm giúp đỡ Cơ quan Công an làm rõ sự thật của vụ án, vụ việc. Cùng với thái độ thật cởi mở, lịch sự, tế nhị, ôn tồn, hòa nhã để người làm chứng có thiện cảm ngay từ đầu, Cán bộ lấy lời khai xem giấy tờ để xác định có đúng là người làm chứng cần triệu tập để lấy lời khai không.

đ) Trừ trường hợp cấp bách phải lấy lời khai ngay để điều tra, truy tìm theo “dấu vết nóng” thì khi gặp, xác định đúng người làm chứng cần phải lấy lời khai, Cán bộ lấy lời khai không nên lấy lời khai ngay mà nên trò chuyện với người làm chứng, hỏi thăm về hoàn cảnh gia đình, công việc, cuộc sống, những thói quen, sở thích của người làm chứng... để tạo ra bầu không khí thân mật, sự thông cảm, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau. Nội dung nói chuyện cần phải phù hợp với độ tuổi, giới tính, hoàn cảnh gia đình, trình độ văn hóa, đặc điểm tâm lý, phong tục tập quán của nhân dân địa phương nơi người làm chứng cư trú. Thực tiễn cho thấy, hình thức giao tiếp ban đầu này giữa Cán bộ lấy lời khai và người làm chứng có ý nghĩa quan trọng để thiết lập sự tiếp xúc tâm lý tích cực giữa Cán bộ lấy lời khai và người làm chứng, tạo ra được môi trường tâm lý thuận lợi cho quá trình lấy lời khai. Ngoài việc thiết lập sự tiếp xúc tâm lý thì thông qua trò chuyện với người làm chứng, Cán bộ lấy lời khai sẽ nắm được đặc điểm nhân thân của người làm chứng để lựa chọn và áp dụng cách thức lấy lời khai phù hợp, đạt hiệu quả cao nhất.

e) Khi Cán bộ lấy lời khai thực hiện một số thủ tục tố tụng trước khi lấy lời khai như giải thích về vai trò, vị trí tố tụng của người làm chứng, quyền và nghĩa vụ của người làm chứng theo quy định của BLTTHS, Cán bộ lấy lời khai nên khéo

léo nhắc nhở để người làm chứng hiểu về nghĩa vụ khai báo trung thực, nếu khai báo gian dối hoặc từ chối khai báo, trốn tránh việc khai báo mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS. Cán bộ lấy lời khai không nên giải thích trách nhiệm này một cách máy móc, thiếu tế nhị để có thể làm người làm chứng có tâm lý lo lắng, khai nhầm lẫn, không chính xác. Trong quá trình lấy lời khai, tùy đặc điểm nhân thân, tâm lý của người làm chứng, Cán bộ lấy lời khai cần nhắc việc nhấn mạnh về trách nhiệm này trong trường hợp người làm chứng chây ì không khai báo. Hiệu quả tối đa Cán bộ lấy lời khai cần đạt được trong việc giải thích quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người làm chứng để nhen nhóm, kêu gọi và phát triển ở người làm chứng thái độ khai báo chính xác, khách quan, đầy đủ những tình tiết của vụ án, vụ việc mà họ biết được, trước hết đó là lương tâm, trách nhiệm của người dân trong cuộc đấu tranh chống tội phạm để bảo vệ lợi ích của toàn xã hội nói chung, của chính bản thân, gia đình người làm chứng nói riêng; đó còn là trách nhiệm theo quy định của pháp luật, nếu không thực hiện họ sẽ bị trừng phạt. Việc giải thích quyền, nghĩa vụ của người làm chứng phải ghi vào biên bản lấy lời khai.

Sau khi giải thích quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người làm chứng theo quy định của BLTTHS, tùy thuộc vào từng tình huống cụ thể Cán bộ lấy lời khai vẫn có thể tiếp tục trò chuyện với người làm chứng về mối quan hệ của họ đối với đối tượng bị tình nghi, người bị buộc tội và người bị hại trước khi bước vào lấy lời khai.

g) Thái độ tin tưởng hay nghi ngờ, thờ ơ đối với người làm chứng cũng là yếu tố tác động lớn đến tâm lý khai báo của người làm chứng. Nếu Cán bộ lấy lời khai tỏ ra tin tưởng, quan tâm cao độ đến lời khai của người làm chứng thì sẽ tạo tâm lý ở người làm chứng cảm giác cho rằng, lời khai sắp tới của mình sẽ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hoạt động điều tra, từ đó người làm chứng sẽ khai báo đầy đủ, tỉ mỉ, đúng sự thật. Ngược lại, nếu Cán bộ lấy lời khai biểu lộ thái độ thờ ơ, thiếu tin tưởng người làm chứng thì sẽ tạo tâm lý khai báo hời hợt cho hết trách nhiệm ở người làm chứng.

### ***1.8. Yêu cầu người làm chứng trình bày hoặc tự viết một cách trung thực và tự nguyện những gì họ biết về vụ án, vụ việc***

Sau khi thiết lập sự tiếp xúc tâm lý giữa Cán bộ lấy lời khai và người làm chứng, Cán bộ lấy lời khai yêu cầu người làm chứng trình bày hoặc tự viết một cách trung thực và tự nguyện những gì họ biết về vụ án, vụ việc. Trước khi người

làm chứng trình bày hoặc tự viết về những gì họ biết về vụ án, vụ việc, Cán bộ lấy lời khai phải giải thích chính xác những vấn đề cần phải trình bày cho người làm chứng, hướng dẫn họ cách thức viết bản tự khai như bắt đầu trình bày sự việc xảy ra từ đâu, theo trình tự thời gian hay theo lôgic của sự việc (từ nguyên nhân dẫn đến kết quả), nêu rõ vì sao biết được tình tiết đó (tự nhìn thấy, nghe thấy hay ai nói hay xem qua camera bảo vệ...), ngoài ra còn có ai khác có thể biết sự việc đó (ai có thể khẳng định lời khai của người làm chứng, có thể gặp người đó ở đâu, kiểm tra lời khai bằng cách nào...). Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho người làm chứng nhớ lại những gì mà người làm chứng tri giác được và khai báo. Yêu cầu của Cán bộ lấy lời khai phải cụ thể, chính xác, rõ ràng để người làm chứng biết được mình phải trình bày hoặc tự viết những vấn đề gì.

Cán bộ lấy lời khai phải xác định, việc tự trình bày hoặc viết lại những gì người làm chứng biết được về vụ án, vụ việc không chỉ là quy định của BLTTHS mà còn giúp cho Cán bộ lấy lời khai nắm được phạm vi những tin tức tài liệu về những tình tiết mà người làm chứng tri giác được có thể cung cấp, thái độ khai báo của người làm chứng để lựa chọn chiến thuật lấy lời khai tiếp theo. Cán bộ lấy lời khai cần chú ý cao độ để lắng nghe khi người làm chứng kể. Sự quan tâm, chú ý của Cán bộ lấy lời khai càng cao bao nhiêu thì càng kích thích người làm chứng kể đầy đủ, chính xác, chi tiết những gì mà người làm chứng biết về vụ án, vụ việc bấy nhiêu. Ngược lại, nếu Cán bộ lấy lời khai thờ ơ, không chú ý thì người làm chứng thường khai qua loa cho xong, mong muốn khai thật nhanh để kết thúc sớm. Trong một số trường hợp, trong khi người làm chứng tự khai, Cán bộ lấy lời khai có thể có những lời khích lệ họ, tuy nhiên, sự can thiệp này của Cán bộ lấy lời khai trong khi người làm chứng khai cần phải thật tế nhị và hợp lý, tránh việc gây áp lực với người làm chứng hoặc làm cho họ hưng phấn thái quá mà khai báo không chính xác.

Trong quá trình người làm chứng tự khai, Cán bộ lấy lời khai phải chú ý nghe và phân tích mối liên hệ giữa lời khai với những thông tin về vụ án, vụ việc mà Cán bộ lấy lời khai có được thông qua những nguồn khác, ghi nhanh những chỗ bỏ trống, lướt qua, những mâu thuẫn trong chính lời tự khai của người làm chứng hoặc với những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được về vụ án, vụ việc. Cán bộ lấy lời khai không được thúc giục hay tự ý ngắt lời trình bày của người làm chứng vì có thể làm chệch hướng, mất trình tự khai báo, dẫn đến bỏ sót những tình tiết quan trọng. Chỉ trong trường hợp người làm chứng khai báo lan man về những tình tiết không liên quan đến vụ án, vụ việc thì Cán bộ lấy lời khai có thể chọn thời điểm thích hợp để yêu cầu họ tập trung vào những tình tiết có ý nghĩa với việc điều

tra. Trong khi người làm chứng tự trình bày, cùng với việc chăm chú, tập trung lắng nghe, Cán bộ lấy lời khai còn phải chú ý quan sát, theo dõi mọi hành vi cũng như thái độ, cử chỉ của người làm chứng để đánh giá tính trung thực của việc khai báo. Cán bộ lấy lời khai tuyệt đối không được nói chuyện, nghe điện thoại hoặc làm những việc riêng khác vì có thể làm phân tán suy nghĩ, sự tập trung và chú ý của người làm chứng, kể cả khi họ viết bản tự khai.

### ***1.9. Cán bộ lấy lời khai đặt câu hỏi***

Sau khi người làm chứng kết thúc việc tự trình bày hoặc viết bản tự khai, Cán bộ lấy lời khai tiến hành đặt câu hỏi để người làm chứng trả lời, đưa ra những câu hỏi để kiểm tra lại và làm chính xác lời khai của người làm chứng, làm rõ những tình tiết mới, những điểm mâu thuẫn, gợi nhớ để giúp đỡ người làm chứng nhớ lại những tình tiết mà người làm chứng đã quên hoặc bỏ sót. Không được đưa ra những câu hỏi có tính chỉ dẫn, hướng người làm chứng đi đến câu trả lời theo mong muốn của Cán bộ lấy lời khai (khớp với những thông tin mà Cán bộ lấy lời khai đã có). Những câu hỏi có tính chỉ dẫn đặc biệt nguy hiểm, trên thực tế đã dẫn đến nhiều vụ oan, sai. Những câu hỏi mà Cán bộ lấy lời khai đưa ra phải rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, phù hợp với trình độ, nhận thức của người làm chứng và không mang tính chỉ dẫn.

Sau khi tiến hành hỏi, nếu Cán bộ lấy lời khai đánh giá lời khai của người làm chứng là đúng sự thật thì Cán bộ lấy lời khai tiến hành ghi biên bản lấy lời khai. Khi ghi vào biên bản, Cán bộ lấy lời khai có thể hỏi một câu hỏi chính mang tính khái quát (ví dụ: Anh hãy khai toàn bộ sự việc mà anh đã biết về...) để người làm chứng trả lời và ghi lại toàn bộ nội dung mà người làm chứng đã khai theo trình tự thời gian, theo logic sự việc, sau đó đặt những câu hỏi đi sâu, khẳng định lại những tình tiết mâu chốt, có ý nghĩa quan trọng hoặc áp dụng thủ thuật hỏi theo tuần tự để người làm chứng khai báo những tình tiết của vụ án, vụ việc mà người làm chứng biết, trong trường hợp nếu Cán bộ lấy lời khai đánh giá lời khai của người làm chứng không chính xác là do người làm chứng nhầm lẫn hoặc cố tình khai báo gian dối thì Cán bộ lấy lời khai cần có những biện pháp phù hợp để lấy lời khai. Để xác định được người làm chứng khai không chính xác vì nguyên nhân là do nhầm lẫn, quên một số tình tiết hay cố ý khai báo gian dối, Cán bộ lấy lời khai phải phân tích, so sánh lời khai của người làm chứng ở các thời điểm khác nhau, phân tích, so sánh lời khai của người làm chứng với chứng cứ, tài liệu khác mà Cán bộ lấy lời khai đã thu thập, căn cứ vào mối quan hệ của người làm chứng với những người liên quan đến vụ án, vụ việc, quan điểm, thái

độ của người làm chứng với hành vi phạm tội, căn cứ vào thái độ khai báo (thành thật hay không thành thật) của người làm chứng... Lời khai báo gian dối của người làm chứng thường có các đặc tính: trong khi khai báo buộc tội với người này, biện bạch cho người khác; che dấu hoặc phủ định những tình tiết có thực, bóp méo, xuyên tạc sự thật; khai báo chính xác gần như toàn bộ sự việc nhưng không chính xác ở những tình tiết quan trọng, có ý nghĩa quyết định trong việc chứng minh ai là người phạm tội... Động cơ khai báo gian dối có thể do sợ ảnh hưởng đến mối quan hệ với những người liên quan đến vụ án, vụ việc; sợ bị trả thù; che giấu sự nhát gan của bản thân khi chứng kiến sự việc nhưng không dám ngăn chặn; biện bạch, làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của đối tượng do có mối quan hệ hoặc ngược lại, làm tăng nặng trách nhiệm hình sự của đối tượng do lòng căm thù, ghen tị; che giấu hành vi phạm tội vì chính bản thân cũng có liên quan. Ngoài những kiến thức cần có, để phân biệt được lời khai của người làm chứng có chính xác hay không? Không chính xác do khai báo gian dối hay do nhầm lẫn thì một yếu tố không kém phần quan trọng nữa mà Cán bộ lấy lời khai cần phải có, đó là sự nhạy bén, kinh nghiệm sống, kinh nghiệm nghề nghiệp mà Cán bộ lấy lời khai đã tích lũy được.

### ***1.10. Lập biên bản ghi lời khai***

Biên bản ghi lời khai của người làm chứng phải được lập theo quy định tại Điều 178 BLTTHS năm 2015, có thể ghi âm, ghi hình có âm thanh. Trong quá trình lập biên bản, Cán bộ lấy lời khai phải ghi rõ những câu hỏi, câu trả lời; phải phản ánh chi tiết, chính xác trong biên bản nội dung và đặc điểm từ ngữ trong lời khai của người làm chứng. Những phần sửa chữa phải có chữ ký của người làm chứng bên cạnh. Trường hợp người làm chứng không biết chữ thì quá trình lấy lời khai nên mời người chứng kiến nếu không tiến hành ghi âm, ghi hình có âm thanh; kết thúc việc lấy lời khai đọc lại cho người làm chứng và người chứng kiến nghe công nhận đúng và yêu cầu người làm chứng điểm chỉ, người chứng kiến ký tên vào biên bản.

*Trường hợp lấy lời khai người làm chứng là người dưới 18 tuổi, phải yêu cầu tất cả những người có mặt khi lấy lời khai như người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cùng ký tên vào biên bản.*

Trong bản tự khai của người làm chứng, ở cuối phải yêu cầu người làm chứng viết: “Tôi cam đoan bản tự khai của tôi là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin

chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật”, sau đó mới ký, ghi rõ họ tên. Cán bộ lấy lời khai phải ký vào bản tự khai của người làm chứng.

Khi thấy cần thiết, tổ chức cho người làm chứng thực nghiệm để xác định tính khách quan, xác thực về lời khai.

Trường hợp chưa thể ghi lời khai của người làm chứng ngay tại hiện trường thì cán bộ Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ghi lời khai phải ghi lại thông tin về nơi thường trú, công tác, học tập, số điện thoại liên lạc (nếu có) của người làm chứng, sau đó đến nơi ở, nơi làm việc của người làm chứng hoặc mời người đó đến trụ sở Công an để lấy lời khai. Đối với người dưới 18 tuổi, khi lấy lời khai phải mời người giám hộ (cha, mẹ, người đại diện hợp pháp hoặc thầy giáo, cô giáo) của người đó tham dự và ký tên vào biên bản.

Trường hợp vụ cháy, nổ có nhiều người làm chứng, phải chọn lọc lời khai của người có đủ căn cứ để xác minh; trường hợp qua xác minh ban đầu xác định không có người làm chứng, cán bộ Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền.

### ***1.11. Chiến thuật lấy lời khai của người làm chứng***

#### ***- Chuẩn bị lấy lời khai của người làm chứng***

+ Nghiên cứu hồ sơ vụ án, vụ việc, đặc điểm nhân thân người làm chứng và những tài liệu khác cần thiết cho việc lấy lời khai người làm chứng.

+ Lập kế hoạch lấy lời khai của người làm chứng.

Nội dung của bản kế hoạch gồm:

\* Những vấn đề cần phải làm rõ trong quá trình lấy lời khai.

\* Dự kiến những câu hỏi có thể và cần phải đưa ra trong quá trình lấy lời khai người làm chứng.

\* Dự kiến chiến thuật lấy lời khai người làm chứng.

\* Dự kiến những tài liệu, chứng cứ có thể và cần phải sử dụng trong quá trình lấy lời khai.

\* Lựa chọn thời gian, địa điểm lấy lời khai người làm chứng:

+ Chuẩn bị những điều kiện cần thiết khác cho việc lấy lời khai người làm chứng.

+ Dự kiến triệu tập người làm chứng để lấy lời khai.

- Tiến hành lấy lời khai của người làm chứng

+ Thiết lập sự tiếp xúc tâm lý giữa Cán bộ lấy lời khai và người làm chứng.

Loại bỏ sự cản trở, những lo ngại của người làm chứng với Cơ quan được giao một số nhiệm vụ điều tra và Cán bộ lấy lời khai. Tạo ra mối quan hệ giữa Cán bộ lấy lời khai và người làm chứng cũng như tạo ra sự tin cậy của người làm chứng với Cơ quan Công an, động viên khuyến khích người làm chứng khai báo. Từ đó hình thành ở người làm chứng sự mong muốn khai báo đúng sự thật, góp phần cùng Cơ quan được giao một số nhiệm vụ điều tra chứng minh sự thật của vụ án, vụ việc.

+ Yêu cầu người làm chứng tự khai báo.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 186 Bộ luật tố tụng hình sự: “Cán bộ lấy lời khai yêu cầu người làm chứng kể lại hoặc viết lại những gì mà họ biết về vụ án, vụ việc, sau đó mới đặt câu hỏi”.

+ Cán bộ lấy lời khai đưa ra những câu hỏi để người làm chứng trả lời

+ Lấy lời khai người làm chứng trong một số tình huống cụ thể:

*\* Những thủ thuật lấy lời khai người làm chứng trong tình huống người làm chứng khai sai sự thật do nhầm lẫn hay quên đi những tình tiết nào đó có ý nghĩa đối với hoạt động điều tra:*

- Lấy lời khai bằng cách sử dụng mối liên tưởng (nhân một sự việc, hiện tượng nào đó mà nghĩ tới sự việc, hiện tượng khác có liên quan).

- Lấy lời khai người làm chứng tại địa điểm xảy ra sự việc, hiện tượng

- Lấy lời khai lại thật chi tiết theo từng tình tiết cụ thể của vụ án, vụ việc mà người làm chứng đã tri giác được:

*\* Những thủ thuật lấy lời khai trong tình huống người làm chứng khai báo gian dối:*

- Xác định nguyên nhân dẫn đến người làm chứng khai báo gian dối

- Chiến thuật áp dụng:

+ Trước hết để thuyết phục người làm chứng khai báo đúng sự thật.

+ Trường hợp người làm chứng vẫn cố tình khai báo gian dối thì có thể sử dụng kết quả của chiến thuật hỏi cung bị can trong những tình huống tương tự để lấy lời khai người làm chứng, như:

+ Sử dụng tài liệu chứng cứ thu thập được từ những biện pháp điều tra khác (lời khai của người làm chứng khác, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả hỏi cung bị can) để đấu tranh vạch trần những mâu thuẫn, sự giả dối trong lời khai của người làm chứng, buộc họ phải khai rõ sự thật.

+ Cán bộ lấy lời khai hỏi người làm chứng về những tình tiết tương chừng không quan trọng, song những tình tiết này có liên quan đến tình tiết chính, cơ bản mà người làm chứng cố tình che giấu...

### **1. 12. Cách giải quyết một số trường hợp cụ thể**

*a) Lấy lời khai trong trường hợp người làm chứng khai không chính xác do nhầm lẫn hoặc quên một số tình tiết.*

Khi xác định lời khai của người làm chứng không chính xác không phải do họ cố tình thì Cán bộ lấy lời khai cần phải xác định trong lời khai đó cũng chứa đựng những tin tức tài liệu chính xác, khách quan Cán bộ lấy lời khai phải làm rõ, tìm ra những nội dung nhầm lẫn, nguyên nhân những nhầm lẫn đó và khắc phục những nhầm lẫn đó để sử dụng lời khai của người làm chứng có hiệu quả trong quá trình chứng minh. Trong trường hợp này, Cán bộ lấy lời khai nên lấy lời khai bằng một hoặc kết hợp linh hoạt các hình thức sử dụng mối liên tưởng để người làm chứng dần dần nhớ lại những tình tiết của vụ án, vụ việc mà người làm chứng đã tri giác như:

- Lấy lời khai thật chi tiết theo từng tình tiết cụ thể mà người làm chứng đã khai báo chính xác, qua đó giúp người làm chứng nhớ lại những tình tiết đã quên;

- Đưa ra câu hỏi không đề cập đến tình tiết cần làm rõ mà đề cập đến những tình tiết có liên quan trực tiếp, gián tiếp đến tình tiết cần làm rõ để người làm chứng nhớ lại;

- Cung cấp cho người làm chứng thông tin bổ sung để người làm chứng nhớ lại và khai báo. Việc cung cấp những thông tin bổ sung này hoàn toàn không phải là chỉ dẫn người làm chứng khai báo hay “mớm” lời khai. Mục đích của cung cấp thông tin bổ sung chỉ nhằm gợi nhớ cho người làm chứng, làm hưng phấn trở lại những đường liên hệ thần kinh tạm thời đã được hình thành khi người làm chứng tri giác những tình tiết của vụ án, vụ việc xảy ra;

- Sử dụng địa điểm để lấy lời khai chính là nơi người làm chứng đã có mặt để tri giác sự việc. Lấy lời khai tại địa điểm này sẽ giúp người làm chứng phục hồi lại trí nhớ, nhớ lại những tình tiết đã quên. Mục đích này còn có thể đạt được khi

người làm chứng kẻ, vẽ sơ đồ, biểu đồ theo đề nghị của Cán bộ lấy lời khai đối với từng tình huống cụ thể, ví dụ vẽ sơ đồ vị trí của những đồ vật trên địa điểm hay khoảng cách và vị trí của người bị hại và bị can trên hiện trường. Chính trong quá trình kẻ, vẽ sơ đồ, biểu đồ có thể phục hồi lại những mối liên tưởng cần thiết mà nhờ đó người làm chứng nhớ lại những tình tiết đã quên.

*b) Lấy lời khai trong trường hợp người làm chứng khai không chính xác do cố ý khai báo gian dối*

Khi xác định lời khai của người làm chứng là do họ cố tình khai báo gian dối, Cán bộ lấy lời khai cần làm rõ những nguyên nhân dẫn đến người làm chứng khai báo gian dối và trên cơ sở đó lựa chọn và áp dụng những biện pháp thích hợp để vạch trần thái độ khai báo gian dối, buộc người làm chứng phải khai báo đúng sự thật như:

- Giáo dục, thuyết phục người làm chứng thành khẩn khai báo. Cán bộ lấy lời khai cần giải thích một cách kiên trì, nhẫn nại nghĩa vụ pháp luật của người làm chứng, hậu quả của lời khai gian dối đối với chính người làm chứng (họ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự), hậu quả đối với người bị buộc tội, bị hại, đối với hoạt động điều tra, cũng như đối với toàn bộ xã hội. Cán bộ lấy lời khai cần chỉ rõ sự đầy đủ, chính xác, khách quan của lời khai của người làm chứng sẽ tạo điều kiện thuận lợi để chứng minh sự thật của vụ án, vụ việc;

- Chỉ ra những mâu thuẫn trong lời khai của người làm chứng;

- Đặt câu hỏi phụ để làm rõ những tình tiết có liên quan đến tình tiết chính, cơ bản mà người làm chứng cố tình che giấu, sau đó mới chuyển sang làm rõ những tình tiết chính, cơ bản mà người làm chứng cố tình che giấu;

- Có biện pháp phù hợp để hóa giải nguyên nhân làm cho người làm chứng khai báo gian dối (ví dụ: Nếu người làm chứng khai báo do sợ bị trả thù, Cán bộ lấy lời khai cần giải thích, khuyên nhủ, đưa ra những biện pháp cụ thể, hữu hiệu để bảo vệ người làm chứng khỏi sự đe dọa và hành động trả thù).

*c, Trường hợp lấy lời khai đối với người làm chứng dưới 18 tuổi*

Điều luật quy định, phải mời cha mẹ, người đại diện hợp pháp hoặc thầy cô giáo của người đó tham dự. Sự chứng kiến của những người nói trên trong khi lấy lời khai những người làm chứng dưới 18 tuổi nhằm tạo điều kiện cho người làm chứng bình tĩnh khai báo đúng sự thật và tạo nên mối quan hệ tin cậy giữa điều tra viên với người làm chứng. Cha, mẹ, người đại diện hợp pháp khác hoặc thầy giáo,

cô giáo của người mà Cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát mời làm chứng phải có mặt theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng. Sự có mặt của cha mẹ, người đại diện hợp pháp khác hoặc thầy cô giáo của người làm chứng dưới 18 tuổi là nghĩa vụ luật định.

Để bảo đảm cho việc thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động điều tra của Viện Kiểm sát, Điều luật quy định, trong trường hợp cần thiết, Kiểm sát viên có thể lấy lời khai người làm chứng. Sự cần thiết Kiểm sát viên lấy lời khai của người làm chứng là do tình tiết khách quan của vụ án, vụ việc và những yêu cầu giám sát hoạt động điều tra, bảo đảm việc tiến hành tố tụng hình sự được đúng pháp luật tố tụng hình sự. Việc lấy lời khai người làm chứng được tiến hành theo những trình tự thủ tục quy định chung như với hoạt động lấy lời khai người làm chứng mà Điều tra viên tiến hành.

## **2. Lấy lời khai người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc**

### ***2.1. Nhận thức chung về lấy lời khai người bị hại nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc***

Lấy lời khai người bị hại, đương sự được quy định tại Điều 188 BLTTHS năm 2015. Việc triệu tập, lấy lời khai của bị hại, đương sự được thực hiện như đối với người làm chứng. Tuy nhiên, Cán bộ lấy lời khai cần nhận thức rõ vai trò của lấy lời khai người bị hại, trong quá trình tiến hành các biện pháp điều tra ban đầu. Lấy lời khai người bị hại có vị trí rất quan trọng trong việc thu thập và củng cố chứng cứ để điều tra, làm rõ vụ án, vụ việc một cách nhanh chóng. Bởi vì người bị hại trong nhiều trường hợp thường trực tiếp tiếp xúc với vụ án, vụ việc xảy ra và thủ phạm, đối tượng tình nghi... do đó, người bị hại thường biết rõ những tình tiết của vụ án, vụ việc mà chính mình là người bị hại nên lời khai của người bị hại thường đầy đủ hơn lời khai của người làm chứng, tạo điều kiện cho Cán bộ lấy lời khai nắm được nội dung vụ án, vụ việc, xây dựng giả thuyết, thu thập, kiểm tra những tài liệu, chứng cứ của vụ án, vụ việc. Chính vì vậy, trong hoạt động điều tra thường bắt đầu từ lấy lời khai người bị hại. Người bị hại có thể cố tình khai sai sự thật thường do những nguyên nhân cơ bản sau: sợ bị đối tượng phạm tội trả thù (đặc biệt trong các vụ án, vụ việc cố ý gây thương tích); có quan hệ với đối tượng phạm tội; mong làm tăng nặng trách nhiệm hình sự của đối tượng phạm tội vì tâm lý muốn trả thù, tăng nặng hậu quả vì mục đích tư lợi; che giấu hành vi phạm tội để bảo vệ danh dự, nhân phẩm của bản thân; mong muốn làm giảm thiệt hại về tài

sản để che giấu nguồn gốc của những tài sản đó (đặc biệt đối với những người có chức vụ, quyền hạn); do không tin tưởng vào cơ quan chức năng có khả năng khám phá tội phạm...

Trong quá trình lấy lời khai của người bị hại, Cán bộ lấy lời khai cần căn cứ vào tính chất và nội dung vụ án, vụ việc, những tin tức, tài liệu mà người bị hại có thể cung cấp, đặc điểm nhân thân của người bị hại, thái độ tham gia của người bị hại vào hoạt động điều tra để lựa chọn biện pháp lấy lời khai phù hợp. Đối với người bị hại do bị tác động của tội phạm xảy ra đã khai nhầm lẫn những tình tiết của vụ án, vụ việc thì Cán bộ lấy lời khai phải tạo ra không khí yên tĩnh, tự tin để người bị hại khai báo, cần chú ý, cân nhắc đến trạng thái tinh thần của người bị hại. Để giúp người bị hại nhớ lại chính xác các tình tiết đã bị quên, Cán bộ lấy lời khai cũng có thể lấy lời khai bằng các hình thức sử dụng mối liên tưởng như đối với người làm chứng. Trường hợp người bị hại cố tình khai báo gian dối thì Cán bộ lấy lời khai có thể áp dụng các biện pháp lấy lời khai như đối với người làm chứng.

Trong trường hợp người bị hại bị thương nặng, bất tỉnh, có thể dẫn đến tử vong, sau khi cấp cứu và được phép của bác sĩ, Cán bộ lấy lời khai cần kịp thời lấy lời khai nếu xét thấy việc lấy lời khai này không tác động xấu đến tình trạng sức khỏe của người bị hại. Trong trường hợp nghiêm trọng như người bị hại đang hấp hối, việc lấy “sinh cung” người bị hại cần được phép của bác sĩ và khi tiến hành phải có sự tham gia của cán bộ y tế. Khi lấy sinh cung, Cán bộ lấy lời khai cần phải ưu tiên làm rõ những tình tiết chính, quan trọng trước như: Ai là thủ phạm, số lượng và đặc điểm của thủ phạm, thời gian và địa điểm xảy ra, số lượng và đặc điểm những phương tiện gây tai nạn... để làm cơ sở tiến hành những biện pháp cấp bách và những biện pháp điều tra ban đầu. Nên ghi âm lại lời khai của người bị hại.

## ***2.2. Trình tự thủ tục lấy lời khai người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ cháy***

Việc triệu tập, lấy lời khai người bị hại được quy định tại Điều 188 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc triệu tập phải được tiến hành bằng Giấy triệu tập. Giấy triệu tập người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc phải ghi rõ họ tên, chỗ ở của những người này, ngày, tháng, năm, địa điểm có mặt, gặp ai và trách nhiệm về việc vắng mặt không có lý do chính đáng.

Giấy triệu tập được giao trực tiếp cho người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc hoặc thông qua

chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan tổ chức nơi họ cư trú hoặc làm việc. Các cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm tạo điều kiện cho người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ. Khi giao giấy triệu tập phải được ký nhận. Giấy triệu tập người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc chưa đủ 18 tuổi được giao cho cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

Khác với người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc được triệu tập mà không có mặt theo giấy triệu tập thì không thể bị dẫn giải.

Lấy lời khai người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc. Nhìn chung, việc lấy lời khai người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc cũng giống như đối với người làm chứng, nhưng phải chú ý đến vị trí pháp lý và đặc điểm riêng của những người này. Họ là người bị tội phạm gây ra những thiệt hại về vật chất, thể chất hoặc tinh thần. Nên thông thường người bị hại có tâm lý mong muốn cơ quan điều tra nhanh chóng khám phá vụ án, vụ việc do vậy có thái độ trung thực trong khai báo các tình tiết của vụ án, vụ việc. Tuy nhiên, cũng có trường hợp người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc cố tình khai tăng mức độ thiệt hại hoặc do tâm lý quá lo sợ mà khai báo không khách quan...

Căn cứ vào những quy định tại Điều 186 và Điều 188 Bộ luật tố tụng hình sự, việc lấy lời khai của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc được tiến hành tại nơi tiến hành điều tra hoặc có thể tại nơi ở, nơi làm việc của của người đó.

Có thể tiến hành lấy lời khai của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc tại nơi đang tiến hành việc điều tra hiện trường, nơi đang khám xét, thực nghiệm hoặc tại Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc nơi được chọn làm trụ sở tạm thời để thực hiện các hoạt động điều tra, ví dụ tại ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, hay một nhà dân, một nhà khách nào đó. Trong những trường hợp này việc lấy lời khai người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc tại địa điểm nào là do yêu cầu của hoạt động điều tra quy định. Địa điểm cụ thể lấy lời khai người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị

đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc là do chính Cán bộ lấy lời khai, Kiểm sát viên xác định tại khu vực, địa bàn, cơ quan, đơn vị mà ở đó họ cần tiến hành các hoạt động điều tra.

Có thể lấy lời khai của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc tại nơi ở, nơi làm việc của họ trong các trường hợp như: việc lấy lời khai của những người này là không thể trì hoãn; có nhiều người phải lấy lời khai cùng sống chung một nơi; người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc có những khó khăn trở ngại về hoàn cảnh gia đình, đường sá, phương tiện đi lại việc triệu tập có thể gây ra những chi phí lớn đối với họ... hoặc vì những lý do khác mà cơ quan tiến hành tố tụng thấy cần thiết.

Trong mọi trường hợp, cơ quan và người tiến hành tố tụng phải chú ý để việc triệu tập và lấy lời khai của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc tại các địa điểm nơi ở, nơi làm việc của họ không gây ra thêm những tổn thất cho người bị hại về thể chất, tinh thần.

Đối với những người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc trong cùng một vụ án, vụ việc trong thời gian lấy lời khai của họ, Cán bộ lấy lời khai có thể triệu tập những người này vào cùng một lúc hoặc những thời gian khác nhau tùy theo tính chất vụ án, vụ việc và yêu cầu điều tra. Nếu phải triệu tập nhiều người cùng đến thì cũng phải lấy lời khai riêng từng người. Không được lấy lời khai cùng một lúc của hai hay nhiều người và phản ánh trong cùng một biên bản.

Tùy theo tính chất vụ cháy và yêu cầu giữ bí mật điều tra mà Cán bộ lấy lời khai có thể yêu cầu người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ cháy viết cam đoan không tiết lộ những tình tiết mà họ đã khai báo với cơ quan điều tra cho người khác biết và không được tìm hiểu nội dung lời khai của những người khác.

Trước khi lấy lời khai, Cán bộ lấy lời khai cần yêu cầu người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc xuất trình giấy triệu tập và giấy chứng minh của họ để xác định có đúng là người mà Cán bộ lấy lời khai triệu tập đến hay không. Cán bộ lấy lời khai phải hỏi về mối quan hệ giữa người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc với bị can, đối tượng tình nghi...,

người làm chứng và những tình tiết khác về nhân thân của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc.

Cán bộ lấy lời khai phải giải thích cho người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ cháy và người đại diện hợp pháp của những người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự. Người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc phải có mặt theo giấy triệu tập mỗi khi tố tụng yêu cầu. Nếu người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc mà từ chối khai báo nếu không có lý do chính đáng, thì phải chịu trách nhiệm theo Điều 383 của Bộ luật hình sự. Nếu người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, liên quan đến vụ cháy đã chết thì người đại diện hợp pháp cho họ được hưởng những quyền đã quy định tại Điều 62 của Bộ luật tố tụng hình sự. Việc giải thích này được ghi vào biên bản.

Khi lấy lời khai, Cán bộ lấy lời khai yêu cầu người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc kể lại hoặc viết lại những gì họ tự phát hiện, sau đó mới đặt câu hỏi. Câu hỏi của Cán bộ lấy lời khai cần rõ ràng, dễ hiểu và nhưng không được có tính chất gợi ý. Người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ cháy hoặc đại diện hợp pháp của họ có thể đưa ra tài liệu, để vật chứng minh cho những thiệt hại về vật chất, tài sản, hoặc những yêu cầu liên quan đến việc xác định những thiệt hại của họ, hoặc của người mà họ phải chịu bồi hoàn về thể chất, tinh thần, vật chất và yêu cầu về bồi thường.

Các tình tiết về thiệt hại mà người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ cháy hoặc người đại diện hợp pháp cho họ nêu ra cần phải được kiểm tra, tùy theo tính chất của sự thiệt hại. Ví dụ, nếu là tài sản, cần làm rõ nguồn gốc, xuất xứ, đặc điểm nhận biết, hỏi rõ vì sao họ biết được tình tiết đó. Nếu không làm rõ được vấn đề này thì không dùng làm chứng cứ những tình tiết trong lời khai mà họ đã trình bày.

Nếu có mâu thuẫn giữa lời khai của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc với những tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan tố tụng đã thu thập được, mâu thuẫn với lời khai của bị can, người làm chứng hoặc của những người khác thì cần đặt những câu hỏi nhằm làm rõ nguyên nhân. Nếu vụ án, vụ việc có nhiều người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc thì hỏi

riêng từng người và không để họ tiếp xúc với nhau trong thời gian lấy lời khai. Trong trường hợp cần thiết thì phải trung cầu giám định để xác định tình trạng tâm thần của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ cháy.

### **3. Một số câu hỏi mẫu lấy lời khai vụ cháy, nổ**

- Lấy lời khai người làm chứng:

+ Thời gian và địa điểm? Dựa trên cơ sở nào để xác định thời gian cháy?

+ Làm thế nào biết cháy xảy ra? Có phải tự nhân chứng biết có cháy xảy ra hay không và đã quan sát được gì? (Loại, độ lớn của ngọn lửa? Màu của khói? Cháy cái gì và cháy với quy mô như thế nào? Cháy ở đâu và màu của ngọn lửa như thế nào?). Nếu nhân chứng biết được có cháy xảy ra là do một người khác báo tin thì phải xác định nhân thân của người đó.

+ Nhân chứng ở đâu, làm gì trong thời điểm nhận biết có cháy? (Xác định chính xác chỗ đứng và hướng nhìn).

+ Nhân chứng đã ở đâu trước lúc xác định có cháy? Và sau khi xác định có cháy đã làm gì? (Báo cho ai? Từ vị trí ấy còn nhìn thấy ai nữa? Nhân chứng bắt đầu tới khi cháy khi nào? Đến đó vào lúc nào? Đã gặp những ai có mặt trong khu vực cháy? Lúc đến nơi đám cháy đã lan rộng ra như thế nào?).

+ Những người nào (Ghi rõ nhân thân và đặc điểm nhận dạng) có mặt ở khu vực bị cháy khi nhân chứng tới nơi? (Những người đó đang làm gì? Họ đã kể lại những gì về đám cháy đó?).

+ Nhân chứng có tham gia vào những công việc chữa cháy và cứu người, tài sản không?

+ Mọi quan hệ của nhân chứng với người bị hại, địa điểm, cơ quan tổ chức bị xảy ra cháy.

- Lấy lời khai người bị hại

+ Tình trạng sức khỏe của người bị hại.

+ Thời gian làm việc, sinh hoạt trong ngày của người bị hại cho tới lúc bắt đầu xảy ra cháy đã diễn ra như thế nào? (kể tỉ mỉ).

+ Khu vực cháy có cấu trúc như thế nào?

+ Đã cất giữ, sắp xếp các đồ vật nào ở đâu? Như thế nào? (Đặc điểm trong khu vực vùng cháy, điểm xuất phát cháy cũng như xung quanh).

+ Những thiết bị điện có lắp đặt đúng quy cách hay không? Trạng thái của nó trước khi cháy? Đã sửa chữa những thiết bị đó lần nào chưa?

+ Những thiết bị điện đốt nóng khi sử dụng đặt ở vị trí nào? Khi chúng hoạt động có bắt buộc phải có người trông coi không? Ai đã cho những thiết bị đó hoạt động trước khi bị cháy?

+ Trạng thái của bếp dầu, đèn dầu, bếp lò, bếp củi, vị trí đặt chúng ở chỗ nào?

+ Trong thời gian đó người bị hại có mâu thuẫn với ai không? Trước khi thấy cháy người bị hại có cảm nhận thấy hiện tượng gì khác lạ không? (Tiếng động, mùi vị, độ sáng tối của đèn điện).

+ Yêu cầu, kiến nghị của người bị hại?

### **3. Thu giữ, tạm giữ và bảo quản đồ vật, tài liệu trong xác minh, giải quyết vụ cháy**

#### **3.1. Những đồ vật, tài liệu cần thu giữ trong xác minh, giải quyết vụ cháy**

Trong quá trình xác minh, giải quyết vụ cháy có rất nhiều đồ vật, tài liệu được thu thập để phục vụ công tác đánh giá chứng cứ làm căn cứ xác định nguyên nhân cháy, số lượng, chủng loại, giá trị tài sản bị thiệt hại do vụ cháy. Trách nhiệm của cán bộ được phân công giải quyết vụ cháy phải chứng minh sự có mặt của các tài sản đó tại hiện trường trước khi xảy ra cháy, đồng thời xác định giá trị thiệt hại để làm căn cứ định tính của các yếu tố cấu thành tội phạm.

Các đồ vật, tài liệu được thu giữ gồm:

- Các mẫu vật, đồ vật được thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường vụ cháy;

- Các loại máy móc, thiết bị kỹ thuật chứa thông tin về vụ cháy;

- Các tài liệu liên quan đến vụ cháy: Sơ đồ, bản vẽ, các tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, vận hành; hồ sơ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của chủ cơ sở, hồ sơ quản lý của cơ quan Công an; hệ thống sổ sách, hoá đơn chứng từ chứng minh giá trị, nguồn gốc tài sản..

#### **3.2. Nguyên tắc thu thập, bảo quản và xử lý đồ vật, tài liệu**

Trong công tác thu thập, bảo quản, xử lý vật chứng phải tuân thủ những

nguyên tắc sau đây:

**3.2.1. Đồ vật, tài liệu cần được thu thập kịp thời, đầy đủ, được miêu tả đúng thực trạng vào biên bản và đưa vào hồ sơ giải quyết tin báo**

- Thu giữ kịp thời đầy đủ đồ vật, tài liệu thì mới bảo đảm tính nguyên vẹn đồng thời hiện trường không bị mất mát, tiêu tán, tiêu hủy, hư hỏng. Có như vậy mới phục vụ tốt cho công tác củng cố chứng cứ, tài liệu.

- Đây là yêu cầu pháp luật để đảm bảo tính khách quan, phục vụ tốt cho công tác xác minh, giải quyết vụ cháy, nếu không sẽ gây ra khó khăn, trở ngại, làm hạn chế giá trị chứng minh của đồ vật, tài liệu trong quá trình giải quyết vụ cháy.

- Khi thu giữ vật chứng phải lập biên bản và phải đưa biên bản cùng đồ vật, tài liệu vào hồ sơ tin báo. Trường hợp vật chứng không thể đưa vào hồ sơ thì phải chụp ảnh để đưa vào hồ sơ, đồ vật, tài liệu được niêm phong bảo quản đúng yêu cầu pháp luật và Bộ Công an.

**3.2.2. Đồ vật, tài liệu phải được bảo quản nguyên vẹn, không để mất mát, lẫn lộn, hư hỏng**

- Đồ vật, tài liệu có bảo quản nguyên vẹn thì mới đảm bảo giá trị chứng minh, phục vụ tốt cho công tác xác minh làm rõ vụ cháy.

- Để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xác minh, việc quy định rõ ràng để nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với các đơn vị trong bảo quản đồ vật, tài liệu nhằm phục vụ tốt quá trình xác minh làm rõ vụ cháy.

+ Không được làm mất mát, lẫn lộn, hư hỏng đồ vật, tài liệu trong quá trình giải quyết vụ cháy.

+ Đối với những đồ vật, tài liệu không thể giữ nguyên vẹn trong suốt quá trình giải quyết vụ cháy được thì phải đề xuất biện pháp xử lý đảm bảo đúng thủ tục pháp luật.

+ Đối với đồ vật, tài liệu được bảo quản tại kho bạc hoặc các cơ quan chuyên trách khác trong những trường hợp cần thiết phải giám định để chuyển sang các cơ quan đó bảo quản theo đúng quy định.

- Trách nhiệm bảo quản vật chứng:

+ Theo Thông tư số 58/2017/TT-BCA ngày 20-11-2017 Quy định về công tác quản lý kho vật chứng trong Công an nhân dân, việc quản lý, bảo quản vật chứng của các vụ án trong giai đoạn điều tra, truy tố được giao cho lực lượng Cảnh sát

bảo vệ và hỗ trợ tư pháp các cấp thực hiện.

+ Đồ vật, tài liệu được bảo quản tại hồ sơ vụ cháy do cơ quan trực tiếp thụ lý hồ sơ quản lý, bảo quản theo đúng quy định về chế độ hồ sơ của ngành.

+ Đồ vật, tài liệu là tiền, vàng bạc, kim khí, đá quý, đồ cổ, chất độc, chất nổ, chất cháy, chất có phóng xạ, chất có vi trùng thì được bảo quản tại ngân hàng hoặc các cơ quan chuyên trách khác.

Trong Trường hợp người có trách nhiệm bảo quản đồ vật, tài liệu mà làm mất, làm hỏng, phá hủy niêm phong, tiêu dùng, chuyển nhượng đánh tráo, cất giấu hoặc hủy hoại vật chứng của vụ án, thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự. Trong trường hợp thêm, bót, sửa đổi, đánh tráo, huỷ, làm hư hỏng đồ vật, tài liệu của vụ án nhằm làm sai lệch hồ sơ vụ án thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

### **3.2.3. Đồ vật, tài liệu phải được xử lý đúng quyền hạn thủ tục quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015**

*\* Về quyền hạn xử lý vật chứng:*

Việc xử lý đồ vật, tài liệu do cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định nếu vụ việc được đình chỉ ở giai đoạn điều tra; do Viện kiểm sát quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn truy tố; do Chánh án Tòa án quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử; do hội đồng xét xử quyết định nếu vụ án đã đưa ra xét xử. Việc thi hành quyết định về xử lý vật chứng phải được ghi vào biên bản.

*\* Thủ tục xử lý đồ vật, tài liệu:*

- Việc xử lý đồ vật, tài liệu phải có quyết định của người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Khi tiến hành xử lý đồ vật, tài liệu phải được lập biên bản để đưa vào hồ sơ tin báo.

- Khi tiêu hủy đồ vật, tài liệu phải thành lập hội đồng tiêu hủy, thành phần tham gia hội đồng tiêu hủy theo quy định của pháp luật trong các trường hợp cụ thể và phải được lập biên bản để đưa vào hồ sơ vụ việc.

Tóm lại: Trong quá trình thu thập, bảo quản và xử lý đồ vật, tài liệu phải quán

triệt đầy đủ cả 3 nguyên tắc trên không được xem nặng hoặc coi nhẹ một nguyên tắc nào, có như vậy mới đảm bảo giá trị chứng minh của vật chứng, phục vụ tốt cho hoạt động điều tra làm rõ vụ án. Nguyên tắc 1 đảm bảo cho đồ vật, tài liệu được thu giữ kịp thời đầy đủ, nhanh chóng, không bị sót lọt và không thu giữ tràn lan cả những vật không liên quan đến vụ cháy. Nguyên tắc 2 đảm bảo tính nguyên vẹn của đồ vật, tài liệu từ đó khai thác sử dụng tốt trong quá trình điều tra làm rõ vụ án, đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan và cá nhân trong công tác bảo quản đồ vật, tài liệu. Nguyên tắc 3 đảm bảo cho đồ vật, tài liệu được xử lý đúng thẩm quyền quy định, đảm bảo cho vật chứng được khai thác sử dụng triệt để trong công tác đấu tranh chống tội phạm nói chung và trong công tác xác minh, giải quyết vụ cháy nói riêng.

### **3.3. Tiến hành thu thập, bảo quản và xử lý đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ cháy**

#### **4.3.1. Thu thập đồ vật, tài liệu**

##### *4.3.1.1. Thu thập đồ vật, tài liệu trong quá trình xác minh, giải quyết vụ cháy.*

Trong thực tiễn công tác xác minh, giải quyết tin báo về tội phạm cho chúng ta thấy hầu hết các vụ việc xảy ra đều có vật chứng, đồ vật, tài liệu và cơ quan có thẩm quyền được phép thu giữ tất cả các vật chứng, đồ vật, tài liệu đó để phục vụ cho công tác điều tra, xử lý tội phạm. Nhưng khó khăn là ở chỗ chúng ta có phát hiện được vật chứng, đồ vật, tài liệu hay không, phát hiện có đầy đủ hay không để kịp thời thu giữ được vật chứng, đồ vật, tài liệu.

- Để thu giữ được đồ vật, tài liệu nhanh, đúng quy định có thể dựa vào các căn cứ sau để xác định đồ vật, tài liệu:

- + Căn cứ vào tính chất của vụ việc, yêu cầu xác minh cần đạt được.
- + Căn cứ vào đặc điểm của các loại đồ vật, tài liệu cần phát hiện thu giữ.
- + Căn cứ vào thủ đoạn cất giấu tài liệu nói chung và thủ đoạn cất giấu của từng đối tượng cụ thể để khoanh diện, xác định đồ vật cần thu giữ.

- Có thể sử dụng các biện pháp theo Bộ luật Tố tụng hình sự quy định để phát hiện đồ vật, tài liệu để đảm bảo giá trị pháp lý.

- Trong khi xác minh, giải quyết vụ cháy để đồ vật, tài liệu được phát hiện kịp thời đầy đủ chính xác Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra được phép thu giữ và tạm giữ những vật sau:

- + Những vật là vật chứng của vụ án.
- + Tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ cháy hoặc những đồ vật thuộc loại cấm tàng trữ lưu hành.
- + Thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện, dữ liệu điện tử.
- Hình thức thu thập đồ vật, tài liệu:
  - + Đồ vật, tài liệu được thu thập đưa về Cơ quan thụ lý hồ sơ: Đồ vật, tài liệu được thu thập phải được miêu tả đúng thực trạng vào biên bản và đưa vào hồ sơ vụ việc. Trường hợp không thể đưa đồ vật, tài liệu vào hồ sơ vụ việc thì phải chụp ảnh để dựa vào hồ sơ và đồ vật, tài liệu phải được niêm phong, bảo quản.
  - + Niêm phong đồ vật, tài liệu, lập bản thống kê giao cho chủ sở hữu hợp pháp bảo quản để chờ xử lý.

#### *4.3.1.2. Phương pháp thu thập đồ vật, tài liệu*

- \* Tiến hành thu thập đồ vật, tài liệu:
  - Đồ vật, tài liệu được thu thập thông qua việc khám nghiệm hiện trường, khám xét, yêu cầu giao nộp... Khi phát hiện đồ vật, tài liệu ở vị trí nào thì phải có mặt chủ nhà (người đại diện hợp pháp) người chứng kiến, cán bộ điều tra bằng những động tác thận trọng có kỹ thuật chuyển những vật đó về một nơi, cử người coi giữ để lập biên bản.
    - Đồ vật, tài liệu phát hiện được cần phải chụp ảnh trong các trường hợp sau:
      - + Đồ vật, tài liệu không thể đưa vào hồ sơ vụ án hoặc không thể đưa về Cơ quan thụ lý được (cồng kềnh hoặc không thể di chuyển) thì mô tả cụ thể trong biên bản và chụp ảnh và đưa vào hồ sơ vụ việc.
      - + Đồ vật, tài liệu quan trọng cần phải chụp ảnh cùng với người có liên quan.
    - Đồ vật, tài liệu có thể ký vào giữa hoặc vào phía sau thì yêu cầu người giao nộp, chủ nhà (người đại diện hợp pháp) ký xác nhận vào đó.
    - Đồ vật, tài liệu thu giữ được phải cân đong, đo đếm chính xác và phản ánh đúng thực trạng vào biên bản rồi đưa vào hồ sơ vụ việc.

#### *Chú ý:*

- + Khi thu giữ phải phân loại ngay để có cách bảo quản tại nơi thu giữ được tốt.
- + Đồ vật, tài liệu đã thu giữ phải được chuyển ngay về Cơ quan thụ lý, khi

vận chuyển phải an toàn và giao cho người có trách nhiệm quản lý.

\* Niêm phong đồ vật, tài liệu

- Những vật cần phải niêm phong:

+ Loại không xác định ngay tại chỗ về nội dung chất lượng.

+ Loại có số lượng quá nhiều không đếm tại nơi thu giữ ngay được.

+ Loại dễ biến dạng, biến chất.

+ Loại là chất nổ, loại cần đưa để giám định.

+ Loại là tiền bạc, vàng, kim khí, đá quý, đồ cổ...

+ Loại đồ vật, tài liệu không thể đưa vào hồ sơ vụ việc hoặc không thể đem về Cơ quan thụ lý được (loại công kênh hoặc không thể di chuyển)

- Cách niêm phong đồ vật, tài liệu:

Đồ vật, tài liệu cần niêm phong cần phải được niêm phong đúng quy cách ngay tại nơi thu giữ và lập biên bản đúng thủ tục.

Có các cách niêm phong cụ thể sau đây:

+ Niêm phong bằng cách dán giấy niêm phong: Giấy dùng làm niêm phong phải mỏng, có chữ ký của cán bộ thu giữ, có đóng dấu giáp lai, có chữ ký của người giao nộp, người chứng kiến và ủy ban nhân dân xã phường.

+ Niêm phong bằng cách đồ xi và đóng dấu nổi.

+ Nếu cần có thể sử dụng dây buộc, giấy để bao gói sau đó dùng giấy dán hoặc đồ xi lên nút buộc để niêm phong.

- Thành phần tham gia niêm phong:

+ Cấp trưởng hoặc cấp phó ra lệnh khám xét hoặc thi hành lệnh khám xét.

+ Người giao nộp đồ vật, tài liệu.

+ Chủ nhà, người đại diện hợp pháp.

+ Người chứng kiến.

+ Đại diện chính quyền địa phương hoặc đại diện cơ quan có trụ sở bị khám xét.

+ Cán bộ chuyên môn (Đồ vật, tài liệu đòi hỏi có cán bộ chuyên môn về lĩnh vực đó khi thu giữ).

Mọi người này phải giải thích rõ quyền hạn và trách nhiệm khi tham gia niêm phong đồ vật, tài liệu.

- Mở niêm phong đồ vật, tài liệu:

+ Khi đưa vật chứng về Cơ quan thụ lý phải mở niêm phong phục vụ kịp thời quá trình xác minh, giải quyết vụ cháy.

+ Cấp trưởng hoặc cấp phó được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cùng với cán bộ được phân công trực tiếp xác minh, giải quyết vụ cháy có quyền mở niêm phong đồ vật, tài liệu (nếu khi niêm phong có cán bộ chuyên môn thì khi mở niêm phong cũng cần sự có mặt của cán bộ chuyên môn).

+ Việc niêm phong và mở niêm phong đều phải lập biên bản đúng thủ tục. Nếu niêm phong khi mở không còn nguyên vẹn thì phải lập biên bản về sự không nguyên vẹn đó có xác nhận của các thành viên tham gia mở niêm phong rồi sau đó mở niêm phong.

#### *4.3.1.3. Biên bản thu thập đồ vật, tài liệu*

Biên bản thu thập đồ vật, tài liệu phải lập theo đúng mẫu quy định tại Thông tư 128/2025/TT-BCA và phải đạt được các yêu cầu sau đây:

- Thu giữ bất cứ một vật nào đều phải mô tả đúng thực trạng trong biên bản và đưa vào hồ sơ vụ việc.

- Biên bản phản ánh đúng trường hợp phát hiện, vị trí, cách thu giữ và những người có mặt trong khi thu giữ.

- Biên bản phải ghi rõ tên đồ vật, tài liệu, mô tả đầy đủ về số lượng, trọng lượng, hình dáng, kích thước, màu sắc chiều hướng, dấu vết và các đặc điểm khác của vật chứng (ghi số lượng vật chứng bằng số và bằng chữ), đồng thời cũng phải ghi nơi phát hiện và thu giữ.

- Đồ vật, tài liệu thuộc loại bí mật quốc gia, bí mật nghiệp vụ thì phải lập thành văn bản riêng.

#### **4.3.2. Bảo quản đồ vật, tài liệu**

##### *4.3.2.1. Phân loại để bảo quản*

Việc bảo quản đồ vật, tài liệu được tiến hành trong suốt thời gian xác minh, giải quyết vụ cháy, đây là một việc làm quan trọng phức tạp đòi hỏi phải khoa học, có hệ thống và chính xác.

Thông thường Cơ quan thụ lý vụ cháy thường phải bảo quản đồ vật, tài liệu

của vụ việc, do vậy phải phân loại vật chứng để có phương tiện bảo quản cho phù hợp. Thường có các cách phân loại vật chứng sau đây:

- Phân loại theo loại vật chất: Ví dụ đồ vật, chất lỏng... thì bảo quản tại kho. Loại là giấy tờ, phim ảnh... thì bảo quản tại hồ sơ vụ việc.

- Phân loại theo hình dáng, khối lượng hay tính năng tác dụng, đặc tính của đồ vật, tài liệu.

- Phân loại theo giá trị chứng minh hay theo giá trị thực tế của đồ vật, tài liệu để có ý thức bảo quản cho đúng.

- Phân loại theo thứ tự thời gian nhận các vật chứng hay để theo yêu cầu điều tra để có cách sắp xếp hợp lý phục vụ kịp thời khi có yêu cầu điều tra xử lý vụ án đặt ra.

#### 4.3.2.2. Bảo quản đồ vật, tài liệu

\* Bảo quản đồ vật, tài liệu tại kho.

- Nhìn chung các đồ vật, tài liệu thường được bảo quản tại kho vật chứng trừ một số loại sau đây:

- + Đồ vật, tài liệu là vàng, bạc, kim khí, đá quý, tiền...

- + Đồ vật, tài liệu là chất cháy, chất nổ,...

- + Đồ vật, tài liệu là giấy tờ, tài liệu phim ảnh, tranh ảnh.

- Trách nhiệm bảo quản vật chứng tại kho:

**Thông tư số .../2025/TT-BCA** Quy định về công tác quản lý kho vật chứng, đồ vật, tài liệu trong Công an nhân dân, việc quản lý, bảo quản vật chứng của các vụ án trong giai đoạn điều tra, truy, tố được giao cho lực lượng Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp các cấp thực hiện.

- + Kho vật chứng phải được bố trí lực lượng để bảo vệ 24/24 giờ trong ngày.

- Cách bảo quản đồ vật, tài liệu tại kho:

- + Khi nhận đồ vật, tài liệu phải phân loại rồi nhập vào kho và sử dụng các phương tiện thích hợp để bảo quản.

- + Sắp xếp đồ vật, tài liệu theo một trật tự thống nhất, rồi đánh số thứ tự vật chứng bằng cách dùng bìa cứng ghi tên của vật chứng, tên vụ án thời gian thu giữ... rồi dính kèm vào đồ vật, tài liệu. Sau đó ghi chép đầy đủ vào sổ quản lý của các cơ

quan đơn vị có trách nhiệm quản lý.

+ Đối với những đồ vật, tài liệu không thể bảo quản lâu tại kho được thì phải trao đổi với Viện kiểm sát có thẩm quyền theo quy định để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Phương tiện bảo quản: Theo quy định của Kho vật chứng.

\* Bảo quản đồ vật, tài liệu tại hồ sơ vụ việc:

- Đồ vật, tài liệu là tài liệu giấy tờ, phim ảnh, sách báo, tranh ảnh được bảo quản tại hồ sơ vụ việc.

- Cách bảo quản vật chứng tại hồ sơ:

Phải phân loại theo kích thước, sắp xếp có thứ tự rồi cho vào phong bì hoặc đóng thành tập đánh số thứ tự từ 1 - 300 và đưa vào hồ sơ vụ việc.

- Việc bảo quản đồ vật, tài liệu tại hồ sơ phải chấp hành đúng chế độ hồ sơ và do cán bộ được phân công xác minh, giải quyết trực tiếp quản lý.

\* Bảo quản đồ vật, tài liệu tại kho bạc hay các cơ quan chuyên trách khác:

- Đồ vật, tài liệu là tiền, vàng bạc, kim khí, đá quý, đồ cổ, chất nổ được bảo quản tại kho bạc hoặc các cơ quan chuyên trách khác.

- Việc gửi đồ vật, tài liệu vào kho bạc hoặc các cơ quan chuyên trách khác để bảo quản phải lập biên bản đúng thủ tục rồi đưa biên bản đó vào hồ sơ vụ việc.

### ***4.3.3. Xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015***

Đồ vật, tài liệu phải được xử lý theo đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015

- Hình thức xử lý:

+ Đồ vật, tài liệu là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cầm tàng trữ, lưu hành thì bị tịch thu nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy.

+ Đồ vật, tài liệu là tiền bạc hoặc tài sản do phạm tội mà có thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

+ Đồ vật, tài liệu không có giá trị hoặc không sử dụng được thì bị tịch thu và bị tiêu hủy.

Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với đồ vật, tài liệu thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chú ý khi xử lý đồ vật, tài liệu:

+ Dù xử lý bằng biện pháp nào cũng không được làm cản trở tới công tác xác minh, giải quyết vụ việc.

+ Xử lý đồ vật, tài liệu phải đúng quyền hạn, thủ tục pháp luật.

+ Khi tiêu hủy đồ vật, tài liệu phải lập hội đồng, thành viên hội đồng do luật định.

+ Chống mọi hình thức xử lý tùy tiện, không đúng pháp luật xử lý nghiêm minh những hành vi lạm dụng việc xử lý đồ vật, tài liệu để tham ô, chiếm đoạt, trộm cắp....

#### **4.4. Các trường hợp thu giữ, tạm giữ phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông, tài liệu đồ vật khi khám xét**

##### ***4.4.1. Thu giữ phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử***

Để phù hợp với quy định về việc bổ sung nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, BLTTHS năm 2015 bổ sung một điều luật (Điều 196) quy định về thu giữ phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử. Theo đó, việc thu giữ phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử do người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện và có thể mời người có chuyên môn liên quan tham gia. Người có chuyên môn liên quan có thể là các chuyên gia sử dụng thiết bị điện tử, chuyên gia về khoa học công nghệ, kỹ sư phần mềm... được mời để tìm kiếm, phân tích, phục hồi, giải mã và chuyển dữ liệu sang dạng có thể đọc được, nghe thấy được, nhìn thấy được để có khả năng sử dụng làm chứng cứ chứng minh trong vụ án hình sự. Trường hợp không thể thu giữ được phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử thì phải sao lưu vào phương tiện lưu trữ và thu giữ như đối với vật chứng.

Khi thu giữ các phương tiện điện tử có thể thu thiết bị ngoại vi kèm theo như USB, thẻ nhớ, đĩa CD/VCD/DVD, thiết bị lưu trữ, máy in, bàn phím, chuột... và các tài liệu có liên quan.

##### ***4.4.2. Thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông***

Thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông được quy định tại Điều 197 BLTTHS năm 2015. Trong trường hợp cần thiết, để thu thập tài liệu, chứng cứ phục vụ việc giải quyết vụ án, khi có căn cứ

cho rằng trong thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm có chứa thông tin tài liệu liên quan đến vụ cháy thì cấp trưởng, cấp phó được phân công tiến hành một số hoạt động điều tra có quyền ra lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông (thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm chưa được gửi đến nơi người nhận). Lệnh này phải được VKS có thẩm quyền phê chuẩn trước khi thi hành.

Việc quản lý, bảo quản thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm được thực hiện như đối với đồ vật, tài liệu thu giữ.

## CHUYÊN ĐỀ 4

### Các loại dấu vết cháy và khám nghiệm hiện trường vụ cháy, nổ

#### I. Nhận thức chung về sự cháy, sản phẩm cháy

##### 1. Khái niệm về sự cháy

*Cháy là một phản ứng hoá học giữa các chất cháy với Oxy của không khí hoặc một chất Oxy hoá khác kèm theo sự toả nhiệt và phát sáng.*

Như vậy, về bản chất cháy là một phản ứng hoá học của chất cháy với chất Oxy hoá, chúng khác với các phản ứng Oxy hoá khác là tốc độ phản ứng xảy ra rất nhanh và giải phóng ra một lượng nhiệt lớn. Lượng nhiệt này nung nóng các sản phẩm phân huỷ nhiệt của chất cháy và các sản phẩm cháy đến nhiệt độ cao làm cho chúng bức xạ ánh sáng. Nhiệt và ánh sáng là kết quả và là biểu hiện bên ngoài của sự cháy.

##### 2. Điều kiện cần cho sự cháy

Các yếu tố cần cho sự cháy: Các yếu tố cần cho sự cháy gồm chất cháy, chất Oxy hoá và nguồn nhiệt.

**a. Chất cháy:** Là những chất có khả năng tham gia phản ứng cháy với chất Oxyhoá. Chất cháy được phân loại theo khả năng cháy hoặc theo trạng thái tồn tại của chúng.

*\*Căn cứ vào khả năng tham gia phản ứng cháy của các chất*

- Chất dễ cháy: Là những chất có khả năng bắt lửa và cháy trong điều kiện bình thường của môi trường như xăng, dầu, bông, vải, khí cháy...

- Chất khó cháy: Là những chất chỉ có khả năng cháy trong những điều kiện nhất định như kim loại, các vật liệu đã được xử lý chống cháy.

- Chất không cháy: là những chất không có khả năng cháy ngay cả khi được đốt nóng tới  $900^{\circ}\text{C}$ .

*\* Căn cứ vào trạng thái tồn tại của các chất*

- Chất cháy khí: Là những chất cháy tồn tại ở dạng khí như Hydrô, Mêtan, Axetylen, khí ga.... Đặc điểm của các chất cháy khí là chúng có khả năng phân tán rất mạnh trong môi trường không khí. Trong thực tế các chất cháy khí đều được bảo quản trong các dụng cụ chứa kín với áp suất cao nên khi bị rò rỉ ra ngoài chúng sẽ dễ dàng khuếch tán trong không khí và tạo thành hỗn hợp nguy hiểm cháy nổ. Năng lượng cần thiết để gây cháy các hỗn hợp chất cháy khí với không khí thường rất nhỏ, vì vậy tính nguy hiểm cháy nổ của chúng rất cao.

- Chất cháy lỏng: Là những chất cháy tồn tại ở dạng lỏng như xăng dầu, các dung môi hữu cơ... Đặc điểm chung của các chất lỏng là nó có khả năng bốc hơi, nhiệt độ càng cao thì khả năng bốc hơi càng lớn. Hơi của chất cháy lỏng khi trộn lẫn với không khí sẽ tạo ra hỗn hợp có khả năng cháy nổ. Đối với các chất lỏng kém dẫn điện chúng còn có khả năng nhiễm điện do ma sát khí các lớp chất lỏng chuyển dịch tương đối với nhau. Điện thế tĩnh điện rất lớn có thể phóng tia lửa điện gây cháy hơi chất lỏng. Vì vậy trong quá trình sản xuất, bơm rót vận chuyển chất cháy lỏng cần phải chú ý đến tính chất này.

Trước khi tham gia vào phản ứng cháy, chất cháy lỏng bị đun nóng và bốc hơi. Hơi của chất cháy lỏng có tính chất tương tự như chất khí. Chất cháy lỏng phổ biến nhất trong công nghiệp là các sản phẩm dầu mỏ trong đó chủ yếu là các hydro cacbon ngoài ra còn chứa với hàm lượng thấp một số hợp chất của các nguyên tố khác như Oxy, Lưu huỳnh...

- Chất cháy rắn: là những chất cháy tồn tại ở dạng rắn như giấy, gỗ, vải, sợi, cao su, chất dẻo... Đặc điểm của các chất cháy loại này là sự biến đổi trạng thái khi bị nung nóng tùy thuộc vào thành phần hoá học của chúng. Một số chất cháy rắn khi bị nung nóng thì chuyển sang trạng thái lỏng rồi bay hơi, thành phần hoá học của hơi không thay đổi và giống với thành phần của chất lỏng ví dụ như sáp, nến ...

Một số chất cháy rắn khác khi bị nung nóng chúng vừa chảy lỏng và vừa phân huỷ như các chất cao phân tử, cao su...

Một số chất cháy rắn khác khi bị nung nóng chúng không bị chảy lỏng mà bị phân huỷ thành dạng khí hoặc hơi rồi tham gia sự cháy như gỗ, than đá, than bùn...

**b. Chất Oxy hoá:** Chất oxy hoá là những chất tham gia phản ứng hoá học với chất cháy để gây ra sự cháy. Chất oxy hoá trong các phản ứng cháy có thể là

oxy nguyên chất, oxy không khí, oxy sinh ra do các hợp chất có chứa oxy bị phân huỷ hoặc những chất oxy hoá khác.

Trong thực tế thường gặp là sự cháy của các chất cháy với oxy không khí. Thành phần % thể tích của oxy trong không khí là 21%, phần còn lại chủ yếu là Nitơ. Cũng trong thực tế các đám cháy xảy ra trong môi trường không khí, không phải toàn bộ lượng oxy có trong không khí đều tham gia phản ứng cháy mà chỉ là một phần nào đó. Phần còn lại khuếch tán vào khối sản phẩm và ra khỏi môi trường cháy. Khi nồng độ oxy trong không khí giảm xuống còn 14 - 15 % thể tích thì sự cháy sẽ bị ngừng lại. Như vậy trong không khí sản phẩm cháy sẽ còn một lượng dư khí Oxy.

**c. Nguồn nhiệt:** Là nguồn cung cấp năng lượng cho đám cháy xảy ra. Nguồn nhiệt cho sự cháy có thể là ngọn lửa trần như ngọn lửa của đèn, nến, bếp lò, các tia lửa như tia lửa điện, tia lửa do ma sát, do va đập ...Hoặc các vật thể đã được đun nóng đến nhiệt độ bốc cháy do các quá trình hoá, lý hay sinh học. Với mỗi hỗn hợp chất cháy cần có một năng lượng thích hợp cho sự cháy xảy ra.

Trong các quá trình cháy, sau khi sự cháy xuất hiện, năng lượng do nó sinh ra lại tiếp tục nung nóng hỗn hợp cháy mới, nhờ đó quá trình cháy được duy trì liên tục. Nếu loại bỏ nguồn nhiệt này quá trình cháy sẽ bị ngưng lại.

### **3. Điều kiện xuất hiện và duy trì sự cháy**

- Chất cháy, chất oxy hoá và nguồn nhiệt phải tiếp xúc trực tiếp với nhau. Nếu không có sự tiếp xúc trực tiếp thì cũng không có các tương tác hoá học và do đó cũng không có phản ứng cháy. Đồng thời nồng độ của chất cháy và chất oxy hoá cũng phải nằm trong giới hạn nồng độ bốc cháy. Đối với chất cháy và oxy không khí thì nồng độ của nó phải lớn hơn 14%.

- Nguồn nhiệt: Năng lượng của nguồn nhiệt phải đủ lớn để đưa hỗn hợp chất cháy và chất oxy hoá đến nhiệt độ tự bốc cháy.

### **4. Các sản phẩm cháy**

Sản phẩm chủ yếu của sự cháy là nhiệt và một tập hợp gồm các chất rắn, lỏng khí tạo thành trong quá trình cháy.

Nguồn nhiệt của đám cháy về mặt cơ học gây ra các hiện tượng cong vênh biến dạng, nứt vỡ, phồng rộp và biến đổi trạng thái tồn tại. Về mặt hoá học gây ra các biến đổi về màu sắc, tính chất và bản chất hoá học của vật chất, tạo thành những sản phẩm trung gian hoặc đến trạng thái tồn tại tự do của Cacbon. Tùy thuộc vào bản chất của chất cháy, điều kiện của đám cháy và địa hình của khu vực cháy mà các sản phẩm của đám cháy tạo ra và để lại một hệ thống dấu vết cháy phức tạp và đa dạng.

Đám cháy thường được nhận thấy qua các hình thức bên ngoài như khói, lửa, ánh sáng, mùi vị, tiếng động... Những dấu hiệu này là sự thể hiện của những vận động bên trong của đám cháy. Biết khai thác những thông tin này một cách khoa học, hiệu quả cho phép chúng ta tiếp cận nhanh hơn với thực tế khách quan xảy ra trong đám cháy. Những thể hiện bên ngoài của đám cháy thường được ghi nhận và mô tả lại là khói, lửa, tiếng động...

+ *Khói*: Là hệ phân tán của các hạt rất nhỏ chất rắn hoặc lỏng trong dòng khí sản phẩm của đám cháy. Màu sắc của khói phần nào thể hiện bản chất của hạt phân tán (khói trắng chủ yếu do các hạt phân tán là nước, khói đen do các hạt cacbon, khói có màu nâu có thể do sự tạo thành khí  $\text{NO}_2$ ..)

+ *Lửa*: Ngọn lửa là khoảng không gian trong đó xảy ra phản ứng cháy. Chất cháy sau khi bị nóng chảy, nhiệt phân qua các giai đoạn lỏng và hơi rồi tham gia phản ứng cháy. Phản ứng làm cho các hạt cacbon bức xạ ánh sáng. Màu sắc của ngọn lửa phần nào cho thấy bản chất của chất cháy. Chất cháy có hàm lượng cacbon cao cho ngọn lửa vàng sẫm như TNT, Benzen hàm lượng thấp cho ngọn lửa vàng nhạt như cồn, khí đốt ...Đôi khi trong các chất cháy có vết của một số kim loại hoặc oxit kim loại tạo nên những màu sắc của ánh lửa rất sặc sỡ như màu đỏ của Lithi Bari, màu xanh của Đồng, màu tím của Kali ...

+ *Mùi, vị*: Sinh ra do sự tạo thành các hợp chất trung gian trong quá trình cháy, thường bắt gặp nhất là mùi khét của các sản phẩm nhựa, cao su và các sản phẩm có chứa lưu huỳnh, xuất hiện trong giai đoạn đầu của đám cháy. Khi khai thác thông tin cần lưu ý đến khoảng thời gian từ khi xuất hiện mùi khét cho đến khi phát hiện ra cháy.

+ *Tiếng động*: Trong các đám cháy đôi khi người ta nghe thấy tiếng rít của luồng đối lưu, tiếng nổ khi cháy mứt xốp hoặc tiếng nổ khi tạo thành các hỗn hợp khí cháy nổ...

Các sản phẩm cháy tác động vào môi trường xung quanh nó gây ra những biến đổi để lại trên hiện trường hệ thống dấu vết cháy.

## **II. Các hệ thống dấu vết tồn tại trong hiện trường cháy**

### **1. Hệ thống dấu vết đặc trưng của cháy**

Các dấu vết đặc trưng của cháy là những biến đổi vật chất sinh ra do tác động trực tiếp của đám cháy. Dấu vết đặc trưng của cháy bao gồm:

#### **a. Dấu vết ám khói**

Dấu vết ám khói là sự ngưng tụ các hạt cacbon chưa bị cháy hết trên các bề mặt khác nhau: tường, cửa gỗ, cửa kính, bề mặt kim loại...

Quá trình hình thành các dấu vết ám khói có thể được trình bày một cách vắn tắt như sau:



*Ảnh 1: Dấu vết ám khói thể hiện điểm xuất phát cháy nằm ở phía trong nửa nhà bên phải. Hệ thống cửa ở trạng thái đóng.*

Như ta đã biết cháy là một quá trình phức tạp xảy ra theo nhiều giai đoạn, nếu quan sát vùng ngọn lửa ta thấy các hợp chất hữu cơ đã bị phân hủy thành các hạt cacbon cháy sáng. Khi sự cháy không hoàn toàn các hạt cacbon đi ra khỏi ngọn lửa không còn cháy sáng nữa và tạo thành đám khói đen. Những đám khói đen này khi tiếp xúc với các bề mặt có nhiệt độ thấp hơn chúng sẽ bị ngưng tụ tạo thành vết ám khói đen. Quá trình ngưng tụ khói là một quá trình hấp phụ bề mặt và là một quá trình phát nhiệt vì vậy mức độ ám khói đen ngoài yếu tố nồng độ khói, mức độ tiếp xúc của bề mặt còn phụ thuộc vào nhiệt độ của bề mặt mang dấu vết. Nhiệt độ của bề mặt thấp thuận lợi cho việc hấp phụ, nhiệt độ của bề mặt cao quá trình hấp phụ khó khăn hơn. Khi đám cháy đã phát triển, các bề mặt xung quanh nó bị đốt nóng đến một lúc nào đó quá trình hấp phụ không xảy ra hoặc những dấu vết ám khói xảy ra từ trước bị giải hấp phụ.



*Ảnh 2: Dấu vết ám khói ở phía tường ngoài chợ Đồng Xuân thể hiện vùng cháy đầu tiên và điểm xuất phát cháy.*

Dấu vết ám khói đen cho phép chúng ta xác định được sự hiện diện của ngọn lửa, xác định chiều hướng và mức độ của ngọn lửa và điều quan trọng hơn cả là khoảng thời gian xuất hiện ngọn lửa tạo nên dấu vết ám khói. Các dấu vết ám khói đen thường được hình thành và tồn tại trên các bề mặt phẳng như bề mặt tường, cửa kính, cửa gỗ ... Trong công tác KNHT cháy, dấu vết ám khói đen vừa mang tính phổ biến lại vừa chứa đựng nhiều thông tin quan trọng vì vậy cần phải được tập trung khai thác .

### **b. Dấu vết than hoá**

Chúng ta đều biết rằng các đồ đạc nội thất bằng gỗ, các loại giấy, vải thông thường có thành phần chủ yếu là Xenlulo. Các vật liệu này khi bị tác dụng nhiệt mạnh và thiếu không khí thường tạo thành những dấu vết than hoá. Sự hình thành và tồn tại của các dấu vết than hoá phụ thuộc vào bản chất của chất cháy và điều kiện cháy. Các loại gỗ khác nhau trong cùng một điều kiện có mức độ than hoá khác nhau. Gỗ có cấu trúc dày đặc khó bị than hoá hơn các gỗ có cấu tạo sợi xốp. Trong điều kiện nhiệt tác động mạnh và khả năng trao đổi không khí kém mức độ than hoá sâu hơn. Chiều hướng và mức độ của các dấu vết than hoá cũng phản ánh diễn biến của đám cháy. Các dấu vết than hoá thường hình thành và tồn tại trên các vật liệu như tre, gỗ, nứa, giấy tập, cuộn vải ... Dấu vết than hoá đôi khi cho chúng ta biết về thứ tự cháy của các vật liệu đã sinh ra chúng.



*Ảnh 3: Dấu vết than hoá trên thành cửa chỉ rõ hướng cháy từ trong ra ngoài và từ trên xuống, cửa ở vị trí mở*



*Ảnh 4: Dấu vết than hoá sâu thể hiện hương cháy giữa hai cột gỗ*

**c. Dấu vết cong vênh, biến dạng**

Hầu hết các vật liệu thông thường khi nóng nở ra và lạnh co lại nếu tác dụng nhiệt không đều ở hai bề mặt đối xứng nhau của vật liệu sẽ tạo thành các dấu vết cong vênh biến dạng, các dấu vết này thường xuyên xuất hiện ở các vật liệu bằng kim loại và thường phổ biến trong các đám cháy ở các nhà kho, phân xưởng, gian hàng...



*Ảnh 5: Dấu vết cong vênh biến dạng của hệ thống dàn mái*



*Ảnh 6: Dấu vết cong vênh trên hệ thống dàn mái*

**d. Dấu vết bong tróc, phòng rộp**

Bên trong các bề mặt thông thường đều tiềm tàng những túi không khí. Khi gặp nhiệt độ cao cả bề mặt và túi không khí bị giãn nở gây ra các dấu vết phòng rộp và bong tróc.



*Ảnh 7: Dấu vết bong tróc trên trần nhà*

Trong các đám cháy thông thường luôn luôn tồn tại các dấu vết bong tróc lớp vữa trát tường. Việc lặp lại dấu vết ám khói đen sau khi bong tróc thường là đặc điểm đáng chú ý bởi trên các dấu vết này người ta thường khai thác được những thông tin quan trọng.

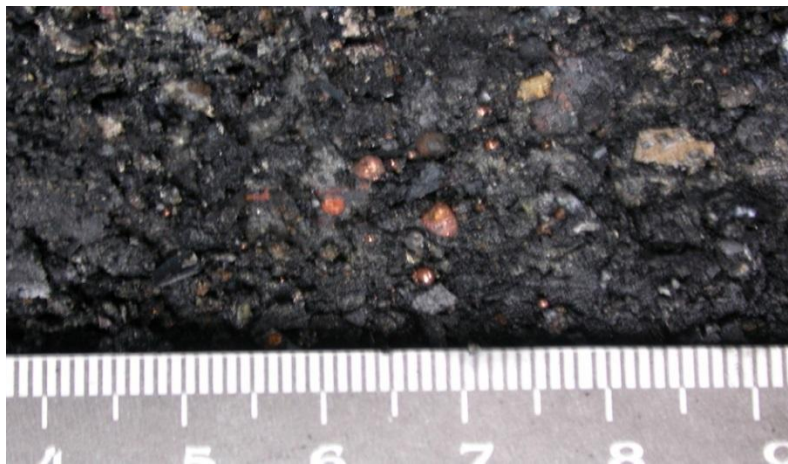
Các dấu vết phòng rộp trên bề mặt có tấm phủ chất bảo vệ cũng phản ánh chiều hướng và mức độ tác dụng nhiệt của ngọn lửa.



*Ảnh 8: Dấu vết phòng rộp phía trước và bên trái mạn tàu*

### *e. Dấu vết nóng chảy*

Đây là loại dấu vết phản ánh sự thay đổi trạng thái. Các dấu vết nóng chảy thường xuất hiện trong các hiện trường cháy có các chất liệu: nhựa, kim loại, thủy tinh. Việc khai thác thông tin từ các dấu vết nóng chảy theo thứ tự hình thành các lớp tàn than tro vật liệu cháy dở cho chúng ta những cơ sở xác định diễn biến quá trình cháy tại khoảng không gian chúng ta đang xét. Mặt khác dấu vết nóng chảy còn cho phép chúng ta xác định nhiệt độ tại khu vực cháy một cách tương đối chính xác căn cứ vào nhiệt độ nóng chảy đã biết của chất liệu. Đặc biệt dấu vết nóng chảy của dây dẫn điện là cơ sở cực kỳ quan trọng để xác định trong đám cháy có điện hay là không có điện và sự chạm chập đó là nguyên nhân hay là hậu quả của đám cháy. Tuy nhiên để khẳng định, điều đó. Các dấu vết chạm chập này phải được phát hiện và thu lượm đầy đủ đồng thời nằm trong mối quan hệ mật thiết với hệ thống dấu vết xung quanh nó.



*Ảnh 9: Các hạt đồng nóng chảy nằm lẫn trong đống than tro*

Chúng ta đều biết rằng với một chất cháy thông thường, nhiệt lượng của ngọn lửa do nó tạo ra không được tập trung cao bởi vậy để đốt nóng một phần nhỏ của dây kim loại đến nhiệt độ nóng chảy là tương đối khó khăn vì khả năng dẫn nhiệt của kim loại rất lớn, nhiệt luôn luôn được phân tán theo dây dẫn ra môi trường xung quanh. Ngược lại quá trình nóng chảy do chập mạch điện xảy ra tức thời trên một phần rất nhỏ. Nhờ năng lượng điện nhiệt độ nhanh chóng vượt qua nhiệt độ nóng chảy của kim loại thậm chí lên đến nhiệt độ sôi. Các nguyên tử kim loại lúc này không còn cấu tạo tinh thể bền vững nữa mà tuân theo những quy luật của chất lỏng. Các nguyên tử kim loại bên trong nằm trong một trạng thái cân bằng lực hấp dẫn nhưng các nguyên tử bề mặt lại không cân bằng lực và luôn luôn có xu hướng bị kéo vào phía trong chất lỏng tạo nên sức căng bề mặt và lúc này phần kim loại nóng chảy bị co tròn lại với một bề mặt căng đều. Khi bị làm lạnh đột ngột (thoát ly khỏi môi trường có nhiệt độ cao) các hạt kim loại này vẫn giữ nguyên hình dáng như khi ở trạng thái lỏng. Do ảnh hưởng của lực trọng trường nên các hạt có kích thước lớn bị biến dạng nhiều hơn các hạt nhỏ. Các hạt càng nhỏ càng có hình dạng gần giống với hình cầu.



*Ảnh 10: Dấu vết nóng chảy của dây dẫn đồng, các hạt càng nhỏ càng có hình dạng giống với hình cầu*

Mặt khác khi chuyển đột ngột từ trạng thái tinh thể kim loại sang trạng thái lỏng với nhiệt độ rất cao hạt kim loại nóng chảy sẽ cuộn vào bên trong nó, các lớp oxít tạo ra khi tiếp xúc với oxy không khí hoặc các vết tàn tro của đám cháy. Khai thác các dấu vết này cũng cho chúng ta những thông tin quan trọng.

#### **f. Dấu vết rạn nứt**

Sự rạn nứt có thể được gây ra do tác động của lực cơ học hoặc do nhiệt. Trong các hiện trường cháy chúng ta thường bắt gặp rất nhiều dấu vết rạn nứt trên gỗ, sứ và đặc biệt là trên thủy tinh. Các dấu vết rạn nứt trên kính có thể được bắt gặp riêng rẽ nhưng cũng có thể đi liền với các dấu vết khác, đặc biệt là dấu vết ám khói. Cũng như hầu hết các vật liệu khác, khi bị nóng thủy tinh giãn nở theo từng phần, từng lớp khác nhau và gây ra sự nứt vỡ. Đặc điểm của dấu vết rạn nứt do nhiệt trên thủy tinh là các đường ngoằn ngoèo và thông thường các nhánh nứt vỡ bị rơi về phía tác dụng nhiệt.



*Ảnh 11: Dấu vết rạn nứt trên tấm kính cửa sổ*

#### **g. Dấu vết biến đổi màu sắc**

Tác dụng của nhiệt gây ra nhiều chuyển hoá hoá học, một trong những biểu hiện của sự chuyển hoá đó là sự biến đổi màu sắc của các lớp phủ bảo vệ hoặc trang trí.



*Ảnh 12: Dấu vết biến đổi màu sắc trên mái tôn*

Nhiều vết loang màu đỏ xuất hiện trên tường quét vôi sau đám cháy là do sự chuyển hoá sắc tố vàng FeO thành sắc tố đỏ Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> hoặc những đám chất màu trắng xuất hiện trên các tấm tôn mạ kẽm xuất hiện sau khi cháy do sự tạo thành ZnO. Dấu vết biến đổi màu sắc phản ánh mức độ và chiều hướng tác dụng nhiệt trong quá trình phát triển của đám cháy.

**h. Dấu vết in hàn, che khuất**

Các dấu vết in hàn che khuất trong các đám cháy có ý nghĩa lớn trong việc xác định trạng thái ban đầu của các vật thể trước khi cháy.



*Ảnh 13: Dấu vết che khuất ở ổ cắm bên phải chứng minh sự có mặt của phích cắm trước và trong khi cháy.*

Các vật gây ra dấu vết này trong quá trình cháy đã bị biến dạng, hủy hoại hoặc thay đổi bản chất rất khó nhận biết thậm chí không còn tìm thấy được ở hiện trường. Tuy nhiên khi giải thích được đầy đủ quá trình hình thành các dấu vết in hàn, che khuất trong hiện trường cháy cho phép chúng ta hình dung được cách bố trí các vật thể trước khi sự cháy xảy ra và giải thích được diễn biến của quá trình cháy. Đặc biệt lưu ý đối với các dấu vết in hàn che khuất ở trên nền nhà dưới lớp tàn than tro.

**h. Dấu vết chất và vật liệu**

Các dấu vết chất và vật liệu thường có liên quan chặt chẽ với nguyên nhân cháy. Thuộc loại dấu vết này chúng ta thường bắt gặp dấu vết của các chất điểm hoá như thuốc cháy, thuốc pháo hoặc các chất dẫn lửa mạnh như xăng dầu, giẻ tẩm xăng dầu... Các dấu vết này được khai thác về khía cạnh bản chất của vật chất, nằm trong mối quan hệ trực tiếp với đối tượng gây án và động cơ gây án.



*Ảnh 15: Chiếc giẻ bị nhiệt tác động*



*Ảnh 16: Tàn than tro*

### **i. Dấu vết tàn trắng**

Khi vật liệu bị cháy trong điều kiện đủ oxy, sự cháy diễn ra hoàn toàn, vật liệu sẽ biến thành than với nhiều tàn trắng. Phần vật liệu bị cháy hoàn toàn tạo

thành than với nhiều tàn trắng được gọi là dấu vết cháy tàn trắng. Dấu vết tàn trắng tạo thành tro trắng, mịn. Loại dấu vết này dễ biến đổi, mất do hoạt động cứu chữa, do thời tiết...



*Ảnh 17: Dấu vết tàn trắng nằm sát nền hiện trường phản cháy cường độ cháy trong điều kiện đủ oxy*

Thực tiễn cũng cho thấy rằng, dấu vết này có ý nghĩa rất quan trọng bởi dấu vết cháy tàn trắng phản ánh sự cháy của vật liệu này xảy ra trong điều kiện đủ oxy đồng thời dựa vào dấu vết cháy tàn trắng có thể xác định được cường độ cháy. Đặc biệt khi tiến hành đánh giá dấu vết cháy, căn cứ vào vị trí tương quan giữa các dấu vết có cường độ cháy khác nhau để xác định hướng cháy và tọa độ điểm xuất phát cháy.

## **2. Hệ thống dấu vết không đặc trưng của cháy**

Là hệ thống dấu vết được hình thành không phải do tác động trực tiếp của đám cháy. Nó liên quan chặt chẽ với đối tượng gây ra cháy như dấu vết giày dép, dấu vân tay, dấu vết cạy phá, dấu vết máu, lông, tóc v.v. và các vật chứng có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội như bật lửa, khăn tay, giày dép...

Hệ thống dấu vết không đặc trưng của cháy giúp xác định nguyên nhân gây

cháy,  
đôi  
cháy và  
thức thủ  
cháy

...



xác định  
tượng gây  
phương  
đoạn gây

*Ảnh 18: Chi tiết kim loại của bật lửa ga được phát hiện tại khu vực xảy cháy.*

### **III. KHÁM NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG CHÁY**

#### **1. Khái niệm hiện trường cháy**

Trong khoa học hình sự, để xây dựng được khái niệm về “hiện trường” cần đảm bảo hai nội dung cơ bản sau:

- Hiện trường là một không gian nhất định, là nơi xảy ra, nơi phát hiện ra vụ việc mang tính hình sự.

- Hiện tượng vật chất xảy ra trong không gian hiện trường là những vụ việc mang tính hình sự.

*Hiện trường cháy là một không gian nhất định bao gồm nơi xảy ra quá trình cháy, nơi phát hiện ra các dấu vết vật chứng liên quan đến vụ cháy hoặc nguyên nhân điều kiện dẫn đến vụ cháy.*

#### **2. Đặc điểm của hiện trường cháy**

- Thường là một không gian rộng lớn, chịu rất nhiều ảnh hưởng của thời tiết mưa, nắng, gió hoặc những tác động ngẫu nhiên khác .

- Hiện trường cháy bị xáo trộn rất nhiều do bản thân những tác động tàn phá của ngọn lửa và những hoạt động cứu chữa dập tắt đám cháy.

- Hiện trường cháy luôn tiềm tàng các mối nguy hiểm như sập đổ tường, nhà, phát sinh khí độc, hoặc cháy nổ lại....

- Hiện trường cháy thường liên quan đến nhiều trang thiết bị kỹ thuật.

- Bên trong hiện trường cháy có thể bao gồm các hiện trường khác như giết người, trộm cắp, hủy hoại tài sản, tiêu hủy chứng cứ ...

Như vậy yêu cầu trước hết để khai thác một cách tốt nhất các dấu vết trên hiện trường cháy là cần phải khẩn trương tiếp cận, khai thác thông tin, lập kế hoạch và phối hợp các lực lượng để nhanh chóng tiến hành công tác khám nghiệm hiện trường.

#### **3. Công tác bảo vệ hiện trường và các biện pháp cấp bách khác**

- Quan sát, xác định phạm vi hiện trường cần bảo vệ .
- Giữ nguyên trạng hiện trường: Chăng dây, cấm biển, giới hạn lối ra vào, người ra vào.
- Bảo vệ dấu vết vật chứng: Che chắn, bảo quản các dấu vết nhạy cảm với các tác động khách quan.
- Ghi nhận những tin tức có liên quan đến vụ việc xảy ra: Ghi nhận các di biến động về hiện trường và các yếu tố liên quan sau khi sự việc xảy ra .

#### **4. Công tác khám nghiệm hiện trường**

##### **4.1. *Nắm tình hình, lập kế hoạch, bố trí lực lượng***

- Các thông tin cơ bản cần được xác định gồm quy mô đám cháy, thời điểm phát hiện cháy, các tình tiết của quá trình cứu chữa, những yếu tố cần có biện pháp xử lý như nguy hiểm sập đổ, sự phát sinh ra khí độc do đám cháy và các số liệu sơ bộ những thiệt hại về người, tài sản..
- Bố trí thành phần theo đúng quy định của pháp luật và các cán bộ chuyên môn kỹ thuật cần thiết.
- Chuẩn bị các phương tiện như valy khám nghiệm, máy ảnh, camera, đèn chiếu sáng, quạt thông gió và các dụng cụ bảo hộ.

##### **4.2. *Tiến hành khám nghiệm hiện trường***

###### **4.2.1. *Quan sát hiện trường chung***

Đối với hiện trường cháy việc quan sát một cách tổng thể đóng vai trò cực kì quan trọng. Với tầm quan sát rộng từ nhiều góc độ cho phép chúng ta dễ dàng giới hạn được vùng cháy, xác định được vùng cháy lan và xác định được phương án tiếp cận với hệ thống dấu vết đặc trưng cho cháy bên trong vùng cháy. Việc xác định vùng cháy lan dựa trên cơ sở nghiên cứu chiều hướng của dấu vết ám khói, dấu vết than hoá ... tồn tại ở ranh giới của vùng cháy. Tại đây, sự cháy đã phát triển qua một giai đoạn nhất định vì vậy các dấu vết cháy do nó tạo ra thường nằm ở vị trí khá cao.

Trong khi quan sát, xác định vùng cháy theo sự phát triển tự nhiên cần phải lưu ý xem xét, mô tả và ghi nhận các dấu vết cháy trên các ranh giới quy ước như ranh giới của các chủ sở hữu, chủ quản lý...

Đối với hiện trường cháy là nhà cao tầng, việc xác định vùng cháy và vùng cháy lan được thực hiện bằng cách khai thác thông tin từ các dấu vết cháy để lại tại đường lưu thông giữa các tầng như hệ thống cầu thang, hệ thống thông gió, hệ thống hộp kỹ thuật, các cặp cửa sổ tương ứng.

Tại vùng cháy lan, các dấu vết có giá trị thường không phải là dấu vết đặc trưng cho cháy mà chủ yếu là các dấu vết và vật chứng có liên quan đến thủ phạm

và phương tiện gây án như dấu vết giày dép , đồ đựng nhiên liệu và các dụng cụ phát lửa...

#### 4.2.2. Nghiên cứu hệ thống dấu vết cháy ở hệ thống cửa, khoá cửa.

Cùng với tường và vách ngăn, cửa là phần linh động của hệ thống giới hạn không gian. Xác định được trạng thái của cửa ngay trước và trong khi xảy ra cháy cho phép chúng ta đưa ra nhận định trong không gian mà nó giới hạn có hoặc không có các hoạt động của con người.

Nghiên cứu đầy đủ dấu vết cháy trên hệ thống cửa gồm cánh cửa, khuôn cửa, bản lề, khuy, khoá, chốt ,then... cho phép xác định trạng thái của cửa ngay trước và trong khi xảy ra cháy gồm có :

- Cửa đóng không khoá.
- Cửa đóng có khoá.
- Cửa khép hờ.
- Cửa mở hoàn toàn.

Các dấu vết điển hình để khai thác thông tin về trạng thái của cửa gồm dấu vết ám khói, dấu vết than hoá, dấu vết tàn than tro và dấu vết in hằn, che khuất.



*Ảnh 19: Dấu vết tác động nhiệt đồng đều trên hai cánh cửa sắt*

Dấu vết ám khói, than hoá giữa cánh cửa và khuôn cửa, giữa hai cánh cửa với nhau hoặc giữa cánh cửa và hèm cửa là những thông tin rất thuyết phục để chứng minh trạng thái cửa, trạng thái chốt cửa. Các dấu vết tàn than tro ngưng đọng, dấu vết biến đổi màu sắc và các dấu vết che khuất trên ổ khoá và then ngang của ổ khoá cho phép chúng ta xác định trạng thái của ổ khoá.

Ngoài ra để xác định trạng thái của cánh cửa người ta còn dựa vào các dấu vết in hằn, che khuất của cánh cửa, lên trên nền nhà, trên bờ tường hoặc các vật xung quanh. Các dấu vết này cho phép xác định một cách chính xác góc mở của cánh cửa. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp các cánh cửa gỗ bị cháy rụi hoàn toàn. Lúc đó để xác định góc mở của cánh cửa, người ta phải dựa vào trạng thái của các bản lề. Góc mở của các bản lề khi qua nhiệt thường chặt lại giữ nguyên trạng thái như trước khi cháy. Trong khi nghiên cứu các dấu vết đặc trưng của cháy trên hệ thống cửa cũng cần phải lưu ý khai thác các dấu vết khác như các dấu vết cạy phá, nứt vỡ cơ học hoặc các dấu vết về vật liệu, công cụ.

Tương tự như vậy cần mở rộng nghiên cứu các dấu vết đặc trưng của cháy để lại trên cửa sổ, cửa thông gió, các ô thoáng... xác minh rõ mối quan hệ qua lại giữa hai phần mà nó ngăn cách.

Mở rộng việc nghiên cứu các dấu vết đặc trưng cho cháy trên bề mặt tường bao xung quanh khu vực như các dấu vết ám khói, dấu vết bong tróc và dấu vết biến đổi màu sắc v.v cho phép chúng ta có thể xác định được chiều hướng phát triển của đám cháy cũng như xác định được vùng cháy và vùng bị ảnh hưởng của đám cháy .



*Ảnh 20: Mô tả bề mặt phía trong và ngoài tường nhà kho*

Cũng qua việc nghiên cứu hệ thống dấu vết cháy trong từng khu vực mà ta có thể đi đến nhận định tại khu vực mà ta đang xét là có người hay không có người tại thời điểm ngay trước và trong khi xảy ra cháy. Những nhận định này được dùng làm cơ sở để nêu ra giả thuyết về nguyên nhân cháy.

*4.2.3. Nghiên cứu các dấu vết cháy trên hệ thống mái*

Hệ thống giàn mái của các công trình xây dựng thường bao gồm trần và mái. Mái nhà có thể có thể có kết cấu vì kèo gỗ lợp ngói hoặc vì kèo thép, lợp tôn, kết cấu bê tông cốt thép. Trần nhà thường có cấu tạo phức tạp hơn, chủng loại vật liệu phong phú hơn theo yêu cầu sử dụng. Sau khi cháy, phần lớn các hệ thống dàn mái đã bị sập đổ, biến dạng. Các dấu vết đặc trưng cho cháy ở hệ thống giàn mái thường gặp là các dấu vết cong vênh, biến dạng, biến đổi màu sắc, bong tróc, than hoá, muội đen. Các dấu vết này thường được khai thác để xác định và chứng minh vùng cháy hoặc mức độ tác dụng nhiệt.

Bên trong hệ thống giàn mái (trong khoảng không gian giữa trần và mái) thường là nơi lắp đặt hệ thống dây điện cùng với các thiết bị điện tương ứng như hệ thống chiếu sáng, điều hoà không khí, quạt thông gió v.v. Vì vậy khi xem xét hệ thống trần mái phải tiến hành ghi nhận luôn về hệ thống điện.

Trong nhiều vụ cháy, mặc dù các kết cấu trần mái đã bị sập đổ nhưng còn liên kết khá chặt chẽ với nhau và với các kết cấu khác. Khi tiến hành KNHT thường phải di rời, xô dịch rất dễ gây ra nguy hiểm cho người hoặc làm xáo trộn thứ tự và mối quan hệ giữa các dấu vết. Vì vậy một mặt phải chú ý đảm bảo an toàn cho mọi người khi tiến hành công việc, mặt khác phải ghi nhận tỉ mỉ hoặc chụp ảnh từng lớp dấu vết trước khi lật giờ từ lớp này sang lớp khác.

*4.2.4. Nghiên cứu hệ thống dấu vết cháy trên nền nhà.*

Nền nhà là nơi mật độ dấu vết cháy tập trung cao nhất bởi vì nếu như nhiệt và luồng không khí nóng của đám cháy đi từ dưới lên trên thì ngược lại các sản phẩm khác của đám cháy sẽ hội tụ xuống dưới và thứ tự xếp lớp trên nền nhà.

Thứ tự của các sản phẩm cháy và vật mang các dấu vết cháy ở trên nền nhà phần nào cũng cho thấy thứ tự cháy của các vật liệu ở trong khoảng không gian cháy. Những vật cháy trước thường cho các sản phẩm cháy nằm ở phía dưới, các vật cháy sau cho các sản phẩm cháy nằm ở phía bên trên. Những sản phẩm cháy của vật cháy sớm nhất thường nằm sát mặt nền nhà. Những dấu vết điển hình nhất trong hệ thống dấu vết cháy thường bắt gặp trên nền nhà là dấu vết nóng chảy của nhựa, kim

loại, các tàn than tro của trần nhà... Mặt dưới của các tấm nhựa nóng chảy trên nền nhà thường lưu giữ nguyên vẹn tình trạng của nền nhà khi nó rơi xuống.

Đặc biệt trong nhiều vụ cháy việc phát hiện được các dấu vết nóng chảy của dây dẫn đồng, hoặc các hạt vảy hàn... là những dấu vết có ý nghĩa rất lớn cho việc xác định nguyên nhân của vụ cháy. Tuy vậy, khi thu lượm các dấu vết này cần phải ghi nhận tỉ mỉ mối quan hệ của nó với các dấu vết xung quanh.

Nền nhà cũng là nơi chứa đựng nhiều dấu vết quan trọng khác. Thông thường, các dấu vết này ít bị ngọn lửa phá hủy vì khi nằm sát mặt nền nhà các dấu vết này sẽ nằm ngoài tầm đốt nóng của ngọn lửa đồng thời còn bị các dấu vết cháy khác che phủ và dễ dàng toả nhiệt xuống nền nhà. Tuy vậy cũng như các dấu vết đặc trưng của cháy khác, các dấu vết này lại rất khó phát hiện hoặc không xác định được mối quan hệ của nó với môi trường xung quanh bởi chính sự xáo trộn trong việc tìm kiếm dấu vết khi tiến hành KNHT. Thuộc loại dấu vết này ta có thể bắt gặp trong hiện trường cháy là đầu mẩu thuốc lá, các que diêm, bật lửa, vỏ dây cháy chậm và các dụng cụ phát lửa khác. Ngoài ra dấu vết của các chất dẫn cháy như nhiên liệu, dung môi thường cũng được thu lượm trên các vật mang tồn tại trên nền nhà.

Trên nền nhà còn chứa đựng nhiều dấu vết in hằn, che khuất của các đồ đạc nội thất và các thiết bị kĩ thuật. Các dấu vết này giúp ta dễ dàng xác định và dựng lại cách bài trí ban đầu qua đó giải thích quá trình hình thành các dấu vết cháy hoặc làm cơ sở để tiến hành thực nghiệm điều tra.

Thông thường trong đa số các hiện trường cháy thì tập hợp các dấu vết quyết định cho việc xác định và chứng minh điểm xuất phát cháy được tìm thấy trong hệ thống các dấu vết tồn tại trên nền nhà. Vì vậy khi tiến hành KNHT tại khu vực này cần hết sức tỉ mỉ, thận trọng, đặc biệt khi phải lật giở, đào, phân lớp sản phẩm cháy trên nền nhà. Khi cần thiết phải xáo trộn cần phải ghi chép và chụp ảnh cẩn thận.

*4.3. Nhận định sơ bộ về vùng cháy, điểm xuất phát cháy và đánh giá, phân loại các dấu vết thu được*

#### *4.3.1. Vùng cháy đầu tiên*

Vùng cháy đầu tiên là một khoảng không gian xác định nằm trong đối tượng bị cháy mà bên trong nó có chứa điểm xuất phát cháy, từ vị trí này mà ngọn lửa bùng lên và đám cháy được lan truyền ra các hướng.

Thực chất của vùng cháy đầu tiên chỉ được xác định một cách tương đối nhằm thu hẹp khoảng không gian cần khám nghiệm tỉ mỉ trong toàn bộ hiện trường cháy và có tập trung trọng điểm nhằm đạt được mục tiêu quan trọng là xác định chính xác điểm xuất phát cháy.

- Khi tiến hành xác định vùng cháy đầu tiên cần nắm vững mô hình, kết cấu và chủng loại vật liệu các đối tượng bị cháy. Bên cạnh đó phải nắm được sơ đồ sắp xếp hàng hoá, đồ vật, sơ đồ điện, các thiết bị dây chuyền công nghệ lắp đặt trong hiện trường cháy đồng thời xem xét thời tiết, hướng gió, cấp gió tại thời điểm xảy ra cháy.

- Căn cứ vào việc nghiên cứu tổ hợp các hệ thống dấu vết cháy.

#### 4.3.2. Điểm xuất phát cháy

Điểm xuất phát cháy là một vị trí có tọa độ không gian 3 chiều hoàn toàn xác định mà tại đó năng lượng của nguồn nhiệt đạt đến nhiệt độ bắt cháy của môi trường cháy và gây ra sự cháy đầu tiên.

Việc xác định điểm xuất phát cháy có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác KNHT cháy. Đây là mục tiêu phải đạt được trong quá trình thực hiện KNHT cháy bởi việc xác định được điểm xuất phát cháy mới cho phép tìm được chính xác nguồn nhiệt và chất môi gây cháy.

Việc xác định điểm xuất phát cháy cũng được tiến hành như việc xác định vùng cháy đầu tiên là căn cứ vào tổ hợp dấu vết cháy trên hiện trường xung quanh điểm xuất phát cháy theo chiều diễn biến đám cháy để các chiều diễn biến cháy quy tụ về một điểm. Điểm đó chính là điểm xuất phát cháy.

#### **Chú ý:**

- Chỉ tiến hành phát hiện, thu lượm và phân tích tổ hợp các dấu vết cháy để xác định điểm xuất phát cháy trong phạm vi vùng cháy đầu tiên.

- Cần xác định tọa độ chiều cao của điểm xuất phát cháy. Để đạt được điều này cần phải căn cứ vào tổ hợp các dấu vết cháy theo độ cao của các đồ vật ở xung quanh điểm xuất phát cháy và căn cứ vào sự phân bố các lớp than tro trên nền nhà.

Sau khi nghiên cứu hệ thống dấu vết cháy trên các khu vực của hiện trường cần phải có hội ý trao đổi thông tin về các dấu vết đã thu lượm được và thống nhất nhận định giữa các cán bộ trực tiếp tham gia KNHT. Đến đây nếu chưa đưa ra được nhận định về ranh giới và tọa độ của vùng cháy đầu tiên và điểm xuất phát cháy thì cần phải xem xét lại quá trình khai thác hệ thống dấu vết cháy. Nếu các thành viên của đoàn KNHT có thể thống nhất được với nhau về vùng cháy đầu tiên và điểm xuất phát cháy thì cũng cần kiểm tra xem xét và bổ sung các yếu tố để chứng minh và biện luận về vùng cháy đầu tiên và điểm xuất phát cháy. Các yếu tố này chủ yếu được thể hiện ở biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh hiện trường.

Việc xác định chính xác về điểm xuất phát cháy và các yếu tố khác (như tại thời điểm phát hiện cháy tại đó có người hay không có người, khu vực đó có điện hay không có điện... ) mà có thể đưa ra các giả thuyết về nguyên nhân xảy ra cháy.

#### 4.3.3. Phát hiện, thu lượm, bảo quản dấu vết vật chứng

\* Yêu cầu:

- Các dấu vết, vật chứng thu được phải dễ dàng vận chuyển, không bị hư hỏng biến đổi trong quá trình vận chuyển.

- Đa dạng về chủng loại, kích cỡ.

- Không bị nhiễm bẩn, biến đổi về phẩm chất.

- Dễ dàng niêm phong, đóng gói.

- Phục vụ có hiệu quả cho công tác giám định.

\* Các dấu vết là sản phẩm cháy như khói, lửa, mùi, vị. Đây là loại dấu vết đặc biệt chỉ xuất hiện khi đám cháy xảy ra. Vì vậy cần phải có nhân chứng mô tả thật kỹ về màu sắc của khói lửa mà họ cảm nhận được. Tốt nhất là cần chụp ảnh, ghi hình các loại dấu vết đó. Nếu cần thiết có thể thực nghiệm.

\* Các loại dấu vết dùng để xác định vùng cháy đầu tiên và điểm xuất phát cháy.

Các loại dấu vết này thường là một số dấu vết cháy đặc trưng như than hóa, ám khói, cong vênh biến dạng, bong tróc, biến đổi màu sắc... thì cần phải được tiến hành khai thác:

- Mô tả thật kỹ, chi tiết trong biên bản KNHT và trên sơ đồ hiện trường.

- Chụp ảnh, ghi hình toàn cảnh và chụp chi tiết và dấu vết.

- Nếu thấy cần thiết phải thu lượm dấu vết thì phải tiến hành đảm bảo các yêu cầu trên.

\* Các dấu vết, vật chứng dùng để xác định nguyên nhân, điều kiện dẫn đến vụ cháy.

*Chú ý: Chỉ tiến hành tìm kiếm, thu thập vật chứng khi xác định được điểm xuất phát cháy.*

Các dấu vết, vật chứng thường là tàn than tro, dấu vết ở ổ cháy, kênh cháy, các, các hạt kim loại nóng chảy... và phải được khai thác, thu lượm đóng gói và bảo quản như sau:

- Mô tả kỹ những dấu vết, vật chứng trong biên bản KNHT và trên sơ đồ HT.

- Chụp ảnh, ghi hình.

- Tiến hành thu lượm đóng gói bảo quản. Việc thu lượm các dấu vết vật chứng tùy thuộc vào từng loại:

- Nếu là chất lỏng thì cho vào chai, lọ sạch đậy kín

- Nếu là than tro thì cho vào túi PE sạch, buộc kín.
- Nếu là các vật thể khác như bóng đèn, hạt kim loại nóng chảy, dây dẫn điện cũng được cho vào túi PE sạch gói kín.
- Nếu là chất khí thì trong trường hợp không có chuột khí thì dùng chai thủy tinh đổ đầy nước và đổ ra rồi đóng chặt nắp lại.
- Các mẫu vật chứng, dấu vết phải được bảo quản độc lập.
- Mẫu so sánh và mẫu cần giám định phải được đóng gói, bảo quản riêng biệt tránh nhiễm từ mẫu nọ sang mẫu kia.

#### 4.4. Hoàn thành các văn bản có liên quan đến công tác khám nghiệm hiện trường

Sau khi tiến hành công tác KNHT cần phải kịp thời hoàn thành các văn bản sau:

- Biên bản khám nghiệm hiện trường.
- Sơ đồ hiện trường.
- Bản ảnh hiện trường .
- Báo cáo kết quả khám nghiệm hiện trường.

#### \* **Biên bản khám nghiệm hiện trường**

Đối với hiện trường cháy do đặc điểm rộng lớn và phức tạp, việc viết biên bản KNHT cháy thường phải chia làm hai bước gồm:

- *Bước thứ nhất:* Ghi chép đồng thời với công tác khám nghiệm hiện trường để ghi nhận một cách đầy đủ, khách quan về mọi thông tin dấu vết, vật chứng phát hiện, thu được.

- *Bước thứ hai:* Viết lại hoàn chỉnh sau khi kết thúc khám nghiệm hiện trường. Những người có tên trong thành phần khám nghiệm hiện trường và những người chứng kiến đều ký tên vào biên bản ngay tại hiện trường.

Biên bản KNHT cần hết sức tránh mô tả tràn lan. Ngoài việc mô tả hiện trường chung thì chỉ tập trung mô tả các dấu vết điển hình có liên quan trực tiếp và có giá trị chứng minh về vùng cháy đầu tiên, điểm xuất phát cháy và nguyên nhân gây cháy.

\* **Sơ đồ hiện trường:** Sơ đồ hiện trường là bản vẽ mô tả hiện trường và các dấu vết, vật chứng phát hiện, thu được ở hiện trường nhằm minh họa cho biên bản khám nghiệm hiện trường và là tài liệu quan trọng bổ sung cho biên bản khám nghiệm hiện trường.

Yêu cầu đối với sơ đồ hiện trường:

- Ở sơ đồ chung và sơ đồ khu vực vẽ hướng Bắc ở phía trên và có mũi tên chỉ hướng Bắc .
- Vẽ sơ đồ theo tỷ lệ hợp lý và ghi rõ số đo vào sơ đồ

- Hạn chế viết vào sơ đồ, khi cần viết chỉ được viết chữ hoặc số theo một chiều (hướng Bắc )

- Sử dụng thống nhất đơn vị đo cho mỗi sơ đồ .
- Sử dụng thống nhất kí hiệu khi vẽ sơ đồ .

**\* Bản ảnh hiện trường**

Bản ảnh hiện trường là tài liệu minh họa cho biên bản khám nghiệm hiện trường, ghi nhận bằng hình ảnh toàn bộ quang cảnh hiện trường cũng như vị trí, trạng thái, đặc điểm của đồ vật, dấu vết, vật chứng ở hiện trường.

Các yêu cầu đối với bản ảnh hiện trường:

- Ảnh phải đáp ứng được mục đích cần mô tả: Gồm ảnh toàn cảnh, ảnh định hướng, ảnh từng phần và ảnh chi tiết. Phải chụp đúng đối tượng, đúng khoảng cách, đúng góc độ để ghi nhận được đầy đủ những thông tin cần thiết về dấu vết, vật chứng.

- Trình bày bản ảnh phải có hệ thống và lôgic. Cách trình bày là theo thứ tự từ chung đến riêng, từ bao quát đến cụ thể, chi tiết dựa vào các ảnh đã chụp.

**a) Nguyên tắc chụp ảnh hiện trường vụ cháy và dấu vết cháy**

Ảnh chụp thể hiện rõ chiều hướng diễn biến của đám cháy qua dấu vết cháy, nghĩa là chụp thể nào để so sánh vị trí này bị nhiệt tác động mạnh với vị trí kia bị tác động nhẹ, mặt này của vật thể bị nhiệt tác động mạnh hơn mặt đối diện. Từng ảnh chụp phải mang tính chất hình sự và có giá trị làm chứng cứ chứng minh tốt nhất, ảnh phải rõ nét, màu sắc trung thực

**b) Các bước chụp ảnh**

- Chụp toàn cảnh hiện trường vụ cháy, theo từng góc độ, nếu hiện trường rộng lớn mà ống kính không thu hết hình ảnh thì phải chụp ảnh ghép.

- Chụp định hướng các vị trí dấu vết hoặc đồ vật mang dấu vết. Phải chụp ảnh thể nào để thể hiện vị trí, đồ vật hoặc dấu vết, mẫu vật chứng cần chụp nằm ở vị trí nào trong hiện trường rộng lớn (*chọn vật lấy làm mốc chuẩn*), nếu cần thiết phải đánh số thứ tự cho gian nhà hay cột nhà hoặc cột ghi phương hướng cụ thể... đặt vào vị trí, đồ vật, dấu vết cần chụp.

- Chụp chi tiết các vị trí quan trọng hoặc đồ vật mang dấu vết khi cần chụp cận cho rõ nét, bắt buộc phải đặt thước tỷ lệ.

- Chụp đặc tả các dấu vết, mẫu vật chứng, bắt buộc phải đặt thước tỷ lệ.

**c) Bố cục bản ảnh hiện trường vụ cháy**

Bản ảnh phải trình bày có hệ thống lôgic từ bao quát đến cụ thể, từ chung đến riêng, từ cụ thể đến đặc tả (*trình bày theo bố cục của biên bản khám nghiệm hiện trường vụ cháy*)

#### d) Sơ đồ hiện trường vụ cháy

Sơ đồ hiện trường vụ cháy là văn bản pháp lý đi kèm biên bản khám nghiệm hiện trường, nhằm minh họa cho biên bản khám nghiệm hiện trường và là tài liệu bổ sung quan trọng cho biên bản khám nghiệm hiện trường. Có sơ đồ hiện trường thì khi đọc biên bản mới hình dung được các hướng Bắc - Nam - Đông - Tây của hiện trường cũng như chiều hướng diễn biến của đám cháy và vị trí phát hiện ra dấu vết và mâu thuẫn vật chứng.

#### e) Yêu cầu với sơ đồ hiện trường vụ cháy

- Phải vẽ đủ: Sơ đồ chung, sơ đồ khu vực, sơ đồ chi tiết. Các sơ đồ phải vẽ hướng Bắc lên trên và có mũi tên chỉ hướng Bắc ở góc trên bên phải của sơ đồ.

- Vẽ theo tỷ lệ hợp lý hoặc ghi rõ số đo vào sơ đồ theo một đơn vị thống nhất. Tỷ lệ hợp lý là kích thước của các đồ vật, các khoảng cách phải đúng tỷ lệ với các kích thước ngang dọc của nền nhà, giữa các cạnh của đồ vật.

Ví dụ:

Vẽ cái giường nằm 2m x 1,5m thì chiều dài của giường 4cm thì chiều ngang là 3cm mới hợp lý về tỷ lệ.

#### e) Quy định

- Hạn chế viết chữ vào sơ đồ mà đánh số vào các đồ vật dấu vết rồi ghi chú xuống dưới, nếu viết chữ vào sơ đồ sẽ làm rối mắt, rất khó xem sơ đồ và làm cho sơ đồ kém mỹ quan, không khoa học.

- Các ký hiệu mô tả các mẫu vật chứng là các đồ vật phải thống nhất theo tài liệu hướng dẫn.

#### \* Báo cáo kết quả khám nghiệm hiện trường

Nội dung báo cáo kết quả khám nghiệm hiện trường gồm các nội dung chủ yếu:

- Tên vụ việc cháy
- Địa điểm xảy ra .
- Thời gian phát hiện, xảy ra cháy
- Tóm tắt tình hình sự việc và những hoạt động ban đầu tại hiện trường.
- Quá trình khám nghiệm hiện trường và kết quả .
- Ý kiến phân tích, đánh giá, nhận định.
- Đề xuất.